MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Thông tin về cơ sở 1
2. Căn cứ pháp lý lập báo cáo đề xuất cấp giấp phép môi trường.....2
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....6
1. Tên chủ cơ sở:.....6
2. Tên cơ sở: 6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: 7
3.3. Sản phẩm của cơ sở: 9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 9
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu cho giai đoạn vận hành của cơ sở.....9
4.2. Nhu cầu sử dụng điện 10
4.3. Nhu cầu sử dụng nước 11
4.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở 12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....13
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....13
5.2. Hiện trạng thực hiện các công trình bảo vệ môi trường.....15
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 19
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 27
1. Các công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom xử lý nước thải của cơ sở.....27
1.1. Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa 27
1.2. Các công trình, biện pháp thu gom thoát nước thải 31
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của cơ sở.....53

3. Công trình xử lý, thu gom chất thải rắn thông thường 59
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 59
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp: 60
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 61
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 63
5.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn 63
5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung 63
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 63
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: 72
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 72
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp: 73
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: 73
Chương IV 74
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 74
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 74
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải 74
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: 77
2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải 77
2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải 78
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 79
3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung 79
3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung 80
4. Nội dung đề nghị cấp phép về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 80
4.1. Quản lý chất thải 81
4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 82
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: 82
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: 82
CHƯƠNG V 83
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 83

1. Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với nước thải 83
Chương VI 86
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 86
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở: 86
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....86
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 87
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....87
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....88
CHƯƠNG VII 89
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 89
ĐỐI VỚI CƠ SỞ 89
CHƯƠNG VIII 90
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....90

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CTNH	:	Chất thải nguy hại
KCN	:	Khu công nghiệp
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
TCXD	:	Tiêu chuẩn xây dựng
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	:	Tài nguyên môi trường
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1: Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất cho hoạt động sản xuất của cơ sở dự kiến trong 01 tháng 9
Bảng 1. 3: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở 12
Bảng 1. 4: Bảng tổng hợp các hạng mục công trình của cơ sở 13
Bảng 2. 1: Danh sách các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động tại KCN Quang Châu ...20
Bảng 2. 2: Đặc trưng cơ bản của nước thải theo ngành thu hút vào KCN Quang Châu 24
Bảng 3. 1: Các thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của cơ sở 29
Bảng 3. 2: Tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở 31
Bảng 3. 3: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở 32
Bảng 3. 4: Danh mục hạnh mục công trình, máy móc của HTXL nước thải 39
Bảng 3. 5: Thông số kỹ thuật của 1 hệ thống xử lý khí thải 55
Bảng 3. 6: Bảng tổng hợp chất thải sản xuất của cơ sở 60
Bảng 3. 7: Bảng tổng hợp chất thải nguy hại của cơ sở 61
Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sau xử lý tại nhà máy 83
Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với khí thải tại nhà máy 85
Bảng 6. 1: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm 86
Bảng 6. 2: Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải 87

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Sơ đồ công nghệ sản xuất của nhà máy 7
Hình 3: Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở.....29
Hình 4: Sơ đồ thiết kế hệ thống rãnh thoát nước mưa 29
Hình 5: Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....30
Hình 6: Sơ đồ quản lý nước thải phát sinh khi hoạt động của cơ sở.....32
Hình 7: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....34
Hình 8: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.....36
Hình 9: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải của cơ sở 54
Hình 10. Sơ đồ quy trình thu gom CTR sinh hoạt đang hoạt động.....60

MỞ ĐẦU

1. Thông tin về cơ sở

Cơ sở "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" do Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang làm chủ đầu tư được thực hiện tại tại Lô P (P3), Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9805607025 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp; chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 12 năm 2021.

Phạm vi báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" với mục tiêu hoạt động: sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản. Tổng vốn thực hiện dự án là 169.000.000.000 đồng xét theo Khoản 4, Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, cơ sở thuộc dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

* Căn cứ lập GPMT:

- Đối chiếu theo phụ lục II kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Cơ sở nằm trong khu công nghiệp Quang Châu đấu nối nước thải với hạ tầng khu công nghiệp, đối chiếu theo khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Quy mô cơ sở theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: cơ sở thuộc nhóm B.

=> Cơ sở thuộc mục số 2, Phụ lục IV (dự án nhóm II) của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/01/206 và đang vận hành ổn định theo quy mô được cấp trong chứng nhận đầu tư mã số 9805607025 (thay đổi lần thứ ba, ngày 26/6/2014 với ngành nghề sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản: 240.000 tấn sản phẩm/năm.

- Ngày 10/12/2021 chủ cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ tư với nội dung là: điều chỉnh thông tin người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện dự án. Cụ thể đổi từ đại diện pháp luật ông *Shao Bin* sang ông *Li*

Xuejiu. Quy mô hoạt động của cơ sở vẫn giữ nguyên theo chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ ba.

Do vậy, cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định tại mục số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo điểm c, khoản 3, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh.

Do đó, Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xém xét, trình UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt.

Cấu trúc và nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" được trình bày theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Căn cứ pháp lý lập báo cáo đề xuất cấp giấp phép môi trường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" được lập dựa trên các căn cứ pháp lý như sau:

a. Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2001;
- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày ngày 21/11/2007;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2012;
- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2013;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/11/2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 18/6/2014;
- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/06/2015;
- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2017;
- Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2019;

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020.

b. Nghị định

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết của một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ban hành ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;
- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ban hành ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về Quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c. Thông tư

- Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;
- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d. Quyết định

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động (các tiêu chuẩn vẫn còn hiệu lực);
- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Quyết định số 2149/QĐ-Ttg ngày 17/12/2009 về phê duyệt chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
- Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

e. Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam

- TCVN 33:2006 cấp nước-mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung;
- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc;
- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô P (P3), Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Li Xuejiu

+ Chức vụ: Tổng giám đốc Ngày sinh: 16/8/1968

+ Giới tính: Nam Quốc tịch: Trung Quốc

+ Hộ chiếu số: E94339036 do Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam cấp ngày 17/03/2017.

+ Địa chỉ thường trú: số 1101 D2 DaZheng Yuan, đường Ya Yang Chu dadao, thành phố Bazhong, tỉnh Sichuan, Trung Quốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101044677-002; Đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 5 năm 2021 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

2. Tên cơ sở:

" Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản"

- Địa điểm thực hiện: Lô P (P3), Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9805607025 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp; chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 12 năm 2021.

- Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản";

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Theo khoản 6, Điều 2, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9805607025, cơ sở có tổng vốn 169.000.000.000 VNĐ, Do đó, theo Khoản 4, Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, cơ sở thuộc dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Mục tiêu của cơ sở: sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản.

- Quy mô đầu tư của cơ sở : 240.000 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

3.2.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi

Phương án công nghệ được lựa chọn đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm đảm bảo và an toàn về mặt môi trường.

Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi được trình bày tóm tắt dưới đây:

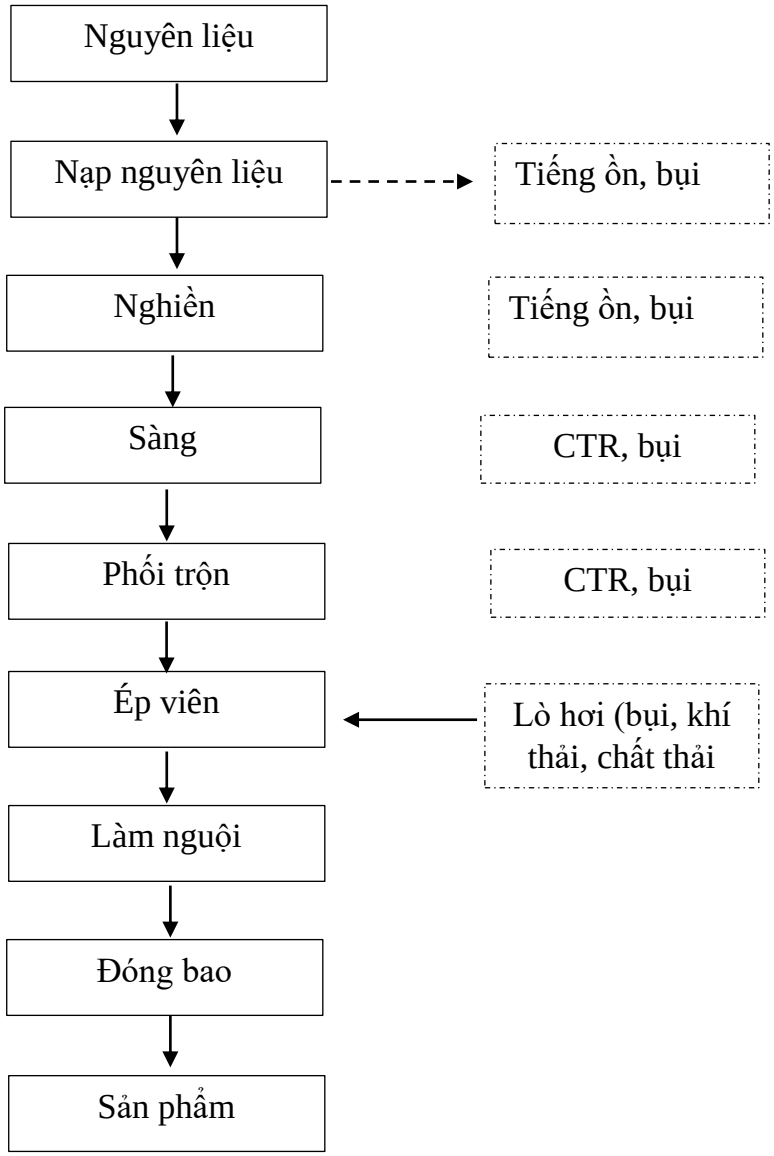

Hình 1: Sơ đồ công nghệ sản xuất của nhà máy

**** Thuyết minh quy trình:***

Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi của nhà máy là quy trình sản xuất khép kín, nguyên liệu được đưa vào đầu dây chuyền và sản phẩm ra ở cuối dây chuyền.

Nhập nguyên liệu:

Nguyên liệu dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi gồm sắn, ngô, khô dầu lạc, cám gạo,....

Nguyên liệu được nhập kho phải kiểm tra chất lượng nhằm loại bỏ các nguyên liệu không đạt chất lượng giúp thuận lợi cho công đoạn sản xuất tiếp theo.

Chuẩn bị: Nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất phải qua khâu chuẩn bị nhằm kiểm tra chất lượng cũng như số lượng của từng loại nguyên liệu. Sau khi kiểm tra sẽ được băng tải kéo lên và chứa vào các silo riêng.

Sàng: Nguyên liệu được đưa qua công đoạn sàng để loại bỏ tạp chất.

Cân: Tại công đoạn này nguyên liệu sẽ được cân theo một lượng nhất định cho từng loại sản phẩm, Mỗi sản phẩm khác nhau sẽ có tỷ lệ phối trộn khác nhau.

Nạp nguyên liệu: Sau khi qua các công đoạn chuẩn bị, nguyên liệu đưa vào hệ thống nạp và chuẩn bị đưa sang bước tiếp theo.

Nghiền nguyên liệu: nguyên liệu dạng to sẽ đưa vào bồn chờ nghiền đối với từng loại nguyên liệu sau đó qua máy nghiền nhỏ, sau nghiền nhỏ dạng bột sẽ đưa đến các bồn chứa riêng đối với từng loại nguyên liệu. Quá trình nghiền nhỏ giúp tăng khả năng tiếp xúc lẫn nhau trong quá trình trộn các loại nguyên liệu với nhau.

***Sàng*:** Nguyên liệu sau khi nghiền sẽ đưa sang công đoạn sàng để lựa chịn kích cỡ hạt yêu cầu.

Trộn hỗn hợp: Các nguyên liệu sau nghiền chứa riêng từng loại tại các bồn chứa, tiếp theo nguyên liệu được thiết bị cân cân theo công thức, đưa vào máy trộn, ngoài nguyên liệu lớn được đưa vào còn bổ sung thêm hỗn hợp vi lượng, tại máy trộn nguyên liệu và hỗn hợp vi lượng được trộn đều. Sau trộn các nguyên liệu theo tỷ lệ với nhau sẽ hình thành sản phẩm cám và được chia làm 2 loại:

- Nếu là cám bột thì sản phẩm sau trộn sẽ đưa về bồn thành phẩm, sau đó được đóng bao theo quy định và chờ xuất hàng.

- Nếu là sản xuất cám dạng viên thì sản phẩm sau trộn sẽ phải thực hiện thêm bước tạo viên để thành sản phẩm cám viên.

Ép viên: Sản phẩm sau nghiền và trộn sẽ được đưa từ máy trộn lên chờ chế viên, tiếp tục qua máy ép viên, qua máy làm lạnh.

- Quá trình ép viên là để tạo ra hình sạng viên thức ăn bền vững đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng. Các nguyên liệu sau trộn và làm nóng, sử dụng hơi nước ở nhiệt độ cao (từ lò hơi cấp đến) và áp lực để trộn và tạo kết dính các nguyên liệu để sản xuất

ra các viên có kích thước đều nhau được đưa qua bàn ép có chứa các lỗ và trục cán ép thành viên. Trong quá trình ép viên hỗn hợp được trộn làm nóng đến khoảng 85°C và độ ẩm 16% trong thời gian 5-20 giây.

- Làm lạnh: Sản phẩm sau tạo viên ở nhiệt độ cao do vậy sẽ được làm lạnh về nhiệt độ môi trường bằng khí tự nhiên nhờ quạt gió.

Liệu sau khi làm lạnh được đưa lên sàng, rồi vào bồn thành phẩm, cuối cùng là cân đóng bao, kiểm tra đạt tiêu chuẩn, nhập kho, xuất hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản dạng bột và viên: 240.000 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Cơ sở đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/1/2016 và đi vào hoạt động ổn định từ năm 2016 đến nay cơ sở không xây dựng thêm hạng mục công trình nào. Do đó, cơ sở chỉ tổng hợp nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động sản xuất của cơ sở:

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu cho giai đoạn vận hành của cơ sở

Bảng 1. 1: Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất cho hoạt động sản xuất của cơ sở dự kiến trong 01 tháng

STT	Tên nguyên liệu	ĐVT	Tổng khối lượng
Nhu cầu sử dụng nguyên liệu trong 1 năm			
1	Ngô hạt	Tấn	130.000
2	Khô dầu đậu tương	Tấn	60.000
3	Hạt đậu tương	Tấn	25.000
4	Cám gạo	Tấn	30.000
5	Bột xương	Tấn	500
6	Phụ gia khác	Tấn	6.000
	Tổng	**Tấn**	**251.500**

Tại cơ sở có sử dụng một số loại hóa chất gồm: các loại este, muối vô cơ, axit hữu cơ, axit vô cơ, rượu hữu cơ,.. dùng để bổ sung các yếu tố vi lượng trong thành phần của cám thành phẩm tại công đoạn trộn hỗn hợp. Các muối vô cơ, các loại este, axit hữu cơ rất lành tính không gây hại đến sức khoẻ con người khi tiếp xúc.

Một số loại nguyên liệu khác:

STT	Tên nguyên liệu	ĐVT	Tổng khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Mùn cưa ép	Kg/tháng	8.764	Nhiên điệu đốt lò hơi
2	Xăng	Lít/giờ	10-15	Chạy máy phát điện dự phòng
3	Dầu LC 1900	Lít/năm	100	Làm mát và bôi trơn máy móc thiết bị
4	Dầu LC 2800	Lít/năm	150	
5	Khí gas	Kg/năm	90	Phục vụ nấu ăn cho công nhân
6	Hoá chất khử trùng Clorine dạng viên nén	Kg/tháng	3,0	Khử trùng nước thải sinh hoạt tại HTXLNT
7	Mật rỉ đường	Kg/tháng	15	Bổ sung vào HTXL nước thải
8	Chế phẩm Emic (EM)	Kg/tháng	2	Bổ sung vào bể tự hoại

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhà máy sử dụng điện từ mạng lưới cấp điện chung của Khu công nghiệp Quang Châu mạng lưới điện cao thế 22KV được cung cấp dọc các trục đường giao thông nội bộ trong KCN. Nguồn điện được cung cấp ổn định và liên tục thông qua trạm biến áp 2.000 KVA của cơ sở lắp đặt đủ cho nhu cầu sản xuất, văn phòng, chiếu sáng, bảo vệ.

- Nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất trong giai đoạn ổn định của cơ sở được thống kê trong bảng sau:

STT	Thời gian	Tiêu thụ	Đơn vị
1	Tháng 1/2023	274.948	kWh
2	Tháng 2/2023	274.366	kWh
3	Tháng 3/2023	306.206	kWh
4	Tháng 4/2023	292.503	kWh
5	Tháng 5/2023	311.097	kWh
6	Tháng 6/2023	305.730	kWh
7	Tháng 7/2023	295.961	kWh
	Trung bình	**294.401 kWh/tháng**	

(Nguồn: Hoá đơn điện của cơ sở)

Như vậy, tổng lượng điện năng tiêu thụ của cơ sở khoảng 294.401 kWh trong 1 tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

*** Lưu lượng nước sử dụng**

Theo hoá đơn sử dụng nước những tháng đầu năm 2023, tổng nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở khoảng 37 m^3/ngày.đêm. Cụ thể:

- Nước phục vụ sinh hoạt:

Hiện tại, cơ sở đang sản xuất với quy mô khoảng 100 cán bộ công nhân viên và tiến hành nấu ăn cho công nhân tại nhà máy. Định mức sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của công nhân và tính cho cả hoạt động nấu ăn là 100 lít/người.ngày đêm. Do đó, với quy mô tối đa 100 công nhân viên của cơ sở thì lưu lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt khoảng 10 m^3/ngày.đêm.

- Nước phục vụ sản xuất*:*

+ Căn cứ vào tình hình sản xuất hiện tại của cơ sở, nhu cầu sử dụng nước trong quá trình sản xuất của cơ sở chủ yếu cho cho 1 lò hơi đang hoạt động với lưu lượng khoảng 18 m^3/ngày.

+ Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải: Hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy có bể nước hấp phụ, hằng ngày sẽ phải bổ sung định kỳ khoảng 1 m^3/ngày vào bể nước do lượng nước thất thoát do bay hơi.

- Nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường: Khoảng 8 m^3/ngày.

- Ngoài ra còn nước cấp cho hoạt động PCCC, dự án thiết kế bể chứa nước ngầm 300 m^2 để lưu chứa nước dự trữ cho hoạt động PCCC tại dự án.

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở:

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng sử dụng	Đơn vị
1	Nước cấp cho sinh hoạt	10	m^3/ngày (8 tiếng)
2	Nước cấp cho lò hơi	18	m^3/ngày
3	Nước cấp cho HTXL khí thải	1	m^3/ngày
4	Nước tưới cây, rửa đường	8	m^3/ngày
	Tổng	**37**	**m^3/ngày**

*** Nguồn nước sử dụng**

Nguồn nước cấp cho cơ sở do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang qua hệ thống cấp nước của KCN Quang Châu, nước sạch qua hệ thống ống nhựa PVC đường kính 220mm, dày 1,5cm dẫn vào bể nước ngầm có thể tích 200 m^3 và bơm cấp đến hệ thống đài nước và từ đây được cấp đến từng vị trí sử dụng của nhà máy.

4.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở

Máy móc dùng trong dây truyền sản xuất của cơ sở là loại máy móc thiết bị công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại đảm bảo sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao; nguồn gốc xuất xứ chủ yếu từ Trung Quốc. Các máy móc được lựa chọn trên cơ sở các yêu cầu về chất lượng sản phẩm phù hợp với mặt bằng cơ sở và các tính năng kỹ thuật khác như: tiết kiệm điện năng, bảo vệ môi trường. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1. 2: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở

STT	Tên máy móc – thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Năm sản xuất	Nước sản xuất
	Hệ thống sản xuất cám hỗn hợp				
1	Thiết bị nghiền nguyên liệu	Bộ	2	2012	Trung Quốc
2	Thiết bị cân định lượng	Bộ	2	2012	Trung Quốc
3	Thiết bị trộn nguyên liệu	Bộ	2	2012	Trung Quốc
4	Thiết bị ép viên	Bộ	2	2012	Trung Quốc
5	Thiết bị làm nguội	Bộ	2	2012	Trung Quốc
6	Thiết bị bẻ vụn	Bộ	2	2012	Trung Quốc
7	Thiết bị nâng	Bộ	2	2012	Trung Quốc
8	Xe nâng	Xe	10	2012	Trung Quốc
9	Thiết bị nhập liệu	Bộ	4	2012	Trung Quốc
10	Thiết bị điều chất	Bộ	2	2012	Trung Quốc
11	Sàng phân cấp	Bộ	2	2012	Trung Quốc
12	Sàng kiểm nghiệm	Bộ	2	2012	Trung Quốc
13	Máy cào	Bộ	8	2012	Trung Quốc
14	Máy làm lạnh	Bộ	2	2012	Trung Quốc
15	Quạt gió	Bộ	16	2012	Trung Quốc
16	Xylo chứa	Bộ	4	2012	Trung Quốc
17	Hệ thống khí nén	Bộ	2	2012	Trung Quốc

STT	Tên máy móc – thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Năm sản xuất	Nước sản xuất
18	Hệ thống nồi hơi 4T	Nồi	1	2012	Trung Quốc
19	Trạm cân điện tử	Trạm	1	2012	Trung Quốc
20	Hệ thống đóng bao	Bộ	1	2012	Trung Quốc

(Nguồn: Chủ cơ sở)

Công ty cam kết tất cả các loại máy móc thiết bị nêu trên không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Vị trí " **Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản**" được thực hiện tại lô P (P3) Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích sử dụng đất là 35.071 m^2.

Chi tiết các hạng mục công trình của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 3: Bảng tổng hợp các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng	Thời gian đưa vào sử dụng

I	**Hạng mục chính**				
1	Nhà văn phòng	m^2	1.000	Nơi làm việc của quản lý, nhân viên văn phòng, phòng họp, phòng tiếp khách,…	Từ năm 2013
2	Khu vực sản xuất chính	m^2	1.125	Diễn ra các hoạt động sản xuất chính của công ty	Từ năm 2013
II	**Hạng mục phụ trợ**				
1	Trạm cân điện tử 100 tấn	m^2	61	Trạm cân đặt tại cổng ra vào để kiểm soát khối lượng nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án	Từ năm 2013
2	Mái hiên xuất hàng	m^2	585	Nơi bốc hàng lên phương tiện vận chuyển	Từ năm 2013
3	Kho thành phẩm	m^2	3.510	Chứa thành phẩm	Từ năm 2013
4	Tháp xả nhiên liệu	m^2	2.500	Phục vụ quá trình sản xuất	Từ năm 2013
5	Xylo	m^2	110	Chứa nguyên liệu	Từ năm 2013
6	Kho trộn nguyên liệu	m^2	80	Khu vực phối trộn nguyên liệu	Từ năm 2013
7	Kho đóng gói	m^2	180	Khu vực đóng gói thành phẩm	Từ năm 2013
8	Kho sửa chữa đồ	m^2	220	Khu vực sửa chữa, bảo dưỡng máy móc	Từ năm 2013
9	Nhà đặt nồi hơi	m^2	100	Khu vực đặt lò hơi	Từ năm 2013
10	Kho xá (hàng rời)	m^2	1.755	Khu vực lưu chứa tạm thời khi xuất hàng đi	Từ năm 2013
11	Kho nguyên liệu	m^2	6.435	Chứa nguyên liệu đầu vào của dự án	Từ năm 2013
12	Mái hiên ngoài trời	m^2	880	Khu vực để bốc dỡ NVL, thành phẩm không bị ướt khi trời mưa	Từ năm 2013
13	Nhà để xe	m^2	300	Để xe của cán bộ công nhân viên dự án	Từ năm 2013
14	Nhà ăn ca	m^2	216	Khu vực nấu ăn ca	Từ năm 2013
15	Nhà bảo vệ	m^2	65	Phòng làm việc của bảo vệ	Từ năm 2013
16	Trạm biến áp (2000 KVA)	m^2	2	Đặt trạm biến áp	Từ năm 2013
17	Bể nước ngầm PCCC	m^2	300	Chứa nước dự trữ PCCC	Từ năm 2013

18	Sân đường, cây xanh	m^2	1.200	Diễn ra hoạt động giao thông và bồn cây cảnh, thảm cỏ của dự án	Từ năm 2013
II	**Hạng mục công trình BVMT**				
1	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	01	Sử dụng để thoát nước mưa, nước mặt	Từ năm 2013
2	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	01	Sử dụng để thoát nước thải của dự án	Từ năm 2013
3	Hệ thống xử lý khí thải tại Lò hơi	m^3/h	25.000	Xử lý khí thải của Lò hơi	Từ năm 2013
4	Kho chứa chất thải sản xuất	m^2	30	Lưu chứa chất thải sản cuất	Từ năm 2013
5	Kho chứa rác Sinh hoạt	m^2	15	Chứa rác sinh hoạt	Từ năm 2013
6	Kho chứa chất thải nguy hại	m^2	12	Chứa chất thải nguy hại	Từ năm 2013
7	Bể tự hoại khu vực văn phòng	m^3	6,75	Xử lý sơ bộ NTSH	Từ năm 2013
8	Bể tự hoại khu vực nhà xưởng	m^3	9,375		Từ năm 2013
9	Hệ thống xử lý nước thải	$10m^3$/ngày	01 hệ thống	Xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn bộ dự án	Xây dựng năm 2023

5.2. Hiện trạng thực hiện các công trình bảo vệ môi trường

5.21. Các thủ tục môi trường đã thực hiện

- Ngày 19/12/2014 dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy xác nhận số 2154/GXN-TNMT về việc đã thực hiện công trình biện pháp: xử lý khí thải, thu gom nước mưa chảy tràn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản"**.**

- Ngày 13/1/2016, cơ sở đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 40/QĐ-UBND với mục tiêu sản xuất: sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản với quy mô 240.000 tấn/năm.

- Thời điểm hiện tại, chủ dự án đang thực hiện lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xem xét trình UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt.

5.2.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường như sau:

- Xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày có quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt phát sinh →Bể điều hoà→ Bể thiếu khí→ Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Khử trùng đường ống→ Nước thải đầu ra.

- Xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi có công suất 25.000 m^3/giờ với quy trình xử lý như sau: Bụi, khí thải → Quạt hút→ Đường ống dẫn → Lọc bụi bằng Cyclon → Hấp thụ bằng nước → Ống thoát khí thải (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT - cột B).

- Bố trí thùng chứa chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất.

- Xây dựng kho chứa chất thải:

+ 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: diện tích 15 m^2;

+ 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất: diện tích 30 m^2;

+ 01 kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 12 m^2;

- Đã lắp đặt hệ thống PCCC cho các hạng mục công trình của cơ sở được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu tại văn bản số 96/TDPCCC ngày 20/6/2014.

- Đang hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, số hợp đồng 20230115/HĐXL ngày 20/4/2023 để vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo quy định.

- Đang hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, số hợp đồng 20230116/HĐXL ngày 20/4/2023 vận chuyển chất thải sinh hoạt đi xử lý theo quy định.

Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

*** Sự phù hợp về quy hoạch:**

Cơ sở " Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" nằm trong KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay, KCN này đã đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng bao gồm các hạng mục công trình như: Đường giao thông; các hệ thống cấp điện, nước; Khu xử lý nước thải tập trung; Hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa; hệ thống cây xanh... Ngoài ra KCN có vị trí nằm gần đường Quốc lộ 1A đây là tuyến đường lớn nên rất thuận tiện cho hoạt động giao thông vận tải.

Với các điều kiện hạ tầng nêu trên của KCN sẽ là điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư thực hiện cơ sở.

- Phù hợp với quy hoạch và Giấy phép môi trường của KCN Quang Châu:

+ Khu công nghiệp Quang Châu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 173/GPMT-BTNMT ngày 08/8/2022. Theo đó, các ngành nghề thu hút đầu tư tại KCN Quang Châu đa ngành bao gồm sản xuất, chế biến thực phẩm;sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất đồ uống; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất; sản xuất sản phẩm từ plastic; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học;… Mục tiêu sản xuất của cơ sở là sản xuất thức ăn chăn nuôi nên hoàn toàn phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Quang Châu.

+ Nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải có công suất 10 m^3/ngày đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đấu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu. Do đó, việc xử lý nước thải của cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn nước đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung KCN Quang Châu theo Giấy phép môi trường số 173/GPMT-BTNMT ngày 08/8/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Do đó, hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành và Giấy phép môi trường của KCN Quang Châu được cấp.

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Giang: Cơ sở vận hành hoàn toàn phù hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Theo đó:

+ Phù hợp với phương hướng phát triển ngành công nghiệp theo hướng bền vững, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng. Đến năm 2030, đưa Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

+ Phù hợp với quy hoạch phân vùng môi trường tỉnh Bắc Giang: Cơ sở nằm trong KCN Quang Châu nên cơ sở không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo phương án phân vùng môi trường tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030. Tuy nhiên, cơ sở nằm trong khu vực hạn chế phát thải. Do đó, trong quá trình hoạt động, toàn bộ chất thải phát sinh từ cơ sở như bụi, khí thải, nước thải (sản xuất và sinh hoạt), rác thải rắn thông thường, rác thải nguy hại,… đều được thu gom, phân loại và xử lý đảm bảo đạt các quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải.

Do vậy, cơ sở được triển khai hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Giang:

+ Phù hợp với Nghị quyết số 28/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ngày 11/12/2015 về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Phù hợp với Quyết định số 785/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ngày 28/12/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Theo đó, công nghiệp được phát triển nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, xây dựng nông thôn mới. Trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp điện tử, chế biến thuéc ăn chăn nuôi, cơ khí, may mặc và công nghiệp hỗ trợ.

- Sự phù hợp của cơ sở:

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9805607025 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp; chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 12 năm 2021 với mục tiêu chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi cho động vật. Theo đó, ngành nghề sản xuất của cơ sở hoàn toàn phù hợp với các ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Quang Châu nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung.

+ Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/01/2016.

*** Sự phù hợp về phân vùng môi trường:**

Cơ sở được thực hiện tại KCN Quang Châu, toàn bộ nước thải phát sinh được đấu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu. Do đó, theo khoản 4, Điều 5, Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, nước thải phát sinh từ cơ sở phải được xử lý đảm bảo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT và nước thải của KCN Quang Châu phải được xử lý đảm bảo đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải.

Hiện tại, chủ cơ sở đã đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.

KCN Quang Châu đã đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 19.000 m^3/ngày đêm, bao gồm 03 mô-đun xử lý nước thải (XLNT) (mô-đun XLNT số 01 có công suất 3.000m^3/ngày đêm, mô-đun XLNT số 02 có công suất 6.000 m^3/ngày và mô-đun XLNT số 03 có công suất 10.000 m^3/ngày đêm). Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả vào kênh Quang Biểu (thuộc lưu vực sông Cầu).

Do đó, việc xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành của cơ sở và KCN Quang Châu hoàn hoàn phù hợp với phân vùng môi trường của tỉnh Bắc Giang.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở: "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản" của Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang được thực hiện tại lô P (P3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Hoạt động bảo vệ môi trường tại KCN luôn được Ban quản lý quan tâm chú trọng thông qua việc lựa chọn đơn vị đầu tư; tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp đang hoạt động trong công tác bảo vệ môi trường khu vực, vận hành đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường hiện hữu. Cụ thể như sau:

- Ban quản lý lựa chọn đơn vị đầu tư có loại hình sản xuất phù hợp với các loại hình kinh doanh đã đăng ký trong báo cáo ĐTM đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

- Yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư phải chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy: xây dựng biện pháp, công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi đấu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung tại KCN; đầu tư lắp đặt công trình xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn cho phép.

- Vận hành đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường hiện hữu.

a. Đối với nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m^3/ngày do chủ cơ sở đầu tư xây dựng và vận hành đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu. Tình hình hoạt động của KCN Quang Châu và hiện trạng trạm xử lý nước thải tập trung của KCN như sau:

Về tình hình hoạt động của KCN Quang Châu:

Hiện tại, Khu công nghiệp Quang Châu đã và đang thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư. Tính đến thời điểm hiện tại, KCN đã thu hút được 40 doanh nghiệp đầu tư. Trong đó:

+ Số doanh nghiệp đang hoạt động: 32 doanh nghiệp;

+ Số doanh nghiệp đang hoạt động và đang xây dựng mở rộng: 03 doanh nghiệp;

+ Số doanh nghiệp đang xây dựng: 03 doanh nghiệp;

+ Số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động: 02 doanh nghiệp.

- Số lao động hiện hữu đang làm việc tại KCN: Khoảng 47.000 người.

Danh sách các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động tại KCN Quang Châu được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2. 1: Danh sách các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động tại KCN Quang Châu

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Tình hình hoạt động
1	Công ty TNHH Nichirin Việt Nam	Lô B4	Sản xuất linh kiện ô tô, xe máy	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Hosiden VN	Lô C1	Màn hình cảm ứng cho điện thoại di động	Đang hoạt động
3	Công ty TNHH L&C Tech Việt Nam	Lô C	Sản xuất mô tơ, thiết bị điện cao trung thế	Tạm ngừng hoạt động
4	Công ty TNHH Umec Việt Nam	Lô B1	Thiết bị điện, dây dẫn quang học	Đang hoạt động
5	Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)	Lô R1	May mặc	Đang hoạt động

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Tình hình hoạt động
6	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Đặc khu Hope Việt Nam	Lô C3, C4	Thức ăn chăn nuôi	Đang hoạt động
7	Công ty TNHH Wintek Việt Nam	Lô S, Q	Sản xuất thiết bị hiển thị tinh thể lỏng LCD, màn hình cảm ứng	Đang hoạt động
8	Công ty TNHH LY Việt Nam	Lô Q	Sản xuất linh kiện điện tử	Đang hoạt động
9	CN Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên	Lô B2	Phối trộn, đóng gói hoàn thiện sản phẩm	Đang hoạt động
10	Công ty TNHH New Hope Hà Nội - CN Bắc Giang	Lô P3	Thức ăn chăn nuôi	Đang hoạt động
11	Công ty TNHH Ván dán Oji - Vinafor Bắc Giang	Lô B3	Ván gỗ dán, các sản phẩm từ gỗ	Tạm ngừng hoạt động
12	Công ty TNHH Siflex Việt Nam	Lô A	Sản xuất và lắp ráp bản mạch điện tử	Đang hoạt động
13	Công ty TNHH Công nghệ Lens Việt Nam	Lô R2	SX và gia công màn hình kính ảm ứng ĐTDĐ	Đang hoạt động
14	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ XNK Liên Minh	Lô C4, C5	SX các sản phẩm từ nhựa	Đang hoạt động
15	Công ty TNHH Luxshare-ITC	Lô E, T và U	SX dây cáp điện thoại	Đang hoạt động
16	Công ty TNHH JA Solar Việt Nam	Lô G	Sản xuất thiết bị điện khác	Đang hoạt động
17	Công ty TNHH Samkwang Vina	Lô U	SX linh kiện điện tử	Đang hoạt động

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Tình hình hoạt động
18	Công ty TNHH Đồ gia dụng Blue & Green Việt Nam.	Lô D1	SX đồ gia dụng	Đang hoạt động
19	Công ty TNHH HIQ Vina	Lô O4	SX các sản phẩm từ nhựa	Đang hoạt động
20	Công ty TNHH Công nghệ Exwin	NX O1	SX gia công cơ khí, đồ ngũ kim và dụng cụ cầm tay	Đang hoạt động
21	Công ty TNHH MTV T/S Vina	Lô D3	Sửa chữa và sản xuất khuôn	Đang hoạt động
22	Công ty TNHH BOI Việt Nam	NX O1-4	Sản xuất linh kiện điện tử	Đang hoạt động
23	Công ty TNHH Electric Motorcycly Yadea Việt Nam	NX O1-2,3	Sản xuất, lắp ráp cơ khí	Đang hoạt động
24	Công ty TNHH Lucky Dragon VN	Lô O5,O6	Sản xuất đồ điện dân dụng	Tạm ngừng hoạt động
25	Công ty TNHH JuFeng New Materials VN	Lô N, L, K1-6 và K2-2; NX O1-5,6,7	Sản xuất các sản phẩm từ plasti	Đang hoạt động
26	Công ty TNHH FuHong Precision Component (Bắc Giang)	Lô P2	Sản xuất linh kiện điện tử	Đang hoạt động
27	Công ty TNHH Công nghệ năng lượng ET Việt Nam	Lô D2	Sản xuất thiết bị điện khác	Đang hoạt động
28	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Fousine Việt Nam	NX O1-4	Sản xuất linh kiện điện tử	Đang hoạt động
29	Công ty TNHH Nhựa Chính xác HUIMEI	Lô M3	Sản xuất các sản phẩm từ plasti	Đang hoạt động và xây dựng mở rộng

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Tình hình hoạt động
30	Công ty TNHH Bao bì JiaFeng Việt Nam	K1-1	Sản xuất giấy nhăn, bao bì từ giấy và bìa	Đang hoạt động
31	Công ty TNHH Công nghệ Vật liệu mới Degoo Việt Nam	K1-2	Sản xuất keo kết dính	Đang hoạt động
32	Công ty TNHH Great Uninon International Việt Nam	K1-3	Sản xuất con lăn bằng kim loại	Đang hoạt động
33	Công ty TNHH Chen Feng New Materials Việt Nam	K1-4	Sản xuất tấm đệm bằng chất liệu vỏ gỗ, gỗ mềm dùng cho sản xuất ván nền sàn nhà	Đang hoạt động
34	Công ty TNHH Naise New Materials Việt Nam	K1-5	Sản xuất màng trang trí PVC	Đang hoạt động
35	Công ty TNHH RunYang Technology Việt Nam	K1-7	Sản xuất tấm đệm lót sàn, ngoài trời, tấm EVA	Đang hoạt động
36	Công ty TNHH Công nghệ chính xác FuYu	Lô F + M1	Sản xuất gia công linh kiện, phụ kiện điện tử	Đang hoạt động và xây dựng mở rộng
37	Công ty TNHH FuKang Technology	Lô I và lô S	Sản xuất loa thông minh, bo mạch chủ của loa	Đang hoạt động và xây dựng mở rộng
38	Công ty TNHH Công nghệ ShunSin	Lô H-02	Sản xuất gia công mô-đun phát quang học	Đang xây dựng
39	Công ty TNHH JA Solar PV Việt Nam	Lô N, K	Sản xuất thiết bị điện khác	Đang xây dựng
40	Công ty TNHH Cheng Loong Bắc Giang	Lô H-01	Sản xất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	Đang xây dựng
41	Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang		Kinh doanh Hạ tầng KCN	Đang hoạt động

(Nguồn: Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang)

Về tính chất nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Quang Châu:

Nước thải công nghiệp phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động trong KCN Quang Châu có thành phần nước thải phức tạp, phụ thuộc vào đặc điểm công nghệ và ngành nghề sản xuất. Do đó, nồng độ các chất ô nhiễm cũng như lưu lượng luôn có sự biến động Đặc trưng cơ bản của nước thải theo ngành thu hút vào KCN được tổng hợp dưới bảng sau:

Bảng 2. 2: Đặc trưng cơ bản của nước thải theo ngành thu hút vào KCN Quang Châu

STT	Ngành nghề sản xuất	Đặc trưng nước thải phát sinh
1	Ngành gia công, cơ khí chế tạo, lắp ráp	Ô nhiễm nguồn nước trong ngành này là tương đối nhỏ, các doanh nghiệp trong ngành này chủ yếu cho công đoạn rửa bề mặt và sơn, đây là nguồn phát sinh nước thải sản xuất. Thành phần ô nhiễm gồm COD, BOD, SS không cao nhưng chứa nhiều dầu và kim loại nặng đáng kể. Tuy nhiên, lưu lượng nước thải phát sinh từ quá trình trên không nhiều.
2	Ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử, điện lạnh	Hoạt động sản xuất của ngành này phát sinh nước thải chủ yếu từ công đoạn rửa làm sạch bề mặt, mạ, mài,… Nước thải thường có hàm lượng kim loại, dầu mỡ và chất hữu cơ BOD_5, COD, TSS, T-N, T-P cao
3	Ngành Công nghiệp vỏ hộp bao bì	Ngành này sẽ được chia thành 4 loại: sản xuất vật liệu bao bì nhựa, bao bì kim loại, gỗ và bao bì giấy. Tuy nhiên, nước thải phát sinh chủ yếu từ 2 ngành chính là sản xuất vật liệu bao bì giấy và bao bì nhựa. Trong đó: + Đối với loại hình sản xuất vật liệu bao bì giấy: Nước thải của ngành giấy có nồng độ TSS, BOD, COD, độ màu khá cao. Phần lớn các chất rắn lơ lửng có trong nước thải ngành công nghiệp giấy thường ở dạng vô cơ. + Đối với loại hình sản xuất vật liệu bao bì nhựa: Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ công đoạn giải nhiệt, rửa liệu với thành phần ô nhiễm

STT	Ngành nghề sản xuất	Đặc trưng nước thải phát sinh
		gồm chất rắn lơ lửng (nồng độ thấp); hàm lượng chất vô cơ cao.
4	Ngành Công nghiệp gia dụng - thủ công mỹ nghệ	Các quá trình sản xuất không phát sinh nhiều nước thải công nghiệp, mà chủ yếu là nước làm mát, nước vệ sinh máy móc… Nước thải thường có hàm lượng chất hữu cơ BOD_5, COD, TSS cao
5	Ngành công nghiệp điện, pin năng lượng mặt trời	Quá trình sản xuất của ngành này phát sinh chủ yếu từ hoạt động cắt định hình sản phẩm, làm sạch bề mặt,… Nước thải thường có hàm lượng chất hữu cơ BOD_5, COD, TSS, T-N, T-P cao
6	Ngành công nghiệp may mặc	Hiện tại, cơ sở thực hiện sản xuất ngành này chỉ có Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam). Quá trình sản xuất của công ty này không bao gồm công đoạn nhuộm. Do đó, quá trình sản xuất không phát sinh nước thải.
7	Ngành chế biến thức ăn chăn nuôi	Nước thải phát sinh trong ngành này chủ yếu từ hoạt động sơ chế nguyên liệu đầu vào, vệ sinh máy móc thiết bị, rửa sàn,… với hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là BOD, COD, chất béo, T-N, T-P, TSS cao.

Về hiện trạng trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu:

+ Công suất trạm xử lý nước thải: Theo Giấy phép môi trường của KCN Quang Châu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp tại Giấy phép môi trường số 173/GPMT-BTNMT ngày 08/8/2022, KCN Quang Châu đã đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải có tổng công suất thiết kế 19.000 m^3/ngày đêm bao gồm 03 mô-đun xử lý nước thải (XLNT) (mô-đun XLNT số 01 có công suất 3.000m^3/ngày đêm, mô-đun XLNT số 02 có công suất 6.000 m^3/ngày đêm và mô-đun XLNT số 03 có công suất 10.000 m^3/ngày đêm). Hiện trạng hoạt động của 03 mô-đun XLNT như sau: Mô-đun XLNT số 01 và mô-đun XLNT số 02 đang hoạt động; mô-đun XLNT số 03 đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

+ Hiện trạng tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải: Tính đến thời điểm hiện tại, trạm xử lý nước thải của KCN Quang Châu đang tiếp nhận nước thải của 34 doanh nghiệp đầu tư tại KCN (nước thải phát sinh từ Công ty TNHH JA Solar PV Việt Nam không đấu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu) với lưu

lượng nước thải trung bình khoảng 7.159 m^3/ngày đêm.

Do đó, với lưu lượng nước thải tối đa của cơ sở là 10 m^3/ngày thì trạm xử lý nước thải của KCN Quang Châu hoàn toàn đủ khả năng tiếp nhận và xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

b. Đối với chất thải rắn thông thường

Hiện nay, tại KCN không có trạm trung chuyển chất thải rắn thông thường *(chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp)*. Các doanh nghiệp phải có trách nhiệm thu gom, lưu chứa và ký hợp đồng vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng theo đúng quy định của pháp luật

c. Đối với chất thải nguy hại

Hiện tại, KCN chưa có trạm trung chuyển CTNH. Các doanh nghiệp phải có trách nhiệm tự thu gom, lưu chứa và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ 1 năm/lần, lập báo cáo Công tác bảo vệ môi trường gửi Chi cục bảo vệ môi trường theo dõi, giám sát.

d. Đối với khí thải

Các nhà máy sản xuất nằm trong KCN có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý khí thải, bụi do ngành nghề sản xuất phát sinh. Các biện pháp thu gom và hệ thống xử lý phải đảm bảo nồng độ các khí thải và bụi trước khi thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn hiện hành.

Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở "Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản", Công ty đã tiến hành xây dựng và đi vào hoạt động ổn định từ năm 2013 theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/1/2016.

* Hiện trạng hoạt động của cơ sở:

- Đến thời điểm hiện tại, Công ty hoạt động ổn định theo công suất trong chứng nhận đăng ký đầu tư. Các công trình bảo vệ môi trường đã được chủ cơ sở đầu tư xây dựng và lắp đặt bao gồm:

+ Xây dựng bể lắng thể tích 45m^3 để xử lý nước thải sinh hoạt;

+ Xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi có công suất 25.000 m^3/giờ. Công trình đã được Sở TNMT tỉnh Bắc Giang xác nhận hoàn thành các công trình BVMT tại giấy xác nhận số 2154/GXN-TNMT ngày 19/12/2014;

+ Bố trí thùng chứa chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất.

+ Xây dựng kho chứa chất thải:

+ 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: diện tích 15 m^2;

+ 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất: diện tích 30 m^2;

+ 01 kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 12 m^2;

- Theo nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/1/2016, Tuy nhiên, để cải thiện chất lượng nước thải đầu ra vào tháng 7/2023 chủ dự án đã tiến hành thi công 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày bằng công nghệ sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

1. Các công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom xử lý nước thải của cơ sở

1.1. Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

a. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Xây dựng và duy trì sử dụng, bảo trì các hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn đã được thiết kế xây dựng xung quanh nhà xưởng và dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Quang Châu.

Nước mưa chảy tràn được thu vào hệ thống cống, rãnh thu xung quanh nhà xưởng và được chia thành 2 lưu vực; cả hai lưu vực được thu về hố ga cuối đấu nối với hệ

thống thoát nước của khu công nghiệp. Những hố ga thu nước nằm trên đường được đậy kín bằng tấm đan chỉ thu nước từ trên mái nhà xuống; Những hố ga nằm sát mép đường sẽ được dùng thu nước mưa trên đường, sân bãi.

Nước mưa từ mái nhà xưởng được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 110mm rồi đưa xuống hệ thống rãnh và hố ga.

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường nhà máy được thu gom bởi hệ thống rãnh thoát nước B300, B400, B600 độ dốc i = 0,3% được xây dựng bằng gạch đặc, nền đáy là bê tông trát láng vữa xi măng.

Trên các tuyến cống có các hố ga có kích thước 0,5m x 0,5m x 0,5 m, nắp hố ga bố trí song chắn rác, khoảng cách giữa các hố ga khoảng 60m.

Điểm xả: 02 điểm đấu nối thoát nước mưa từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở vào hệ thống thoát nước mưa của KCN. Cụ thể điểm 1 đấu nối vào hố ga HTP7, điểm 2 đấu nối vào hố ga HTP10 của hệ thống thoát nước mưa Khu công nghiệp Quang Châu.

Cống thoát nước của nhà máy trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp có hố ga sát hàng rào. Kích thước từ đáy cống đến hố ga 300mm và có lưới chắn rác mắt lưới 5x5cm. Khoảng cách tối thiểu từ đáy cống (phía trên) tới đáy hố ga (phía dưới) phải lớn hơn 0,3m.

Toàn bộ nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa như sau:

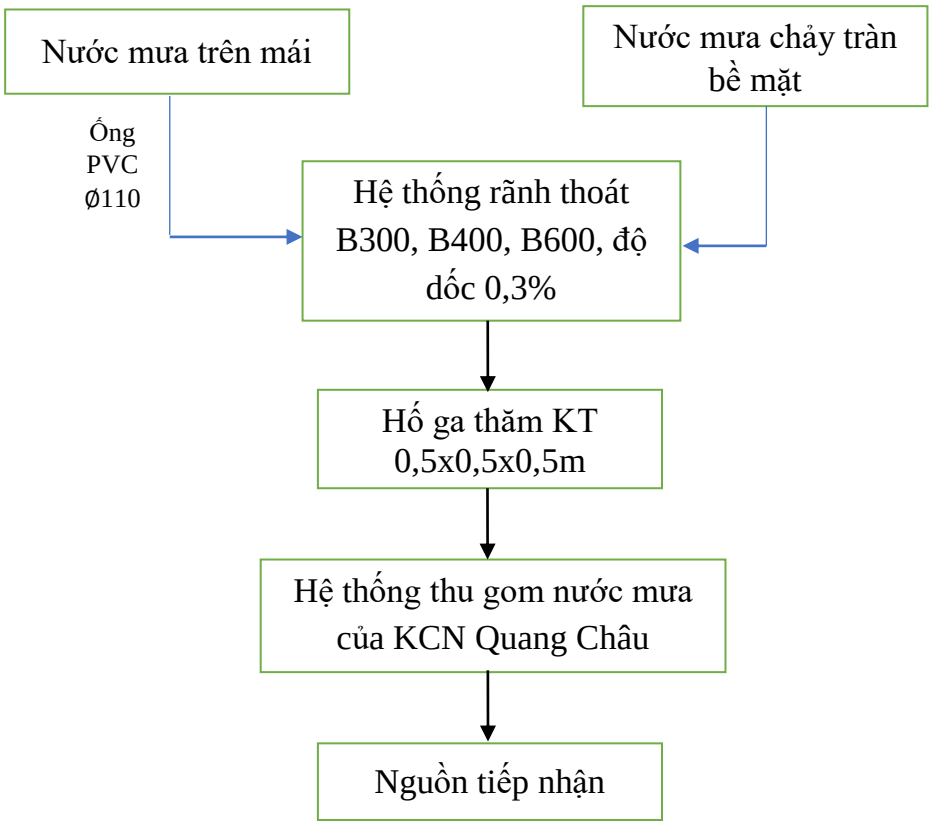

Hình 1: Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở

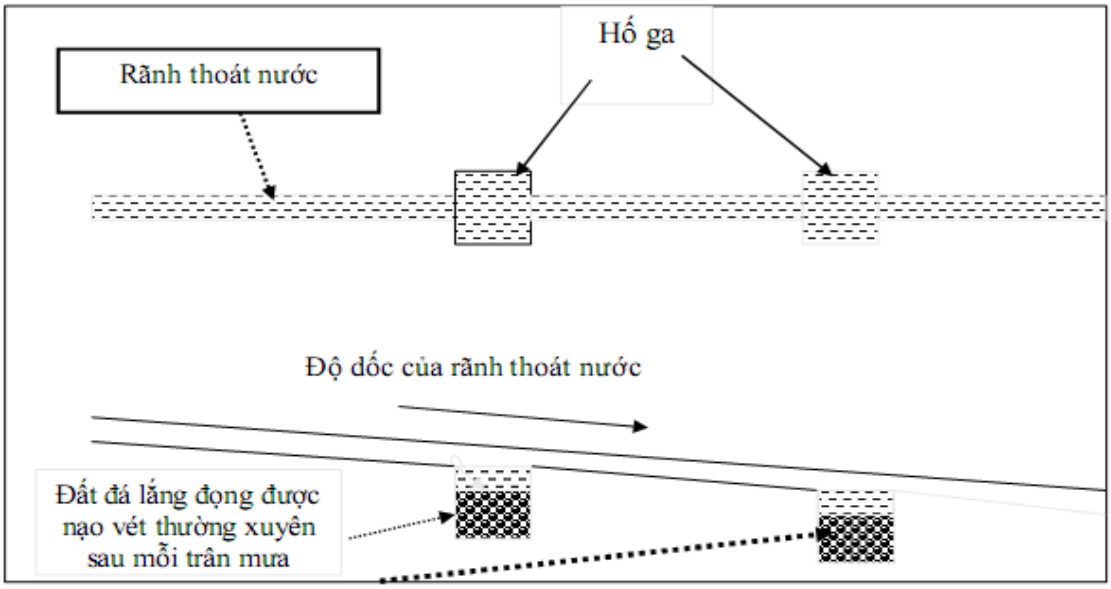

Hình 2: Sơ đồ thiết kế hệ thống rãnh thoát nước mưa

Bảng 3. 1: Các thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Kết cấu

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Kết cấu
1	Ống thoát nước D110	- Chiều dài: 150m	Vật liệu: Nhựa uPVC
2	Rãnh thoát nước D300	Chiều dài: 362,9 m	Vật liệu: rãnh gạch xây, trát vữa BTXM
3	Rãnh thoát nước D400	- Chiều dài: 166,1 m	
4	Cống thoát nước D600	- Chiều dài: 286,9 m	Vật liệu: cống BTCT L2,5m/cống, cấp loại C
5	Hố ga lắng cặn	Số lượng: 79 hố - Kích thước: 500x500x500mm	Tường xây gạch chỉ phía trong trát vữa XM; móng đổ bê tông, nắp đậy bằng tấm đan BTCT. Có bố trí song chắn rác. Cao độ mặt hoàn thiện 0,55m Cao độ mép trên cống phía cao 0,3m Cao độ mép trên cống phía thấp 0,2m
6	Hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước mưa của KCN Quang Châu	Số lượng: 2 hố - Kích thước: 1000x1000x1000mm	Hố ga có đáy xây bằng bê tông đá 4x6 mác 100, thành bằng gạch đặc mác 75, trên có nắp đậy là tấm đan bằng bê tông cốt thép.

Để đảm bảo tiêu thoát nước, công ty cần thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước mưa. Phân công nhân viên vệ sinh sân đường nội bộ, thu gom rác thải xung quanh nhà xưởng nhằm hạn chế rác thải xâm nhập vào hệ thống thoát nước mưa. Định kỳ kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời (6 tháng/lần). Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa.

b. Điểm xả nước mưa

- Vị trí xả nước mưa: 02 vị trí đấu nối với hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN Quang Châu tại hố ga HTP7, HTP10 (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đấu nối hạ tầng với KCN Quang Châu đính kèm phụ lục báo cáo).

- Quy trình vận hành của 2 điểm xả giống nhau: Tự chảy.

- Sơ đồ minh họa:

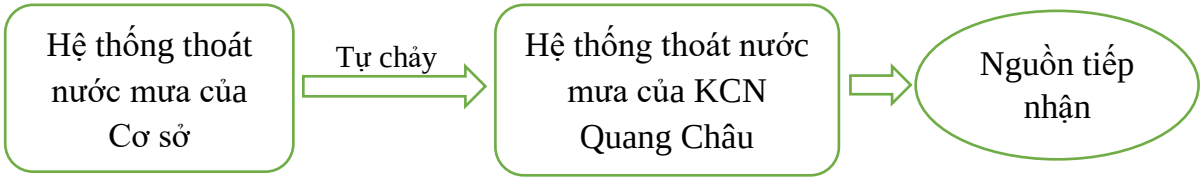

Hình 3: Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

- Nước mưa từ mái nhà xưởng, nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom vào hệ thống rãnh, cống thoát nước mưa có hố ga của cơ sở. Sau đó, nước mưa đấu nối với hệ thoát nước mưa của KCN Quang Châu thông qua 02 điểm xả trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Các công trình, biện pháp thu gom thoát nước thải

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom nước thải sinh hoạt

Hiện trạng phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở.

- Dòng thải phát sinh:

+ Từ khu vực nhà bếp;

+ Từ khu vực nhà vệ sinh.

- Tải lượng phát sinh: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa được tính bằng 100% nhu cầu sử dụng nước cấp cho cơ sở. Cụ thể được tổng hợp dưới bảng sau:

Bảng 3. 2: Tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở

STT	Nguồn phát sinh	Số lượng công nhân tối đa (người)	Nhu cầu sử dụng nước cấp (m^3/ngày)	Lưu lượng nước thải phát sinh (m^3/ngày)
Công nhân viên làm việc tại cơ sở 100 người				
1.1	Từ khu vực nhà bếp	100	2,5	2,5
1.2	Từ khu vực nhà vệ sinh	100	7,5	7,5
3	**Tổng**		**10**	**10**

- Phương án xử lý: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ 2 nguồn trên đều được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ sau đó xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày do cơ sở đầu tư xây dựng.

Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và nước thải nhà bếp được xử lý qua bể tách dầu mỡ trước khi thoát vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở như sau:

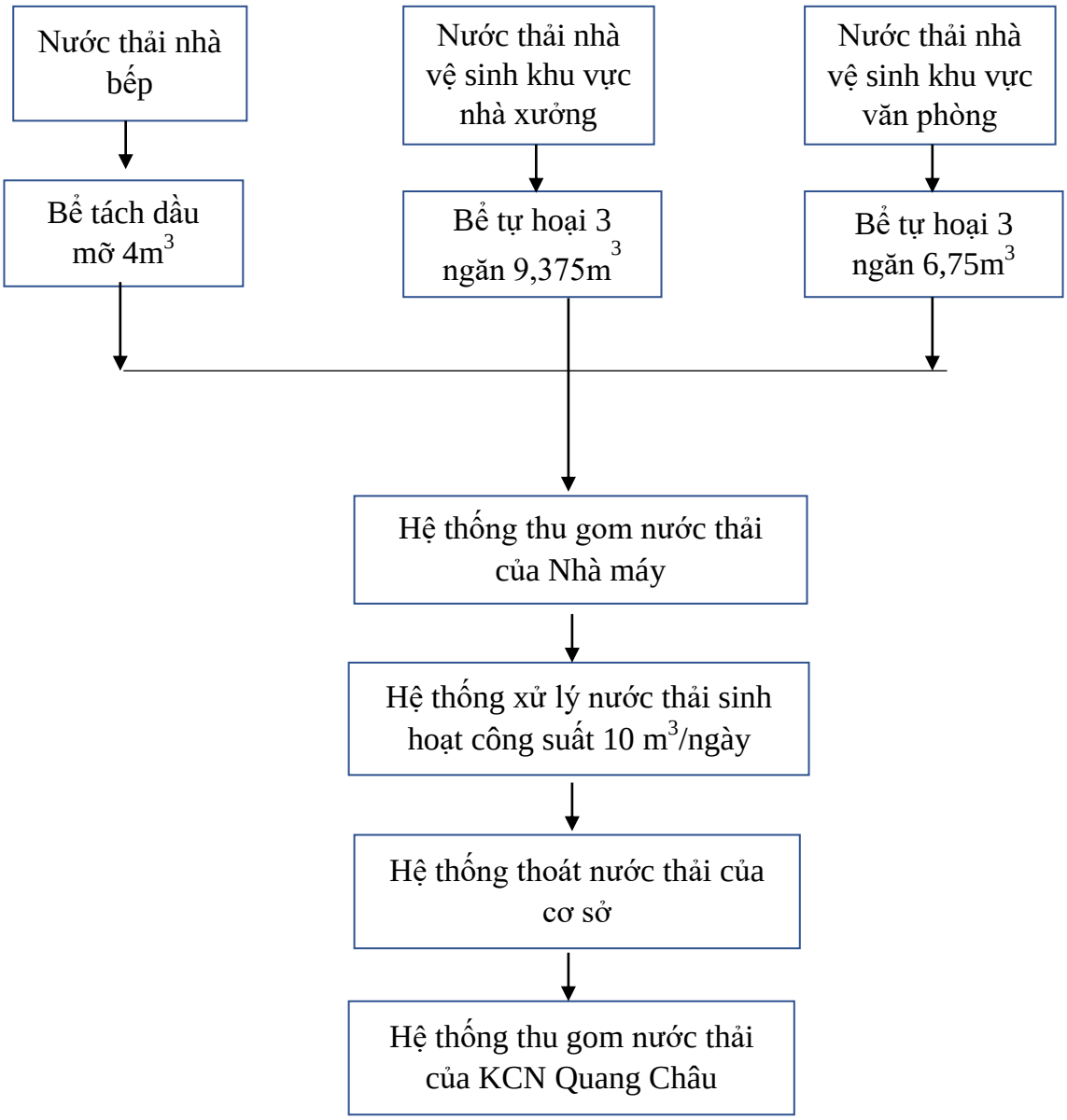

Hình 4: Sơ đồ quản lý nước thải phát sinh khi hoạt động của cơ sở

Nước thải được thu gom chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày của nhà máy, sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B dẫn theo đường ống uPVC D300, độ dốc 2% ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.

Bảng 3. 3: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở

Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Chức năng

Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Chức năng
Đường ống PVC D200	- Vật liệu: Ống nhựa PVC D200; - Chiều dài: 27m.	Thu gom nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại và từ bể tách dầu mỡ về bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày.
Đường ống uPVC D300	Vật liệu: Ống nhựa uPVC D300; - Chiều dài: 40m.	Đấu nối nước thải từ hệ thống xử lý ra hố ga thăm.
Đường ống uPVC D300	- Vật liệu: Ống nhựa uPVC D300; - Chiều dài: 25m.	Đấu nối nước thải sau xử lý từ hố ga thăm vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.
Hố ga thăm	- Kích thước: 1.500x1.500x1.500mm - Kết cấu: Tường xây gạch chỉ M75 dày 22cm, phía trong trát vữa XM mác M75# dày 1,5cm, nắp đậy bằng tấm đan BTCT. Có bố trí song chắn rác bằng lưới inox 304.	Chứa nước thải sau xử lý trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.
Điểm xả	- Số lượng: 01 điểm xả; - Kết cấu: Tường xây gạch chỉ (10,5x6x22)cm, vữa XM mác 100#, phía trong trát vữa XM mác 75# dày 1,5cm; móng đổ BT mác 250#, láng nền sàn VXM mác 150# chiều dày 2cm, nắp đậy bằng tấm đan bê rông mác 250#, đá 1x2.	Xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.

a. Nước thải nhà bếp

Tổng lượng nước thải nhà bếp phát sinh từ cơ sở khoảng 2,5m^3/ngày. Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng bể tách dầu mỡ thể tích 4m^3 (2mx2mx1m) để xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp hiện tại đang nấu ăn cho các cán bộ nhân viên văn phòng và công nhân của Công ty. Nước thải nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ thể tích 4 m^3 sẽ theo đường

ống nhựa PVC D200 dài khoảng 15m đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 10 m^3/ngày để tiếp tục xử lý.

Bể tách dầu mỡ: Bể làm việc theo nguyên tắc trọng lực, lượng dầu mỡ tách ra sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải sinh hoạt của Chủ cơ sở, bản chất nước thải nhà bếp không chứa thành phần nguy hại. Thể tích bể tách dầu mỡ là 4m^3. Số lượng 01 bể. Bể tách dầu mỡ được bố trí ở sau khu nhà ăn.

Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ: Bể gồm 02 ngăn tách dầu và lắng cặn. Nước thải tràn vào ngăn thứ nhất được lưu chứa trong khoảng thời gian nhất định để lắng bớt cặn trong nước thải, váng dầu trên bề mặt sẽ tràn vào máng thu dầu. Nước trong theo cửa thoát nước ở thân bể tràn vào bể thứ 2. Tại đây váng dầu và dầu khoáng còn sót lại trong nước thải sẽ được tách vào máng thu thứ 2 trước khi thải ra ngoài. Lượng dầu mỡ tách ra sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải sinh hoạt của cơ sở, bản chất nước thải nhà bếp không chứa thành phần nguy hại.

b. Nước thải nhà vệ sinh

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cơ sở khoảng 7,5 m^3/ngày. Chủ cơ sở đã xây dựng 2 bể tự hoại 3 ngăn có tổng dung tích 16,125m^3 (trong đó 01 bể tự hoại khu vực nhà văn phòng có dung tích 6,75 m^3 và 01 bể tự hoại khu vực nhà xưởng sản xuất có thể tích 9,375 m^3) để xử lý sơ bộ nước thải. Nước thải sau đó sẽ theo đường ống nhựa uPVC D200 dài khoảng 27m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m^3/ngày để tiếp tục xử lý đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

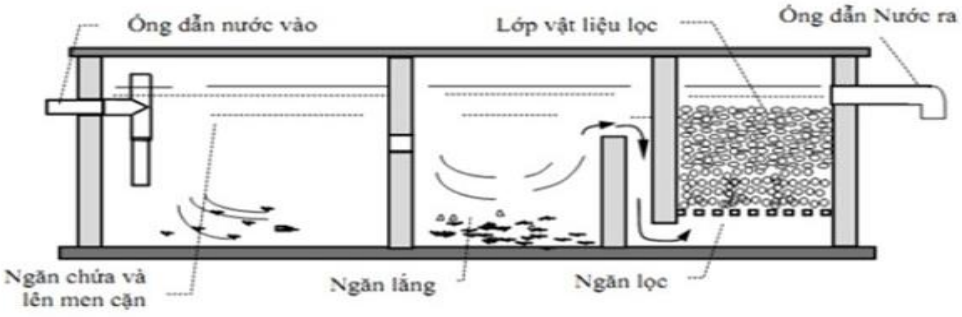

Hình 5: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Thuyết minh:

Nguyên tắc hoạt động của công trình này là lắng cặn và phân hủy, lên men cặn lắng hữu cơ. Phần cặng lắng được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước được thoát vào hệ thống thoát nước thải chung. Phần cặn thải sẽ được thuê đơn vị có đủ năng lực hút đi xử lý theo quy định.

Công trình xử lý nước thải sơ bộ của cơ sở là bể tự hoại 3 ngăn, bao gồm: Ngăn lắng nước thải, ngăn lên men cặn lắng và ngăn lọc. Trong đó, phần xử lý chính là ngăn lên men cặn lắng và ngăn lọc.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của cơ sở được dẫn theo đường ống thoát đến bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí tại ngăn lên men, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng đọng xuống đáy bể và nước sau khi tách sẽ chảy sang ngăn lọc. Tại đây xảy ra quá trình nhưng đọng lại những chất bẩn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được thải ra ngoài theo hệ thống cống thoát nước chung. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới.

Khi cặn bã tại ngăn lên men đầy cần tiến hành hút bỏ để tránh cặn bã dồn ứ sang bể lắng gây ra tắc cống nước. Định kỳ 6 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh Microphot vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả phân hủy, làm sạch nhanh của công trình.

Hiệu suất xử lý: Nước thải sinh hoạt sau xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn xử lý loại bỏ được hàm lượng BOD_5, COD từ 70 - 80%. Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn lắng xuống hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn, do môi trường sống không thích hợp.

Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường nước thải. Đồng thời đảm bảo nguyên tắc không gây trở ngại, làm mất vệ sinh cho các hoạt động xây dựng xung quanh cũng như không gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải đã đầu tư xây dựng và lắp đặt

Để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải, Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày nhằm xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở.

Khả năng tiếp nhận nước thải:

Hiện tại, Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang đang thực hiện sản xuất tại lô P(P3), KCN Quang Châu với tổng số công nhân viên làm việc khoảng 100 người. Lưu lượng nước thải nhà vệ sinh phát sinh cần xử lý khoảng 7,5 m^3/ngày và nước thải từ nhà bếp khoảng 2,5 m^3/ngày.

Tổng lưu lượng nước thải tiếp nhận nước thải tối đa của hệ thống xử lý 10 m^3/ngày. Do đó, hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m^3/ngày của cơ sở đủ khả năng tiếp nhận lưu lượng nước thải phát sinh từ cơ sở.

** Đơn vị thiết kế, thi công và giám sát công trình*

- Đơn vị thiết kế và thi công: Công ty TNHH Công nghệ Kim Liên

Địa chỉ liên hệ: số 42, đường Lê Hồng Phong 2, thành phố Bắc Giang.

- Đơn vị giám sát công trình Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang (Chủ cơ sở)

** Thông tin về hệ thống xử lý nước thải*

a. Quy trình công nghệ xử lý nước thải

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

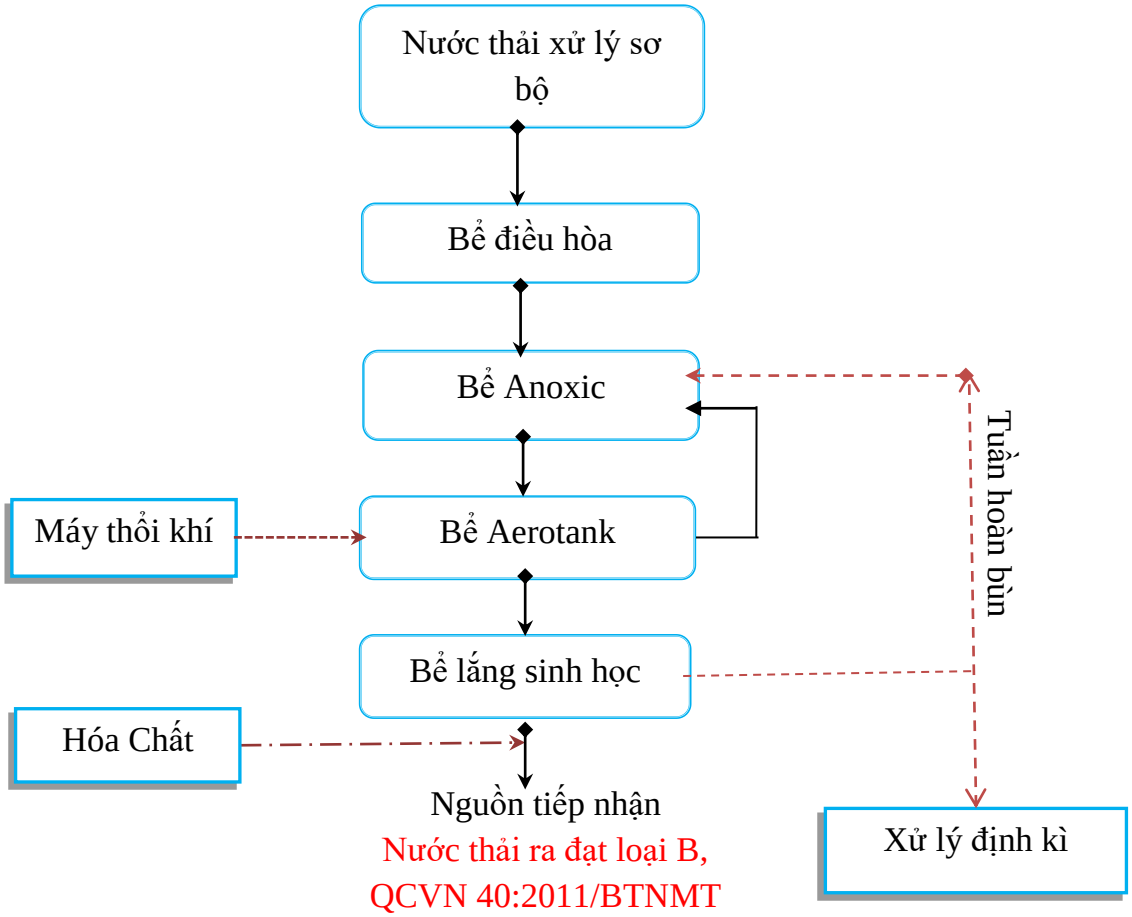

Hình 6: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Việc thay đổi lưu lượng, nồng độ chất ô nhiễm là điều không tránh khỏi. Để các công trình sinh học được hoạt động ổn định chúng ta cần có bể điều hòa. Bể có chức năng điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải của công ty.

*** Bể xử lý sinh học thiếu khí (Bể Anoxic)**

Tại đây, xảy ra quá trình xử lý các hợp chất hữu cơ nhờ vi sinh vật thiếu khí. Hiệu quả xử lý nước thải bể Anoxic giảm BOD_5 , COD; hàm lượng $N_{tổng}$, $P_{tổng}$.

- Tại bể thiếu khí (Anoxic) trong điều kiện thiếu khí, hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N, P thông qua quá trình Nitrat hóa, khử Nitơ và Photphoril.

+ *Quá trình Nitrat hóa, khử Nitơ xảy ra như sau:*

Trong môi trường thiếu oxy, các loại vi khuẩn khử Nitrat denitrificans (dạng kỵ khí tùy tiện) sẽ tách oxy của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) để oxy hóa chất hữu cơ. Khí nitơ phân tử N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài. Như vậy là nitơ đã được xử lý theo chuỗi chuyển hóa sau:

$$\mathbf{NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow N_2O \rightarrow N_2\uparrow}$$

Để quá trình khử Nitơ diễn ra, hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosonas và Nitrobacter.

Quá trình nitrit hóa: $NH_4 + O_2$ —Nitrosomonas—> NO_2^-

Quá trình nitrat hóa: $NH_4 + O_2$ —Nitrobacter—> NO_3^-

Phương trình phản ứng:

$55NH_4^+ + 76O_2 + 5CO_2$ —Nitrosomonas—> $C_5H_7NO_2 + 54NO_2^- + 52H_2O + 109\ H +$

$400NO_2^- + 10\ O_2 + NH_3 + 2H_2O + 5CO_2$ —Nitrobacter—> $C_5H_7NO_2 + 400NO_3^-$

+ *Quá trình Photphoril hóa:*

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

Cũng tại đây các chất dinh dưỡng có trong nước thải được bổ sung cho quá trình khử nito.

$$\mathbf{NO_3^- + CH_3OH \Rightarrow CO_2 + N_2 + H_2O + OH^-}$$

**** Bể xử lý sinh học hiếu khí (Bể Aerotank)***

Tại bể hiếu khí, nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 – 4 mg/lít để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh hoạt các hợp chất hữu cơ. Tại đây nhờ quá trình phân hủy các chất hữu cơ dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí, xử lý toàn bộ các chất hữu cơ.

Các phản ứng chính xảy ra trong bể xử lý sinh học hiếu khí như:

- Quá trình Oxy hóa và phân hủy chất hữu cơ:

$$\mathbf{Chất\ hữu\ cơ + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + Năng\ lượng}$$

- Quá trình tổng hợp tế bào mới:

Chất hữu cơ + O_2 + NH_3 → Tế bào vi sinh vật + CO_2 + H_2O + Năng lượng

- Quá trình phân hủy nội sinh:

$$C_5H_7O_2N + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + NH_3 + \text{Năng lượng}$$

Nồng độ bùn hoạt tính duy trì trong bể Aerotank: 2500-3000 mg/l. Hệ vi sinh vật trong bể Aerotank được nuôi cấy bằng chế phẩm men vi sinh hoặc từ bùn hoạt tính. Thời gian nuôi cấy một hệ vi sinh vật hiếu khí từ 2 – 6 tuần. Oxy cấp vào bể bằng máy thổi khí.

Ngoài ra, giá thể vi sinh được bổ sung vào nhằm tăng hiệu quả xử lý của vi sinh. Nó được coi là nơi trú ngụ lý tưởng của các chủng vi sinh: hiếu khí, thiếu khí. Nhờ mật độ vi sinh neo bám dày đặc trên bề mặt của giá thể vi sinh, quá trình trao đổi chất, khử nitrat diễn ra nhanh hơn gấp nhiều lần so với loại bùn hoạt tính thông thường.

**** Bể lắng sinh học***

Bể lắng sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải, làm giảm SS nên được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể. Tại bể lắng, nước thải đi từ dưới lên trên qua ống trung tâm, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng ở đáy bể có hàm lượng SS = 8.000-12.000 mg/L, một phần sẽ bơm tuần hoàn trở lại bể sinh học thiếu khí (Aenoxic) (50-100% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ vi sinh, nồng độ MLSS = 2500-3000mg/L. Lưu lượng bùn dư thải ra mỗi ngày sẽ được bơm về bể chứa bùn và được xử lý định kỳ. Độ ẩm bùn hoạt tính dao động trong khoảng 98-99,5%. Phần nước trong sau lắng sẽ tự chảy ra hố gas đấu nối của KCN.

Trong quá trình xử lý nước thải, bùn phát sinh từ quá trình xử lý sinh. Lượng bùn dư này được đơn vị có thẩm quyền hút đi xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Phần nước sau khi tách bùn có chất lượng thấp sẽ được đưa tuần hoàn lại điều hòa để tiếp tục xử lý.

* **Khử trùng:**

Tại đường ống thoát nước thải đầu ra bố trí rọ đặt hoá chất khử trùng Clorine dạng Viên nén, dưới áp lực dòng chảy viên nén sẽ mài mòn dần để tiêu diệt hết các vi sinh vật còn lại trong nước nhằm đảm bảo chỉ tiêu vi sinh trước khi dẫn ra môi trường.

Clorine khử trùng dạng viên nén:

+ Nồng độ 65-70%

+ Khối lượng: 200g/viên

+Tính chất vật lý: Clorine viên tồn tại ở dạng viên nén, có màu trắng ánh xám, mùi clo sốc, dễ tam trong nước.

Thường xuyên kiểm tra khu vực đặt Clorine khử trùng, khi nào bánh Clorine sắp hết thì bổ sung thêm vào. Nồng độ Clorine khử trùng khoảng 10g/m^3 nước thải.

Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

*** Bể chứa bùn:**

Bùn sinh học dư sinh ra từ quá trình xử lý sinh học sẽ được bơm để bơm đến bể chứa bùn. Định kỳ thu gom thuê đơn vị có đủ chức năng hút đi xử lý theo đúng quy định.

b. Các hạng mục của trạm xử lý nước thải tập trung:

STT	Tên các hạng mục	Thể tích bể (m^3)	Kích thước (m)	Kết cấu
1	Bể điều hoà	4,3	2,56m x 0,8m x 2,1m	Thiết bị hợp khối nhựa Composite
2	Bể thiếu khí	3,45	0,87m x 1,89m x 2,1m	
3	Bể hiếu khí	5,07	1,55m x 1,56m x 2,1m	
4	Bể lắng sinh học	1,7	0,9m x 0,9m x 2,1m	
5	Bể khử trùng	1,03	0,55m x 0,9m x 2,1m	
6	Bể chứa bùn	1,09	0,87m x 0,6m x 2,1m	

(Nguồn: Theo bản vẽ thiết kế hệ thống)

Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học.

Hoá chất sử dụng: Viên nén Clorine 3kg/tháng; Mật rỉ đường 15 kg/tháng.

C. Danh mục máy móc, thiết bị

Bảng 3. 4: Danh mục hạnh mục công trình, máy móc của HTXL nước thải

TT	Các hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể điều hòa		

TT	Các hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1.1	Bơm bể điều hòa	02 bộ	- Chủng loại: bơm chìm. - Lưu lượng: Q = 6 m^3/h. - Cột áp: H = 4m. - Công suất: P = 0,25 kw. - Điện áp: 1pha/220v/50hz. - Xuất xứ: Taiwan
1.2	Phao báo mức nước	01 cái	- Tín hiệu on/off. - Điện áp: 250V. - Độ dài dây: 3m. - Xuất xứ: Italia
1.3	Máy thổi khí	02 máy	- Công suất 2,2 kW
2	Bể thiếu khí		
2.1	Bơm đảo trộn bể sinh học thiếu khí	02 cái	- Chủng loại: bơm chìm. - Lưu lượng: Q = 9,6 m^3/h. - Xuất xứ: Taiwan
2.2	Hệ thống đường ống đảo trộn	01 bộ	- Vật liệu: uPVC. - Quy cách: ống đục lỗ. - Xuất xứ: Việt Nam
3	Bể hiếu khí		
3.1	Hệ thống đĩa phân phối khí hoà tan	08 cái	- Hình dạng: Đĩa tròn, D = 268mm. - Lưu lượng: Q = 2-6 m^3/h. - Chủng loại: phân phối khí tinh. - Kết nối: kiểu ren. - Xuất xứ: Jaeger/Đức
3.2	Bơm tuần hoàn hiếu khí - thiếu khí	01 bộ	- Chủng loại: bơm khí dâng (bơm không động cơ). - Vật liệu: uPVC. - Xuất xứ: Việt Nam.
3.3	Giá thể vi sinh	01 bộ	- Giá thể chuyển động: bề mặt riêng >600 m^2/m^3; - Vật liệu chế tạo: PP/PE. - Xuất xứ: Việt Nam
3.4	Khung lưới chắn giá thể bơm	01 bộ	- Vật liệu: SUS304, lưới đục lỗ 5mm; - Xuất xứ: Việt Nam
4	Bể lắng		

TT	Các hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
4.1	Ống lắng trung tâm	01 bộ	- Vật liệu: nhựa PP/PVC. - Kích thước: DxH = 400x1500mm. - Xuất xứ: Việt Nam.
4.2	Hệ tấm thu nước răng cưa và tấm chặn bọt nổi	01 bộ	- Vật liệu inox 304/ nhựa PP/PVC. - Lắp đặt theo chu vi máng thu nước. - Xuất xứ: Việt Nam
4.3	Bơm bùn	02 bộ	- Chủng loại: bơm chìm. - Lưu lượng: Q = 6 m^3/h. - Cột áp: H = 4m. - Công suất: P = 0,25 kw. - Điện áp: 1pha/220v/50hz. - Xuất xứ: Taiwan.
4.4	Bơm bùn nổi	01 bộ	- Chủng loại: bơm khí dâng (bơm không động cơ). - Vật liệu: uPVC. - Xuất xứ: Việt Nam
5	Khử trùng		
5.1	Hộp đặt hóa chất khử trùng dạng viên	01 cái	- Vật liệu: uPVC. - Xuất xứ: Việt Nam.
5.2	Bơm thoát nước sau xử lý	02 bộ	- Chủng loại: bơm chìm. - Lưu lượng: Q = 6 m^3/h. - Cột áp: H = 4m. - Công suất: P = 0,25 kw. - Điện áp: 1pha/220v/50hz. - Xuất xứ: Taiwan
5.3	Phao báo mức nước	02 cái	- Tín hiệu on/off. - Điện áp: 250V. - Độ dài dây: 3m. - Xuất xứ: Italia
6	Đường ống công nghệ		
6.1	Hệ thống đường ống khí	01 bộ	- Vật liệu: thép mạ kẽm/uPVC. - Ống trên cạn: thép mạ kẽm. - Ống ngập nước: uPVC Class 2. - Phụ kiện: Co, cút, van khóa keo dán phù hợp khẩu độ, chủng loại ống - Xuất xứ: Việt Nam
6.2	Hệ thống đường ống nước, bùn	01 bộ	- Vật liệu: ống uPVC Class 2 - Đường ống bơm nước thải, Đường ống

TT	Các hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			bơm bùn, Đường ống chảy tràn - Phụ kiện: co, cút, keo dán phù hợp khẩu độ, chủng loại ống. - Xuất xứ: Việt Nam
III	**Thiết bị lắp đặt trong phòng điều khiển**		
1	Máy cung cấp dưỡng khí	02 bộ	- Lưu lượng: Q_{tk} = 0,84 m^3/phút. - Cột áp: H_{tk} = 3,0 m. - Tốc độ vòng quay: 2250 v/p. - Công suất động cơ: P = 1,5 Kw. - Điện áp: 03phase, 380V, 50Hz. - Phụ kiện: ống giảm thanh đầu vào, đầu ra. Bộ chân đế, dây coroa, khớp nối chống rung,… - Xuất xứ: Longtech/Trundean/ Taiwan
2	Tủ điện điều khiển	01 bộ	- Linh kiện chính: Ls-Korea. - Thiết bị bao gồm: Aptomat, relay nhiệt, relay dòng, chống mất pha, cốc chì, máng cáp, quạt, công tắc hành trình, đèn báo tín hiệu, cầu đấu,… - Hoạt động theo 2 chế độ automatic và maunal. - Xuất xứ: Việt Nam
3	Thang máng cáp/dây điện kết nối phụ tải	01 gói	- Ống uPVC Class 2. - Ống PVC, HDPE gân xoắn. - Phụ kiện: co, cút,… - Dây có tiết diện phù hợp với công suất phụ tải - Cadisun/Cadivi. - Xuất xứ: Việt Nam

d. Quy trình vận hành, bảo dưỡng và khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

d.1. Quy trình vận hành

*** Kiểm tra hệ thống điện cung cấp**

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

- Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên CB tổng và các CB con để chuyển tất cả CB sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã được cấp vào các tiếp điểm của tất cả các khởi động từ.

Tủ điện điều khiển

- Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển
- Bước 3: Sau khi đã chuẩn bị xong TĐK, chuyển sang bước 4 bắt đầu tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

a. Vận hành ở chế độ tự động

- Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí "AUTO". Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển bởi PLC hoặc các timer, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình đã cài đặt.

Bật công tắc sang vị trí " AUTO" để ở chế độ tự động

b. Vận hành ở chế độ không tự động

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy, hoặc hệ thống chạy tự động gặp sự cố. Khi đó chỉ cần bật máy sáng chế độ MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

Bật công tắc sang vị trí "MAN" ở chế độ không tự động

c. Dừng do sự cố

- Khi hệ thống điện gặp sự cố chạm đất, CB tổng sẽ tự động ngắt. Trước khi khởi động lại hệ thống cần phải kiểm tra và khắc phục thiết bị đã bị chạm.
- Khi đèn đỏ trên bảng điều khiển bật sáng báo hiệu máy/thiết bị tại vị trí tương ứng gặp sự cố => bật công tắc và CB của thiết bị đó sang vị trí "OFF" để kiểm tra và phát hiện sự cố.

Đèn màu đỏ bật sáng -> thiết bị đang gặp sự cố

* ***Lưu ý:*** Trong trường hợp dừng hệ thống bằng nút EM.STOP hoặc bằng đóng CB tổng trong TĐK hoặc do cúp điện thì khi khởi động lại nên bật tất cả các công tắc về trạng thái OFF và thực hiện lại quá trình vận hành từ Bước 1 như trên. Điều này giúp tránh các máy đồng loạt khởi động gây sụt áp hệ thống.

Nút EM.STOP

*** Kiểm tra thiết bị**

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

Danh sách máy móc thiết bị, bể xử lý cần kiểm tra trước khi vận hành

STT	Máy móc – Thiết bị	Chi tiết cần kiểm tra
1	Bơm bể điều hoà, Bơm bùn bể lắng sinh học, Bơm nước thải đầu ra	- Van: mức độ mở - Sự hoạt động: nước/bùn
2	Máy thổi khí	- Dây curoa - Bộ lọc khí (mức độ tinh khiết) - Đồng hồ đo áp - Mức dầu bôi trơn (châm thêm hoặc xả bớt theo mức dầu quy định) - Kiểm tra van an toàn (Van 1 chiều) - Khớp chống rung
3	Đĩa thổi khí	- Bọt khí (đều)
4	Motor khuấy các loại	- Hoạt động của thiết bị, hộp giảm tốc - Mức dầu bôi trơn trong hộp số giảm tốc

		(châm thêm hoặc xả bớt theo mức dầu quy định)
5	Tủ điện điều khiển	- Hoạt động của rơ le nhiệt, đèn tín hiệu - Hoạt động của các công tắc điều khiển - Hoạt động của Vol kế, Ampe kế,..
6	Tình trạng bể	- Tất cả các bể trong hệ thống xử lý nước thải không bị rò rỉ, rạn nứt - Chiều cao bảo vệ bể
7	Kho chứa hóa chất	- Kiểm tra số lượng hoá chất và lên kế hoạch bổ sung thêm hóa chất khi sắp hết
8	Kiểm tra đường ống công nghệ	- Tất cả các đường ống không bị nứt gãy, rò rỉ

d2. Quy trình bảo dưỡng, khắc phục sự cố

*** Khi sử dụng bơm cần lưu ý:**

Không cho bơm chạy khi không có nước

Không cố sửa chữa phần điện trong bơm

Không để bơm hoạt động trong thời gian dài

Sự cố khi gặp phải

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp
Máy bơm không làm việc (không quay)	Không có nguồn điện cung cấp đến.	• Kiểm tra nguồn điện, cáp điện
Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm.	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ.mòn… - Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ xung thêm, hoặc thay nhớt mới. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Ngược chiều quay. - Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van. - Rách màng bơm.	- Đảo lại chiều quay. - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van. - Thay màng bơm khác

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp
Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống. - Mực nước bị cạn . - Nguồn điện cung cấp không đúng. - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra ,khắc phục lại. - Tắt bơm ngay . - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới quy định. - Độ cách điện của bơm giảm quá qui định, < 01MΩ. - Bị sự cố về cơ khí : bánh răng, vòng bi, …	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. - Sấy nâng cao độ cách điện. - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục.

***Kiểm soát sự cố trong vận hành**

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ không tránh khỏi các sự cố. Dưới đây là bảng kê các sự cố thường gặp và cách kiểm tra, khắc phục:

Bảng Các sự cố và phương án khắc phục của HTXL nước thải

STT	Bể xử lý	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
1	Bể thu gom + điều hòa	Bể tràn nước	- Bơm không hoạt động	Kiểm tra lại phao, kiểm tra nguồn điện (có điện hay không), Kiểm tra dây điện dẫn đến thiết bị có bị đứt (hở) không, nếu đứt (hở) cần đấu nối và quấn băng keo điện cẩn thận lại.
			- Phao tự động không hoat động.	- Kiểm tra tiếp điểm đấu nối của phao: đứt, lỏng…thì cần đấu nối và quấn băng keo điện cẩn thận lại.
			- Van một chiều và đường ống bị tắc.	- Kiểm tra gỡ bỏ rác, dị vật ở van 1 chiều và thông lại đường ống.
		Bể không sục khí, sục khí yếu	- Máy thổi khí không hoạt động.	- Kiểm tra thiết bị đóng cắt nguồn điện và công tắc của động cơ đang ở chế độ bật hay tắt (nếu tắt cần bật lại thiết bị). Dây điện dẫn đến thiết bị: đứt, hở… thì cần đấu nối quấn băng keo cẩn thận lại.

			- Các van thổi khí đang khóa hoặc xả rất ít	- Kiểm tra van khí đã mở hay chưa và cần điều chỉnh lại cho lượng khí phù hợp.
2	Bể hiếu khí (Aerotank)	Bể tĩnh, Thổi khí yếu.		- Kiểm tra thiết bị đóng cắt nguồn điện và công tắc của động cơ đang ở chế độ bật hay tắt (nếu tắt cần bật lại thiết bị). Dây điện dẫn đến thiết bị: đứt,hở… thì cần đấu nối quấn băng keo cẩn thận lại.
			- Máy thổi khí không đúng các pha điện	- Kiểm tra chiều quay của động cơ (motor) đúng chiều ghi trên thiết bị chưa? Chưa đúng thì cần đảo lại pha điện (đảo 2 trong 3 pha đối với thiết bị dùng nguồn điện 380V)
			- Các van thổi khí đang khóa hoặc xả rất ít.	- Kiểm tra van khoá khí đã mở đúng chưa? Nếu chưa đúng cần điều chỉnh lại cho phù hợp.
		Mực nước trong bể dâng cao	- Giá thể làm tắc nghẽn đường ống.	- Vệ sinh ống chảy tràn
			- Tắc nghẽn do rác	- Tháo rỡ rác tắc nghẽn, thông bơm tuần hoàn sang bể Anoxic
		Bọt nổi nhiều trên mặt	- Vi sinh bị sốc tải	- Giảm lưu lượng nước đầu vào (mở van xả áp ở bể điều hoà).
			- Có hoá chất lẫn vào nước thải làm chết vi sinh.	Kiểm tra lại nguồn nước đầu vào để xử lý việc lẫn hoá chất vào nước thải.
		Bùn hoạt tính yếu,ít	- Bơm tuần hoàn bùn từ bể lắng không hồi lưu bùn về bể, hoặc bơm bị tắc. - Vi sinh chết hết.	- Kiểm tra lại hoạt động của bơm tuần hoàn bùn, thông tắc bơm, thông tắc đường tuần hoàn bùn - Nuôi cấy lại vi sinh (bổ sung bùn vi sinh, men vi sinh, chế phẩm vi sinh,…)
		Bùn hoạt tính quá nhiều trong bể	- Vi sinh phát triển quá nhanh, nhiều bùn chết lơ lửng khó lắng.	- Tiến hành bơm xả bùn về bể chứa bùn để tạo không gian cho bùn non sinh trưởng phát triển.
		Bùn hoạt tính có màu lạ, hiện tượng lạ	- Bùn có màu hồng: Bể thiếu oxy, vi sinh vật hô hấp tuỳ tiện phát triển - Bùn có màu đen: Bể thiếu oxy trầm trọng, vi sinh yếm khí phát triển	- Kiểm tra lại hoạt động của máy thổi khí - Xả bùn chết về bể chứa bùn, nuôi cấy vi sinh lại - Kiểm tra bổ sung chế phẩm vi sinh, men vi sinh, chất dinh dưỡng - Kiểm tra lại nguồn nước vào có lẫn hoá chất độc hại không

			- Bùn có màu trắng: Vi sinh dạng sợi phát triển - Bông bùn lơ lửng, xuất hiện hiện tượng rã bùn: nước có lẫn hoá chất hoặc chất khử trung dạng oxy hoá mạnh	
3	Bể lắng sinh học	Không có nước	- Tắc nghẽn đường ống chảy tràn từ bể Aerotank sang bể lắng	- Kiểm tra, thông ống chảy tràn từ bể Arotank sang ống lắng trung tâm.
		Bùn nổi nhiều	- Bùn không còn hoạt tính (bùn chết).	- Bật bơm hút bùn và mở van hồi về bể chứa bùn để xử lý (ép bùn hoặc thuê xe chở đi xử lý)
			-Tắc nghẽn bơm tuần hoàn bể bùn	- Kiểm tra, thông bơm tuần hoàn bùn, thiết lập lại chu kỳ hồi lưu bùn.
4	Các sự cố trong nhà điều hành	Tủ điện điều khiển báo sự cố các máy móc không hoạt động	- Dây điện nguồn bị đứt.	- Kiểm tra lại nguồn điện đấu nối quấn băng keo điện cẩn thận lại hoặc thay thế.
			- Quá tải dòng thiết bị - Chân tiếp xúc kém	- Đo lại dòng điện tới các thiết bị, sau đó kiểm tra các thiết bị tại các bể.Kiểm tra các chân tiếp xúc tại các cầu đấu có lỏng không? Nếu lỏng thì siết chặt lại các chân tiếp xúc,tiếp điểm. (Cần người có chuyên môn về cơ điện kiểm tra)
5	Các sự cố về máy móc, thiết bị	Máy thổi khí không hoạt động	- Nguồn điện không ổn định	- Kiểm tra lại nguồn điện.
			- Cháy motor.	- Kiểm tra motor và lên phương án khắc phục
		Máy thổi khí yếu	- Tắc ống cấp khí do bụi bẩn. vật cản bám vào	- Vệ sinh ống cấp khí và đường ống hút khí của máy.
			- Điện yếu, cháy pha, mất pha	- Kiểm tra lại nguồn điện, pha điện.
		Bơm báo lỗi	- Bơm bị tắc, cháy, kẹt phao điện	- Kiểm tra cánh quạt của bơm, van một chiều, loại bỏ rác, dị vật. - Kiểm tra lại nguồn điện, dòng điện - Kiểm tra lại hoạt động của phao điện

*** Bảo trì máy thổi khí**

Một kế hoạch kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hợp lý là phương án tin cậy bậc nhất để giảm thiểu tôi đa việc sửa chữa máy thổi khí, hạn chế tối đa các sự cố không mong

muốn. Một cuốn sổ vận hành, bảo dưỡng ghi rõ ngày tháng và lịch trình cụ thể sẽ giúp quá trình kiểm tra, bảo dưỡng diễn ra thường xuyên và khoa học hơn.

Nội dung cơ bản cuả việc kiểm tra , bảo dưỡng máy thổi khí.

Kiểm tra dầu bôi trơn

Kiểm tra nhiệt độ tại các điểm nóng bất thường

Kiểm tra sự gia tăng hoặc thay đổi trong rung động hoặc tiếng ồn. Ghi lại các thông số áp suất và nhiệt độ làm việc.

- Một máy thổi khí nên được làm việc trong khoảng giới hạn được đề xuất bởi nhà sản xuất để đảm bảo thời gian làm việc bền lâu cho máy.

- Một máy thổi khí khi mới được lắp đặt, nên kiểm tra thương xuyên trong tháng đầu tiên hoạt động. Bôi trơn là yếu tố quan trọng nhất nên tuân thủ sự bôi trơn theo hướng dẫn được giới thiệu ở phần bôi trơn máy thổi khí.

- Kiểm tra sức căng của dây đai theo định kỳ, kiểm tra hiện trạng của dây đai xem có bị sờn rách, nứt hay không, nếu cần thiết phải thay mới.

- Vòng phớt chắn dầu có thể bị mòn, hư hỏng sau một thời gian làm việc

- Vòng xéc măng được thiết kế để hoạt động mà không có sự cọ xát, khi nhiệt độ ở mức độ làm việc ổn định.Vòng xéc măng đứng yên sẽ chà sát vào bạc xéc măng trong một thời gian ngăn khi khởi động và khi dừng máy. Các bạc xéc măng được thiết kế có độ cứng cao, chịu mài mòn, vành xéc măng được bôi một chất bôi trơn khô, khi nó ngừng hoạt động. Thay mới nếu nó quá mòn

- Vòng bi được thiết kế cho tuổi bền tối ưu trong điều kiện hoạt động bình thường, và bôi trơn phù hợp. Dẫn dần, vòng bi, cổ trục, hoặc ổ bi sẽ bị mòn cho đến khi chúng làm cho xuất hiện sự cọ sát giữa cánh và vỏ. Điều này sẽ gây ra nóng tại vị trí cọ sát, và được phát hiện bằng cách quan sát các bề mặt này. Một khi vòng bi bị hư hại, khi đó trục và cánh sẽ không được hỗ trợ một cách chính xác, và sẽ gây ra những thiệt hại to lớn cho vỏ và bánh răng là điều có thể xẩy ra.

- Hiện tượng mòn bánh răng, trong điều kiện bôi trơn đầy đủ là không đáng kể trong khoảng thời gian một năm đầu tiên. Cặp bánh răng dùng để duy trì sự ăn khớp và khe hở chính xác giữa hai cánh, và bánh răng được lắp ghép chính xác lên các trục. Mức dầu quá cao sẽ gây ra khuấy động và sinh nhiệt quá nóng cho cặp bánh răng, điều này được hiển thị bởi nhiệt độ cao bất thường ở phía dưới của bánh răng. Nhiệt sinh ra dần làm mất khoảng hở của răng, Khi đó sự mài mòn của bánh răng sẽ phát triển nhanh chóng. Sự mài mòn của răng này sẽ dần tạo ra sự ma sát giữa hai cánh của máy thổi khí, Khi đó thiệt hại nghiêm trọng của máy là không thể tránh khỏi nếu máy tiếp tục làm việc.

- Khe hở làm việc của quạt chỉ vào khoảng một vài phần nghìn của inch, điều này làm cho cánh quạt dễ bị va chạm vào nhau, hoặc va chạm với buồng nếu quá trình lắp ghép căn chỉnh không hợp lý, hoặc từ những thay đổi trong hệ thống đường ống.Nếu gặp sự cố này thì vệ sinh sạch quạt, tháo rời mặt bích, căn chỉnh lại quạt, sau đó siết chặt lại các bu lông, lắp ghép các đường ống đảm bảo chính xác và thẳng góc. Ngoài ra các vật liệu được hút vào quạt cũng sẽ gây ra những rắc rối, và khi đó chỉ có thể khắc phục bằng cách, ngắt kết nối với đường ống và triệt để làm sạch bên trong quạt.

- Một loạt các nguyên nhân và giải pháp cho các sự cố trong quá trình vận hành máy thổi khí được nêu trong SỰ CỐ & BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC. Các biện pháp được đề nghị nên được thực hiện bởi người có tay nghề cơ khí cao. Công việc sửa chữa lớn nên được thực hiện bởi các đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm.

*** Bảo trì phao mức nước**

Hằng ngày kiểm tra và vệ sinh phao đo mức nước nhằm tránh trường hợp báo tín hiệu sai lệch vì bị dính vật lạ hay bị bẩn. Nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động tốt cần phải thường xuyên tiến hành công tác bảo trì.

*** Vệ sinh các bể xử lý**

Công tác vệ sinh các bể xử lý nhằm tránh hiện tượng rong rêu bám trên thành bể, lối đi vận hành,…. gây trơn trượt và nguy hiểm. Ngoài ra, việc vệ sinh còn giúp tạo cảnh quan cho toàn bộ hệ thống, cũng như tạo thiện cảm đối với khách tham quan. Công tác thực hiện: vệ sinh sung quanh thành bể, vệ sinh sàn thao tác, Tùy tình hình thực tế tần suất là 1 – 2 lần/tuần. Sử dụng các thiết bị vệ sinh như: chổi, bàn chải, hóa chất (nếu cần), vòi nước để thao tác.

Đối với hệ thống điện

Bơm định lượng sau khi nắp đặt và đưa vào vận hành nếu các thiết bị bảo vệ điện hoạt động tốt thì hầu như không phải bảo dưỡng hệ thống điện tuy nhiên trong khi vận hành có thể vẫn xẩy ra hiện tượng phóng điện dẫn đến mối nối giữa động cơ và dây dẫn bị lỏng do đó bạn cần phải xiết chặt các bulong lại tránh cho động cơ bị phát nóng.

e. Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành

Định mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải được tổng hợp dưới bảng sau:

TT	Hóa chất	Liều lượng sử dụng	Đặc tính
1			Sản phẩm này chứa nhiều chủng sinh vật có khả năng tiết ra nhiều chất phân hủy sinh học với khả

	Chế phẩm Emic (EM)	6kg/lần/3 tháng	năng có thể ức chế kháng sinh, làm sạch nguồn nước thường được áp dụng để xử lý các loại nước thải trong hệ thống xử lý nước thải tại bể hiếu khí. - Sử dụng chế phẩm sinh học men xử lý nước thải EM (EMIC) này để phân giải các loại chất ô nhiễm có trong bể tự hoại sẽ có thể thấy được kết quả là: + Chúng phân giải nhanh các chất hữu cơ có trong nước thải như xenlulozơ, tinh bột, lipit, protein,... lọc và làm nước sạch hơn. + Khử các chất hữu cơ khác có trong nước (COD,BOD) + Tiêu diệt các loại khuẩn gây bệnh. + Tăng khả năng kết lắng và lọc nước của bùn hoạt tính
2	Clorine	3,0 kg/tháng	+ Nồng độ 65-70% + Khối lượng: 200g/viên +Tính chất vật lý: Clorin viên tồn tại ở dạng viên nén, có màu trắng ánh xám, mùi clo sốc, dễ tam trong nước. + Chú ý điều kiện lưu giữ và bảo quản: Đựng kín trong chai nhựa, can nhựa, không đựng bằng vật dụng kim loại, không mở nắp khi không sử dụng, để nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng, nhiệt độ. Sử dụng tốt nhất trong thời gian từ 5 – 6 tháng kể từ khi mở nắp. + An toàn: Không tiếp xúc trực tiếp, phải mặc đồ bảo hộ, tránh rơi vào mắt, da, hít hơi, không được nuốt và để xa tầm với của trẻ em. Rửa ngay bằng xà phòng và nước sạch khi tiếp xúc vào da.

3	Mật rỉ đường	45kg/tháng	Mật rỉ đường (rỉ đường) là một loại chất lỏng đặc sánh còn lại sau khi đã rút đường bằng phương pháp cô đặc và kết tinh. Thành phần chính bao gồm: nước 20%, Sucroza 35%, Glucza 7%, Fructoza 9% và một số chất khoáng khác như Fe, Al, Mg, P, K,… là thức ăn cho vi sinh vật. Mật rỉ đường có nguồn gốc từ thiên nhiên nên rất an toàn khi sử dụng.
4	Điện năng	Định mức tiêu thụ khoảng **10kWh/ngày**	-

1.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của cơ sở được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày.đêm;

- Vị trí xả thải: Tại hố ga G48 của hệ thống thoát nước thải KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, (hố ga nằm ngoài hàng rào, cách cổng ra vào cơ sở khoảng 10m về phía Đông Bắc);

- Vị trí đấu nối nước thải sau xử lý với hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN Quang Châu giữa Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang với Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang tại Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng ngày 15/8/2013 (Biên bản được đính kèm phụ lục báo cáo).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chế độ xả thải: Xả nước thải liên tục;

- Phương thức xả thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được xả theo phương thức tự chảy theo cống ngầm chảy về hố ga kiểm

tra của cơ sở, sau đó tự chảy vào hố ga G48 của hệ thống thoát nước thải KCN Quang Châu.

- Sơ đồ minh họa:

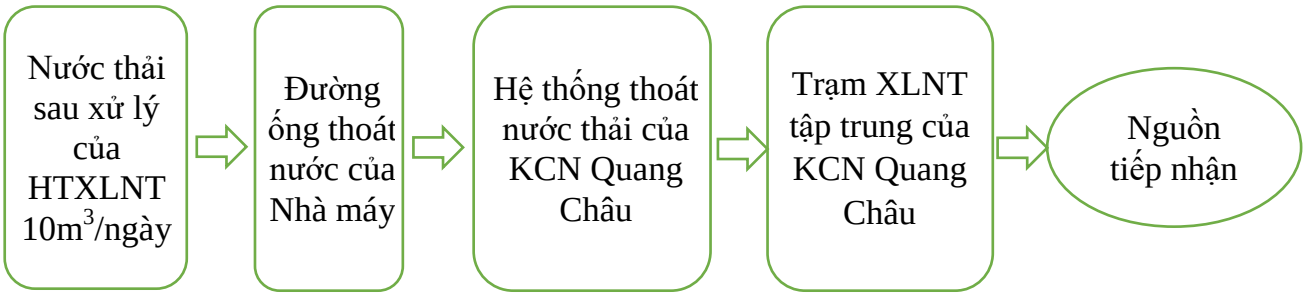

Hệ thống thoát nước thải của nhà máy

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của cơ sở

2.1. Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của lò hơi

Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của lò hơi công suất 25.000 m^3/giờ.

a. Công nghệ, công suất

- Công nghệ: Lọc bụi qua xylcone kết hợp hấp thụ bằng nước;
- Công suất: 25.000 m^3/giờ.

b. Thuyết minh công nghệ xử lý

Khí thải của công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực lò hơi do sử dụng nhiên liệu là mùn cưa ép nên phát sinh khí thải như bụi, SO_2, NO_x, CO,…. Do đó, để đảm bảo xử lý triệt để khí thải phát sinh, Chủ cơ sở đã đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp lọc bụi Cyclone kết hợp hấp thụ bằng nước (rửa khí). Sơ đồ quy trình xử lý khí thải như sau:

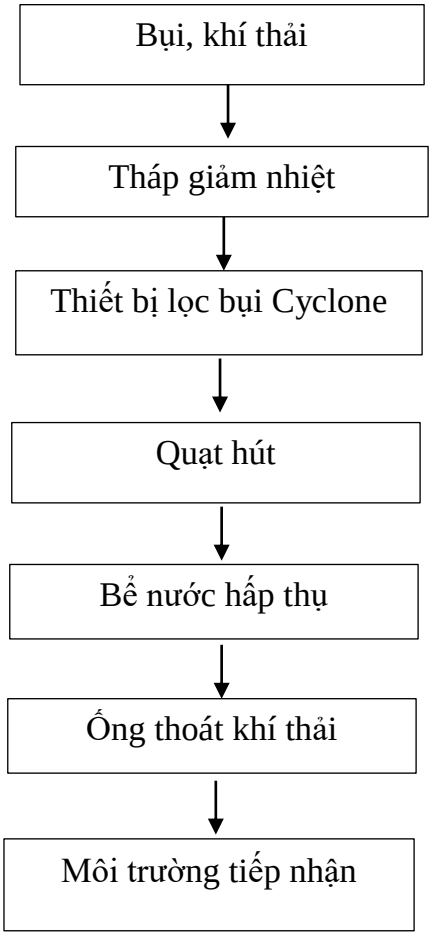

Hình 7: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải của cơ sở

** Thuyết minh quy trình xử lý:*

*** Hệ thống xử lý khí thải số (HTXL khí thải lò hơi công suất 4 tấn hơi/ giờ)**:

- Tháp giảm nhiệt: Khí thải được dẫn qua đường ống D450 dài khoảng 1m về tháp giảm nhiệt. Tháp có tác dụng làm giảm nhiệt độ trong khí thải để thuận lợi cho các công đoạn xử lý tiếp theo. Tháp giảm nhiệt có kích thước 1,0mx1,0mx3,3m.

- Cyclone lọc bụi khô: Dưới tác dụng của quạt hút công suất 25.000 m^3/giờ khí thải lò hơi sau khi đi qua tháp giảm nhiệt được thu gom bằng đường ống dẫn khí tiết diện D450mm dài khoảng 1m vào thiết bị Cyclon (hay còn gọi là tháp lắng). Cấu tạo của Cyclone rất đơn giản, đó là một không gian hình trụ có tiết diện ngang lớn hơn nhiều lần so với tiết diện đường ống dẫn khí vào để cho vận tốc dòng khí giảm xuống rất nhỏ, nhờ thế hạt bụi các hạt bụi có kích thước > 50μm chuyển động va vào thành thiết bị có đủ thời gian để rơi xuống chạm đáy dưới tác dụng của trọng lực và bị giữ lại ở đó mà không bị dòng khí mang theo khi đi ra ngoài. Kích thước Cyclone có tiết diện Φ1200, cao 3,2m (tính cả chiều cao hộp thu bụi).

- Bể nước hấp thụ: Khí thải sau thiết bị cyclon tương đối sạch sẽ được đưa sục qua bể nước kích thước (6,3mx1,5mx1,3m) để hấp thụ các chất khí còn lại trong khí thải như SO_2, NOx, CO,…Các chất khí này khi phản ứng với H_2O sẽ tồn tại ở dạng lỏng không thoát ra ngoài theo ống khói khí thải. Đối với nước hấp thụ sẽ bị bay hơi trong quá trình hấp thụ do khí thải có nhiệt độ cao, nước sẽ bổ sung khi mức nước dưới vạch cho phép trong bể. Tại bể nước hấp thụ đồng thời xử lý, giữ lại các hạt bụi có kích thước cực nhỏ. Định kỳ sẽ hút bùn cặn tại bể chứa nước hấp thụ đi xử lý với tần suất 3 tháng/lần.

Hiệu quả xử lý: Hiệu quả xử lý khí thải đạt tới 95 – 98%. Đối với khí thải gồm các chất vô cơ như bụi, CO, NOx, CO_2,… Khí thải sau xử lý qua hệ thống xử lý khí thải lò hơi đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT sẽ được thoát ra ngoài môi trường.

Ngoài ra để tăng hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý khí thải, Công ty áp dụng một số biện pháp sau:

- Mùn cưa ép khi đốt phải khô, có kích thước đồng đều và không quá lớn;
- Nhiên liệu vào đốt cần tạo sự đồng đều trên mặt ghi và có chiều dày vừa phải;
- Cấp vừa đủ gió cho quá trình cháy. Vấn đề này đã có biến tần điều chỉnh tốc độ quạt khói và quạt gió;
- Trong quá trình vận hành lò hơi, công nhân vận hành thường xuyên cào tro bám ở các khe ghi, dọn vệ sinh khoang gió buồng đốt và các khoang gió ở phần đối lưu.

Các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3. 5: Thông số kỹ thuật của 1 hệ thống xử lý khí thải

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Quý cách thiết kế
			HTXL khí thải lò hơi công suất 4 tấn hơi/ giờ
1	Tháp giảm nhiệt	01	Hình trụ tròn đứng thu đáy có kích thước 1,0mx1,0mx3,3m
1	Thiết bị lọc bụi Cyclon	01	- Hình trụ tròn đứng thu đáy có kích thước cao 3,2m; vỏ làm bằng thép CT3 dày 4mm, thép sơn tĩnh điện, có 02 mặt bích kết nối với đường ống; - Đáy dưới đường kính *Φ200*: thu bụi; - Thân thiết bị đường kính *Φ1.200*, bên trong có rãnh xoắn ốc.
2	Bể hấp thụ bằng nước	01	- Kích thước 6,3mx1,5mx1,3m; vật liệu bê tông cốt thép mác 200, có thiết kế dầm cản khói; - Thể tích bể chứa $12m^3$;

			- Kích thước lỗ dẫn khí thải vào bể *Φ260.* - Kích thước lỗ thoát khí thải: *Φ500*
3	Quạt hút ly tâm	01	Công suất 22kW Lưu lượng gió hút 25.000 m^3/h
4	Ống phóng không	01	- Hình trụ tròn đứng, vỏ dày 2mm, thép sơn tĩnh điện; - Cao 13,75m từ mặt đất - Đường kính ống khói: 50cm

(Nguồn: Thuyết minh và bản vẽ hiện trạng hệ thống xử lý khí thải)

c. Quy trình vận hành

- Chuẩn bị :

+ Kiểm tra nguồn điện cấp cho Quạt hút đã chính xác chưa.

+ Kiểm tra các van gió đã mở hết chưa.

+ Kiểm tra ngoại quan thiết bị và phòng máy có gì bất thường không.

- Thao tác vận hành chạy máy:

+ Bật attomat tổng cấp nguồn cho tủ động lực và tủ điều khiển quạt hút.

+ Ấn nút "Run" trong biến tần để khởi động máy quạt hút.điều chỉnh tần số quạt gió phù hợp với yêu cầu sản xuất. Bình thường chỉ cài đặt tần số 40Hz. Đối với máy không có biến tần thì ấn nút ấn.

+ Kiểm tra các thông số khi vận hành thiết bị và ghi chép lại (Lưu ý mọi thông số phải kiểm tra kỹ và ghi chép chính xác).

- Thao tác tắt máy:

+ Kiểm tra bằng mắt thiết bị, không thấy bất thường gì thì tiến hành ấn nút "stop" trên màn hình biến tần

+ Khi không phải thời gian nghỉ dài ngày thì không cần tắt át nguồn tại tủ động lực và tủ điều khiển.

+ Kiểm tra lại ngoại quan quạt hút xác nhận không có bất thường thì mới rời khỏi phòng máy.

- Lưu ý:

+ Thiết bị quạt hút phải được qua đào tạo mới được vận hành.

+ Toàn bộ thông số của biến tần đã được cài đặt hoàn chỉnh, vì vậy khi kiểm tra và điều chỉnh máy chỉ chỉnh ở mục tốc độ biến tần. Không cài đặt những thông số khác.

+ Nghiêm cấm cài đặt tốc độ biến tần vượt quá 50Hz.

d. Quy trình khắc phục sự cố

- Khi phát sinh sự cố mất điện: Sử dụng nguồn điện dự phòng của điện máy phát điện

- Đứt dây culoa:

+ Tiến hành chạy quạt dự phòng

+ Ngắt nguồn điện của quạt

+ Tiến hành thay dây culoa

+ Tiến hành chạy test máy. Nếu máy hoạt động bình thường tiến hành vận hành lại máy theo đúng quy trình.

- Cháy động cơ, hỏng van gió

+ Ngắt nguồn điện cấp vào động cơ hỏng.

+ Chạy quạt hút dự phòng.

+ Tiến hành khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế động cơ hoặc van gió.

+ Tiến hành chạy test máy. Nếu máy hoạt động bình thường tiến hành vận hành lại máy theo đúng quy trình.

e. Quy chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý:

- QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do các phương tiện giao thông vận tải chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và hoạt động giao thông của công nhân viên

Đối với bụi và khí thải do phương tiện vận chuyển, giao thông ra vào công ty để giảm thiểu tối đa các tác động công ty đã tiến hành phun nước rửa các tuyến đường nội bộ đặc biệt là các khu vực có nhiều xe lưu thông.

Phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành về chất lượng khí thải, không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, giảm phát thải bụi và các khí độc hại như SO_2, NO_x, CO,...

Không chở vượt trọng tải quy định; giảm lưu lượng vận tải từ 22h đến 6h để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại tuyến đường ra vào Nhà máy. Do đó nhà máy phải quy định khoảng cách tối thiểu giữa các xe là 50m.

Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

Bê tông hóa các tuyến đường chính trong khu vực nhà máy để hạn chế mức độ phát sinh bụi.

Không cho xe nổ máy khi tham gia thông, nhận hàng.

Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì phương tiện vận chuyển đảm bảo kỹ thuật tốt.

Các phương tiện phải đảm bảo các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

2.3. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng

Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện lưới. Nồng độ khí thải của máy phát điện không có các thông số gây ô nhiễm vượt quá giá trị giới hạn cho phép và máy phát điện hoạt động không thường xuyên nên những tác động đến môi trường không lớn.

Tuy nhiên, Chủ cơ sở cũng áp dụng một số biện pháp sau để hạn chế tác động của khí thải máy phát điện đến môi trường: Máy phát điện sử dụng là máy mới, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đạt tiêu chuẩn môi trường đối với khí thải, tiếng ồn theo tiêu chuẩn Việt Nam. Sử dụng nhiên liệu chạy máy phát điện có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm trong khí thải.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy phát điện để đảm bảo các tiêu chuẩn quy định.
- Bố trí máy phát điện tại nhà phân phối điện riêng rẽ với khu vực điều hành
- Hạn chế tiếng ồn và độ rung bằng cách xây bệ bê tông cố định khoảng 0,3m – 0,5m, xung quanh được bao bọc bởi tường cách âm.

2.4. Mùi hôi từ khu tập kết rác

Khu tập kết rác được bố trí tách biệt với khu nhà xưởng sản xuất, khu văn phòng, khu nhà ăn. Các kho chứa rác thải có tường bao, mái che. Chất thải sinh hoạt phát sinh được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý hàng ngày.

Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt: Kho chứa được bố trí có kết cấu tường bao bằng gạch đặc, trát vữa xi măng; chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng chứa có lắp đậy kín. Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt 2 ngày/lần nên quá trình phân hủy kỵ khí hầu như không diễn ra. Hơn nữa, khu vực lưu chứa chất thải được bố trí tách biệt với nhà xưởng sản xuất nên tác động do mùi của khu vực lưu chứa chất thải đến hoạt động của cán bộ công nhân viên là không có.

2.5. Mùi từ khu nhà bếp và nhà ăn

Công ty lắp đặt hệ thống chụp hút khói nhà bếp. Cấu tạo hệ thống chụp hút khói và mùi nhà bếp gồm: Phễu chụp thu khói, đường ống dẫn khói bằng inox, quạt hút khói (Tất cả được bố trí trong 1 thiết bị tên gọi là máy hút mùi công nghiệp). Vận tốc của máy hút mùi công nghiệp đạt từ 0,2 -> 0,4 m/s, công suất hút 1Hp tương đương 1200 m^3/h. Trong quá trình khói thải được thu hút vào hệ thống, hơi dầu mỡ trong khói thải sẽ đọng lại tai phễu chụp thu khói, phần khói thoát ra ngoài chủ yếu là hơi nước và một phần hơi dầu mỡ không đáng kể.

Vệ sinh trung bình 1 lần/tuần bộ phận phễu chụp thu khói nhà bếp nhằm loại bỏ hơi dầu mỡ lắng đọng, đảm bảo hoạt động của hệ thống thu hút khói thải nhà bếp.

3. Công trình xử lý, thu gom chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

** Thành phần, tải lượng phát sinh*

- Căn cứ vào nhu cầu phát sinh chất thải sinh hoạt thực tế của 100 cán bộ công nhân viên khoảng 50kg/ngày. Với thành phần chủ yếu là bao bì nilon, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nhựa, thủy tinh... giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

- Ngoài ra còn có bùn từ hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m^3/ngày.đêm với khối lượng phát sinh khoảng 40kg/tháng.

** Biện pháp thu gom, xử lý*

- Chất thải từ hoạt động nấu ăn của nhà bếp được nhân viên nhà ăn thu gom tận dụng làm thưucs ăn cho vật nuôi, còn những chất thải không tận dụng được từ nhà ăn và chất thải từ khu vực văn phòng, nhà xưởng sẽ vận chuyển về lưu chứa tại kho chứa CTSH của nhà máy. Công ty sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

+ CTR sinh hoạt được thu gom tập kết lại vào 2 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 50 lít đặt tại khu vực nhà ăn và 10 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 12 lít để chứa chất thải sinh hoạt đặt tại vị trí nhà xưởng, nhà văn phòng.

+ Sau đó cuối buổi chiều, nhân viên vệ sinh của công ty sẽ thu gom rác từ các thùng chứa đưa về 02 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100l đặt tại khu vực kho chứa CTSH.

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế sẽ được phân loại và bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Công ty bố trí đã xây dựng kho chứa tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 15m^2. Kho chứa có nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặt trát vữa xi măng, cao 4,8m, mái lợp tôn.

- Công ty đang hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, số hợp đồng 20230116/HĐXL ngày 20/4/2023 vận chuyển chất thải sinh hoạt đi xử lý theo quy định chức năng để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng quy định với tần suất vận chuyển 2 ngày/lần.

- Ngoài ra, chủ cơ sở cũng sẽ trang bị thùng rác đựng chất thải sinh hoạt đặt tại vị trí thích hợp bên ngoài nhà xưởng để công nhân bỏ chất thải, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, bể tự hoại công ty sẽ thuê đơn vị có chắc năng đến hút cặn, xử lý định kỳ 06 tháng/lần.

Quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt chung như sau:

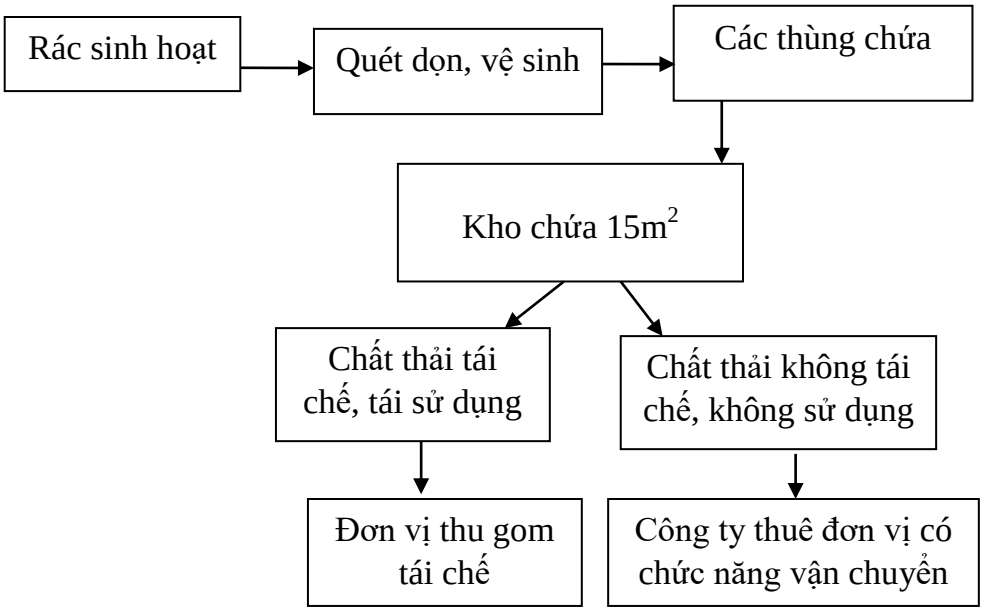

Hình 8. Sơ đồ quy trình thu gom CTR sinh hoạt đang hoạt động

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

** Thành phần, tải lượng phát sinh*

Bảng 3. 6: Bảng tổng hợp chất thải sản xuất của cơ sở

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Tro	Tấn/năm	21
2	Bao dứa	Tấn/năm	1,5
3	Bao bì nilon	Tấn/năm	1,2
4	Palet cũ hỏng	Tấn/năm	2,5
Tổng		**Tấn/năm**	**26,2**

** Biện pháp thu gom, lưu chứa*

- Đặt các thùng chứa dung tích 100 lít tại khu vực sản xuất, phân loại chất thải rắn sản xuất ngay tại vị trí phát sinh.

- Bao dứa hỏng, tái sử dụng… công ty tập kết lưu chứa tại kho chứa chất thải sản xuất diện tích 30m^2. Sau đó sẽ bán lại cho đơn vị cung cấp bao dứa của nhà máy để họ tái sử dụng, tần suất thu gom khoảng 02 lần/tháng.

- Tại cơ sở bố trí kho chứa chất thải sản xuất diện tích 30 m^2, kho chứa nằm trong nhà xưởng có nền đổ bê tông, tường quây tấm Panel, có cửa khoá kín. Trong kho bố trí các thùng chứa, bao chứa chuyên dụng đựng chất thải sản xuất, cụ thể:

+ Đối với tro sẽ được lưu chứ trong các bao tải buộc kín sau đó xếp gọn vào 1 góc kho chứa.

+ Đối với palet gỗ hỏng được xếp gọn trong kho;

+ Đối với bao bì nilon sẽ được lưu chứa trong 2 thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa dung tích 200 lít.

- Bên cạnh việc thực hiện các biện phân loại, thu gom từng loại chất thải rắn phát sinh trong từng phân xưởng, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện tiết kiệm, hạn chế tối đa sự phát sinh các loại chất thải.

- Trang thiết bị bảo hộ lao động của công nhân như quần áo gang tay hư hỏng được tập trung và sử dụng làm giẻ lau máy.

+ Mô hình thu gom, lưu giữ rác thải được thể hiện qua sơ đồ sau:

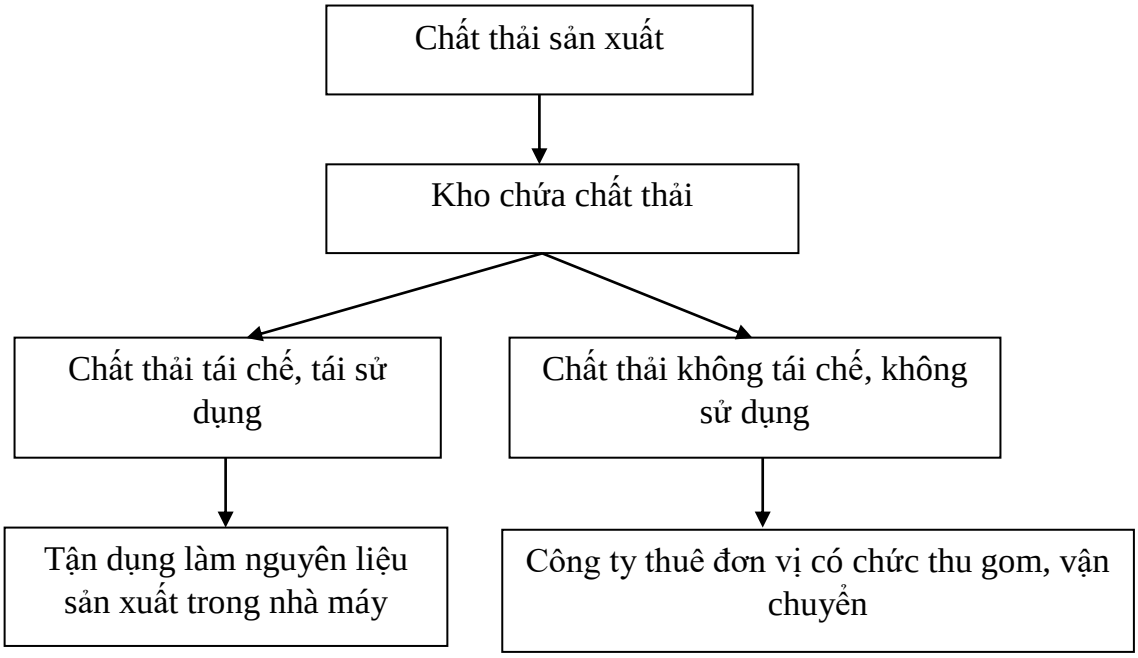

Đối với bùn thải từ quá trình nạo vét: Bùn thải từ hệ thống hố ga, cống thoát nước, bể tự hoại định kỳ nạo vét và được công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển. thời gian nạo vét định kỳ 6 tháng/lần, thời gian vận chuyển bùn thải được thực hiện cùng với quá trình nạo vét.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Nguồn, tải lượng phát sinh:

Bảng 3. 7: Bảng tổng hợp chất thải nguy hại của cơ sở

STT	Tên	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Găng tay, giẻ lau, chất hấp thụ, vật liệu lọc nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	85	18 02 01
2	Hộp mực in hỏng	Rắn	20	08 02 04
3	Dầu thải	Lỏng	50	17 02 03
4	Bao bì thải cứng bằng kim loại	Rắn	120	18 01 02
5	Bao bì thải cứng bằng nhựa	Rắn	15	18 01 03
6	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	10	16 01 06
7	Cặn bùn bể nước hấp thụ	Lỏng	45	19 10 02
Tổng			**345 kg/năm**	

** Biện pháp thu gom, lưu chứa:*

Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại. Toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại được công nhân thu gom vào kho chất thải nguy hại. Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

+ Toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại Công ty được thu gom để đúng vào nơi quy định.

+ Mỗi loại chất thải phát sinh, công nhân thu gom đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng theo quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Chất thải nguy hại đảm bảo được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và được lưu giữ riêng theo quy định không được để lẫn các loại CTNH, dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

+ Toàn bộ lượng CTNH dạng rắn như giẻ lau, găng tay chứa thành phần nguy hại; hộp mực in thải; bóng đèn huỳnh quang hỏng được thu gom vào 03 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt dung tích 100 lít/thùng đặt trong kho chứa CTNH.

+ Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng là dầu thải, cặn bùn thải bể nước hấp thụ được thu gom vào 02 phuy chứa dung tích 100 lít đặt trong kho chứa CTNH.

+ Đối với bao bì thải cứng bằng kim loại và bao bì thải cứng bằng nhựa sẽ được xếp gọn vào một khu trong khu vực kho chứa chất thải nguy hại.

+ Kho chứa thiết kế với diện tích 12 m^2 có biển cảnh báo CTNH, nền bê tông, có mái che, thiết kế hệ thống thông gió, bố trí cát chống tràn đổ hóa chất....

+ Công ty đang hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, số hợp đồng 20230115/HĐXL ngày

20/4/2023, định kỳ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định hiện hành với tần suất khoảng 6 tháng/lần.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

5.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo bộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

Trong giai đoạn vận hành của cơ sở, chủ cơ sở triển khai thực hiện tốt các quy định của Pháp luật lao động về an toàn - vệ sinh lao động để đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động cho người lao động, phòng tránh tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng, cụ thể như:

- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại các Điều 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động. Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại các Điều: 76, 78 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Kiểm tra sức khỏe của người lao động định kỳ 1 lần/năm cho người lao động làm việc bình thường và 6 tháng/lần đối với lao động làm việc nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết các trang phục này bao gồm quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, ủng, kính bảo vệ mắt cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Xây dựng và niêm yết nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động.

- Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các loại máy móc vật tư các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động trước khi đưa vào sử dụng, đăng ký sử dụng và kiểm định kỹ thuật định kỳ theo quy định.

- Định kỳ đo, kiểm tra môi trường lao động.

- Phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Các thiết bị máy móc phải được kiểm tra định kỳ.

- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện để hở thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bảng điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9358-2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung.

- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống nối đất cho các thiết bị điện theo quy định tại Tiêu chuẩn TCVN 9358:2012. Lắp đặt hệ thống nối đất cho các thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung và theo quy định tại Quy phạm trang bị điện - Phần 1. Quy định chung ký hiệu TCN - 11 - 18 - 2016.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã, điện giật.

- Thường xuyên có những đợt tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên và coi đây là một trong những nhiệm vụ của Công ty.

- Thường xuyên khám bệnh định kỳ cho tất cả công nhân lao động trực tiếp.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho theo tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động.

- Xây dựng nội quy về an toàn và bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở xưởng sản xuất cũng như trong các khu vực của Nhà máy.

6.2. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Cán bộ, công nhân viên của nhà máy phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho các cán bộng công nhân viên làm việc trong nhà máy về an toàn giao thông đường bộ.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc tham gia giao thông để tránh những tai nạn giao thông khi tham gia trên đường.

- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các Trung tâm Nhà nước, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải - Tuyệt đối không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải.

- Nghiêm cấm cùng các loại xe vận tải chở người đi đến nơi làm việc hoặc về nơi nghỉ và cấm chở người trên thùng xe trong khi hoạt động.

- Cấm người ngồi trên mui xe hoặc đứng bám sát vào thành xe.

- Cấm người lên xuống xe khi xe chưa dừng hẳn.

Để giảm thiểu tác động do việc gia tăng lưu lượng phương tiện giao thông và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông. Chủ cơ sở sẽ ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương xung quanh cơ sở có điều kiện đi làm bằng xe đạp hoặc các phương tiện công cộng sẽ giảm thiểu đáng kể lượng phương tiện cá nhân góp phần giảm thiểu áp lực lên giao thông khu vực và ô nhiễm môi trường xung quanh. Tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật lệ an toàn giao thông khi tham gia giao thông cho các cán bộ, công nhân viên Công ty (không chở 3, 4 người, đội mũ bảo hiểm, bật tín hiệu xin đường khi chuyên hướng đặc biệt tại các nút giao thông).

6.3. Biện pháp đảm bảo phòng chống cháy nổ (PCCC)

Công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng pháp Lệnh PCCC. Các hạng mục công trình được thiết kế, xây dựng đảm bảo tuyệt đối những điều kiện phòng cháy chữa cháy như:

- Khoảng cách giữa các khối nhà đảm bảo đủ điều kiện cho người ở và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng theo tiêu chuẩn phòng cháy đối với công trình công nghiệp.

- Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí theo đường cấp nước cứ 60 - 80m lại có 1 trụ đảm bảo chất lượng nước cấp chữa cháy Q = 10 l/s có một đám cháy theo TCVN 2662-1995.

- Bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO_2, bình bột, hệ thống ống cấp nước... trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi.

- Có đầy đủ phương án, lực lượng phòng chống cháy nổ hoạt động hiệu quả, được tập luyện định kỳ. Có đầy đủ nội quy, tiêu lệnh dụng cụ, các phương tiện phòng cháy chữa cháy, các dụng cụ phương tiện phải đảm bảo chất lượng.

** Giải pháp kỹ thuật phòng chống cháy*

Trong quá trình xây dựng, tuân thủ quy định tiêu chuẩn hiện hành: TCVN 2622:1995 - Phòng chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

+ Cách ly hoàn toàn các nguồn dễ gây cháy nổ, lan truyền cháy;

+ Bố trí các bình bột chữa cháy tại nhà xưởng, các tủ điện và khu vực văn phòng làm việc;

** Giải pháp kỹ thuật chống sét công trình*

Hệ thống nối đất đc lắp đặt đảm bảo theo tiêu chuẩn, định kỳ kiểm tra và đo điện trở hằng năm.

6.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố ngập úng

Trong mùa mưa lũ chủ cơ sở phối hợp với Ban lãnh đạo KCN Quang Châu, với địa phương, có lực lượng thường trực phòng chống lũ lụt trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên nạo vét kiểm tra và nạo vét hệ thống thoát nước, kênh mương dọc khu vực nhà máy để đảm bảo thoát nước tốt.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành sơ tán, di chuyển các loại nguyên vật liệu, dầu mỡ, thiết bị đến nơi an toàn theo khuyến cáo hoặc quy định của cấp có thẩm quyền để ngăn ngừa phát tán dầu mỡ, nguyên vật liệu ra môi trường xung quanh;

- Ngắt toàn bộ hệ thống điện;

- Sau khi nước rút tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị máy móc bị hư hỏng.

6.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố khu vực nhà bếp - an toàn vệ sinh thực phẩm

Các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm xảy ra sẽ gây ra rất nhiều tác động bất lợi đến hoạt động của nhà máy. Chủ cơ sở rất quan tâm đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Một số biện pháp phòng chống sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động như sau:

- Lập nội quy quy định về hoạt động quản lý thực phẩm, chế biến thức ăn, nước uống và phổ biến đến từng nhân viên trong nhà máy.

- Đảm bảo độ sạch trong quá trình chế biến thức ăn.

- Các loại thực phẩm sử dụng cho chế biến tại nhà máy phải đảm bảo tươi sống, sạch sẽ.

- Chỉ sử dụng loại thực phẩm còn hạn sử dụng.

- Thực phẩm sử dụng cho chế biến có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận của các cơ quan chức năng.

- Thực phẩm sử dụng trong chế biến đảm bảo không chứa các mầm bệnh, độc tố hóa chất bảo vệ thực vật...

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức cán bộ công nhân viên làm việc trong nhà máy về tầm quan trọng của an toàn thực phẩm.

Cung cấp, phổ biến các địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Bệnh viện, công an, PCCC.

- Phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn.

- Lựa chọn đầu bếp có tay nghề cao.

- Định kỳ kiểm nghiệm, giám sát nguồn nước sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm.

Chủ cơ sở tổ chức cho cán bộ tham gia học các lớp tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm do tỉnh và Ban quản lý KCN tổ chức.

- Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về an toàn thực phẩm (Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010). Đồng thời, chịu trách nhiệm nếu sự cố mất an toàn thực phẩm xảy ra.

- Có đầy đủ phương án, lực lượng phòng chống cháy nổ trong khu vực nhà bếp.

6.6. Biện pháp giảm thiểu sự cố bình khí nén

- Bố trí nơi đặt máy nén khí rộng rãi và đủ sáng để vận hành và bảo dưỡng, cách tường bao quanh và trần ít nhất là 1,2 mét.

- Môi trường không được quá nóng (<40°C) và bụi, máy cần có quạt làm mát với lưu lượng lớn hơn lưu lượng của quạt máy nén.

- Bố trí nhân viên vận hành máy nén khí có tay nghề, có khả năng xử lý các tình huống liên quan đến máy nén khí. Chỉ bố trí người đã qua đào tạo tay nghề, được huấn luyện và có thẻ an toàn lao động vận hành máy nén khí;

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm định kỹ thuật an toàn cho máy nén khí có áp suất làm việc cao hơn 0,7bar và khai báo với Sở Lao động - TB&XH tỉnh Bắc Giang trước khi đưa các thiết bị trên vào sử dụng;

- Quản lý sử dụng an toàn máy nén khí theo đúng quy định tại TCVN 6155:1996 Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa;

- Máy nén khí được đặt trong phòng riêng biệt, không gần khu vực tập trung đông người theo đúng quy định tại TCVN 6155:1995 Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa;

- Không sử dụng máy vượt công suất

- Thường xuyên bảo trì máy.

** Bình khí nén nếu sử dụng không đúng quy cách rất dễ gây tai nạn, vì vậy trong khi sử dụng phải tuyệt đối tuân thủ các nội quy an toàn sau:*

Các bình trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định KTAT, đăng ký sử dụng theo quy định. Người sử dụng thiết bị phải giao trách nhiệm quản lý bình khí nén cho cán bộ quản lý thiết bị bằng văn bản.

Việc vận hành các bình chỉ được giao cho những người từ 18 tuổi trở lên, có đủ sức khỏe, đã được huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về kiến thức chuyên môn, quy trình KTAT vận hành thiết bị chịu áp lực và phải được người sử dụng lao động giao trách nhiệm bằng văn bản.

Trên bình khí nén phải có đủ các thiết bị an toàn sau:

- Van an toàn: lắp đúng theo thiết kế. Không cho phép làm giảm diện tích lỗ thoát hơi của van an toàn.

- Áp kế: mỗi bình phải trang bị một áp kế có thang đo phù hợp, áp kế phải được kiểm định và niêm chì hàng năm.

- Bình khí nén phải đặt xa nguồn nhiệt ít nhất 5 mét, không đặt ở những nơi dễ cháy, nổ.

- Không cho phép đặt trong hoặc gần kề những nhà có người ở, những công trình công cộng hoặc công trình sinh hoạt:

- Các bình có chứa các môi chất không ăn mòn, độc hoặc cháy nổ có tích số PV > 10.000 (P tính bằng Kg/cm2, V tính bằng lít)

- Các bình có chứa môi chất ăn mòn, độc hoặc cháy nổ có PV > 500.

- Đối với bình chứa không khí nén di động: Không được tự ý dời chỗ đặt máy và sử dụng máy vào mục đích khác mà không được sự đồng ý của người quản lý thiết bị. Trước khi di chuyển bình phải cắt nguồn điện và xả hết áp suất trong bình.

** Quy trình vận hành máy nén khí:*

- Trước khi vận hành máy nén khí:

Trước khi người dùng tiến hành khởi động máy nén khí, phải kiểm tra toàn bộ các phụ tùng kèm theo như áp kế, van kế, van an toàn và tiến hành xả nước đọng trong bình. Kiểm tra hộp bao che dây curoa, dây tiếp đất động cơ, mức dầu bôi trơn máy nén ở mức cho phép.

- Vận hành máy nén khí:

Để vận hành máy an toàn, người vận hành cần làm theo trình tự: đóng cầu dao điện, ấn nút khởi động máy, chú ý các biểu hiện bất thường trong quá trình chạy máy.

Trong một ca làm việc cần kiểm tra cưỡng chế sự hoạt động của van an toàn tối thiểu một lần và chú ý sự hoạt động của rơle theo đúng vị trí chỉ định, không vận hành máy nén khí quá thông số quy định của các nhà sản xuất.

Trong quá trình vận hành máy nén khí, cần lưu ý:

+ Dừng máy ngay lập tức khi phát hiện có âm thanh bất thường.

+ Không được nới lỏng ống dẫn, không mở bulong và ốc hoặc đóng các van khí có áp suất.

+ Làm đầy dầu trở lại nếu mức dầu thấp hơn so với quy định.

+ Khi vận hành phải đảm bảo máy phù hợp với những thay đổi như: áp suất, hệ thống áp suất, hệ thống nhiệt độ, áp suất từng phần khác nhau, mức dầu và thời gian hoạt động.

- Kết thúc quy trình vận hành:

Sau khi sử dụng máy xong, ngắt cầu dao điện và vệ sinh máy sạch sẽ đồng thời ghi chép các thông số vận hành và diễn biến kỹ thuật vào sổ nhật ký vận hành. Khi không sử dụng máy bơm khí nén thì việc giữ gìn và bảo dưỡng máy đóng vai trò vô cùng quan trọng, đặc biệt là lượng dầu bôi trơn. Vì nó là yếu tố thiết yếu ảnh hưởng tới hiệu suất và hoạt động của máy nén trục vít. Nếu dầu thiếu sẽ gây ra một vài hư hỏng của máy nén, đặc biệt là khi ít sử dụng.

** Kiểm tra bình khí nén khi đang hoạt động:*

- Người trực tiếp vận hành bình phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của bình, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra đo lường: áp kế, van an toàn, rơ le khống chế áp suất. Vận hành bình một các an toàn theo đúng quy trình của đơn vị.

- Vào đầu ca vận hành, khi áp suất trong bình đạt 0,5 (1kg/cm2, công nhân vận hành cần kéo nhẹ van an toàn để thông van an toàn và mở van xả đáy để xả nước ngưng hoặc dầu đọng lại dưới đáy bình. Sau mỗi ca làm việc phải xả các chất cáu cặn và nước đọng ở trong bình.

Xả ngưng cho máy nén khí: Là công đoạn xả lượng nước được ngưng tụ lại trong quá trình nén và tạo khí. Có hai phương pháp xả ngưng thông dụng đó là: xả tự động và xả bằng tay. Thời gian thực hiện xả ngưng cho máy nén khí tùy thuộc vào từng điều kiện môi trường làm việc và công suất hoạt động của máy.

+ Trong điều kiện môi trường có độ ẩm cao thì khí đi vào bên trong máy sẽ mang theo lượng nước tỉ lệ với độ ẩm bên ngoài, do đó thời gian thực hiện xả lâu.

+ Với những điều kiện làm việc bình thường thì cứ khoảng 20 phút người điều khiển sẽ tiến hành xả nước một lần, thời gian xả tùy vào lượng nước ngưng tụ, thông thường là từ khoảng 20 - 30s.

+ Còn riêng với những máy nén khí lâu ngày không thực hiện xả thì tốt nhất nên xả cho đến khí đảm bảo cạn và hết sạch lượng nước trong bình chứa.

Tác dụng của việc xả ngưng cho máy nén khí: Giúp loại bỏ hoàn toàn lượng nước thừa trong máy, nếu không được xả ngưng đúng định kỳ và thường xuyên, thiết bị có thể gặp phải một số sự cố sau đây:

+ Nước ở bên trong máy lâu khiến cho các bộ phận bên trong bị gỉ sét, làm hỏng vòng bi của bộ đầu nén.

+ Nước bốc hơi theo dòng khí đến các thiết bị và dụng cụ sử dụng khí, gây ảnh hưởng không tốt đến chất lượng công việc, đặc biệt là những việc cần độ khó cao như dây chuyền sản xuất, sản xuất linh kiện điện tử, vải vóc

- Định kỳ rửa sạch lưới lọc gió của máy nén ít nhất hai tháng một lần để đề phòng bụi và tạp chất lọt vào theo đường hút vào máy.

** Quy trình bảo trì, bảo dưỡng máy nén khí:*

+ Quy trình kiểm tra máy nén khí hàng ngày:

- Kiểm tra mức dầu máy nén khí
- Xả bình tách khí
- Kiểm tra tổng thể rò rỉ của đường ống dẫn dầu và khí nén
- Kiểm tra rò rỉ của dầu máy, nước, nhiên liệu và khí nén
- Kiểm tra hoạt động của các đèn báo trên máy nén khí
- Kiểm tra hoạt động của van an toàn của máy nén diesel

+ Khi máy nén khí chạy được 250 giờ: Vệ sinh làm sạch hoặc thay thế lọc khí

+ Khi máy nén khí chạy được 300 giờ:

- Thay dầu máy nén khí
- Thay phin lọc dầu máy nén khí di động

+ Khi máy nén khí chạy được 500 giờ:
- Thay dầu cho máy nén khí
- Thay phin lọc dầu máy nén
- Kiểm tra và thay gioăng/phốt chặn máy/bộ phận
- Làm sạch các bộ phận tiết lưu khí nén orfice
- Làm sạch và thay bộ lọc khí đầu vào
+ Khi máy nén khí chạy được 1000 giờ:
- Làm sạch bên ngoài hệ thống làm mát dầu máy nén khí
- Làm sạch phần bên ngoài của đầu ra ống xả khí thải
- Bôi trơn các lò xo, máy nén
- Thay màng chắn điều chỉnh áp lực
+ Khi máy nén khí chạy được 2000 giờ:
- Thay bộ phận tách dầu cho máy nén khí
- Thay các ống dẫn bằng nylon
- Thay ống xả khí thải
+ Khi máy nén khí chạy được 3000 giờ:
- Thay màng chắn điều chỉnh bộ nạp
- Thay các ống cao su
- Kiểm tra màng chắn của van tự động
- Làm sạch van bướm (không phải bộ nạp)
- Thay màng chắn của van hút chân không
- Thay vòng đệm cao su của van hút chân không cho máy nén khí
+ Khi máy nén khí chạy được 6000 giờ:
- Thay vòng đệm cao su của van kiểm soát áp suất
- Kiểm tra và thay gioăng/phốt chặn máy/bộ phận
- Thay khớp nối cao su

** Các điều cấm:*

- Hàn, sửa chữa các bộ phận chịu áp lực của bình trong khi bình đang còn áp suất.

- Chèn hãm, thêm vật nặng hoặc dùng bất cứ biện pháp gì thêm tải trọng của van an toàn khi bình đang hoạt động.

- Sử dụng bình vượt quá thông số kỹ thuật do cơ quan kiểm định kỹ thuật an toàn cho phép đối với thiết bị.

Cho máy vào hoạt động khi chưa lắp nắp bao che curoa truyền động, khi van an toàn không hoàn hảo, khi áp kế và rơ le hoạt động không chính xác.

** Ngừng sử dụng máy nén khí trong các trường hợp sau:*

- Khi áp suất trong bình tăng quá mức cho phép mặc dù các yêu cầu khác quy định trong quy trình vận hành bình đều bảo đảm.

- Khi các cơ cấu an toàn không hoàn hảo.

- Khi phát hiện thấy các bộ phận chịu áp lực chính của bình có vết nứt, phồng, gỉ mòn đáng kể, xả hơi, nước ở các mối nối, mối hàn, các miếng đệm bị xé,…

- Khi xảy ra sự cháy đe dọa đến bình đang có áp suất.

- Khi áp kế hư hỏng, không có khả năng xác định áp suất trong bình bằng một dụng cụ khác. Những trường hợp khác theo quy định trong quy trình vận hành của đơn vị.

6.7. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

**** Biện pháp phòng ngừa***

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Ngoài ra, áp dụng các biện pháp phòng ngừa theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg, ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030. Cụ thể:

+ Tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về dự báo, cảnh báo, ứng phó, khắc phục sự cố chất thải.

+ Tổ chức tập huấn, huấn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách vận hành hệ thống xử lý.

+ Đầu tư mua sắm trang, thiết bị vật tư để nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó các sự cố

**** Biện pháp ứng phó***

- Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê

đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Khi có sự cố vỡ bể phải có phương án hạn chế phát tán nước thải ra môi trường bằng cách sử dụng các bao đất, bao cát, vật liệu thấm hút sẵn có tại hiện trường hoặc sử dụng hệ thống bơm để hút toàn bộ nước thải thu gom về bể chứa,…

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

6.8. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

**** Biện pháp phòng ngừa***

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

**** Biện pháp ứng phó***

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Không có

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

*** Theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt:**

Theo nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/1/2016 với công nghệ xử lý nước thải là : Nước thải → Bể tự hoại→ Bể lắng 45 m^3→ Hệ thống thu gom nuwocs thải KCN. Tuy nhiên, công nghệ xử lý không đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra do đó vào tháng 7/2023 chủ dự án đã tiến hành thi công 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày bằng công nghệ sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

*** Mức độ tác động của sự thay đổi ảnh hưởng đến môi trường:**

Việc lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày bằng công nghệ sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B sẽ cải thiện chất lượng nước thải sau xử lý của nhà máy. Do đó, sự thay đổi trên không có ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp:

Không có

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Quy mô đầu tư của cơ sở: Sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản: 240.000 tấn sản phẩm/năm.

Do đó, theo điểm b, khoản 3, Điều 28 Luật bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm II. Vì vậy, theo điểm C, khoản 4, Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở đề xuất thời hạn của Giấy phép là: 10 (mười) năm.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m^3/ngày của cơ sở để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường *(Theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 03/HĐXLNT-QC ngày 25/09/2013 giữa Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang và Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang)*, cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Chủ cơ sở đã xây dựng 2 bể tự hoại 3 ngăn có tổng dung tích 16,125m^3 (trong đó 01 bể tự hoại khu vực nhà văn phòng có dung tích 6,75 m^3 và 01 bể tự hoại khu vực nhà xưởng sản xuất có thể tích 9,375 m^3) để xử lý sơ bộ nước thải. Nước thải sau đó sẽ theo đường ống nhựa uPVC D200 dài khoảng 27m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m^3/ngày để tiếp tục xử lý.

- Nước thải nhà bếp: Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng bể tách dầu mỡ thể tích 4m^3 (2mx2mx1m) để xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp. Nước thải nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sẽ theo đường ống nhựa PVC D200 dài khoảng 15m đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 10 m^3/ngày để tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được đưa về hố ga kiểm tra của nhà máy. Từ hố ga này nước thải theo đường ống PVC D300, chiều dài 25m đấu nối ra hố ga G48 của hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu qua 01 điểm đấu nối.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m^3/ngày*

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí →Bể lắng sinh học→Khử trùng đường ống → Hệ thống thoát nước thải của cơ sở → Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên (*Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên).*

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 10 m^3/ngày

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Clorine dạng viên nén. Khối lượng sử dụng khoảng 3,0 kg/tháng.

+ Dinh dưỡng mật rỉ đường. Khối lượng sử dụng khoảng 45kg/tháng.

+ Chế phẩm Emic. Khối lượng sử dụng khoảng 6kg/lần/3 tháng.

c. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

c1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải sinh hoạt

+ Vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sữa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

+ Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

+ Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc của trạm xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

+ Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

+ Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

+ Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

+ Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hoạt động của các phụ tải điện, tránh hiện tượng trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động.

+ Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải.

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

c.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải sinh hoạt

+ Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quang Châu; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

+ Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý KCN Quang Châu khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

+ Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa trạm xử lý nước thải vận hành trở lại.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý, Chủ cơ sở thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

+ Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều

chỉnh cụ thể:

++ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

++ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

++ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý để khắc phục, xử lý.

1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2024

b. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m^3/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m^3/ngày.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể gom	pH, BOD_5 (20^0C), COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (Tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Sunfua (S^{2-}), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 01 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Ngày 29/01/2024	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 03 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 29/01/2024 Lần 2: Ngày 30/01/2024 Lần 3: Ngày 31/01/2024	

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải

2.2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của lò hơi.

2.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của

lò hơi.

a. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): X = 2347490; Y = 407921.

b. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.000 m^3/giờ, tương đương 200.000 m^3/ngày.

- Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn hiện hành là QCVN 19:2009/BTNMT cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT	
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-
2	Nhiệt độ	^oC	-	
3	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	
4	Lưu huỳnh dioxit (SO_2)	mg/Nm^3	500	
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.000	
6	Nitơ oxit, NO_x (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850	

2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của lò hơi được thu gom như sau:

Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom bằng đường ống dẫn khí D450 dài khoảng 1,0m dưới tác dụng của quạt hút công suất 25.000 m^3/giờ đưa về hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế: 25.000m^3/giờ.

b. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp giảm nhiệt→ Thiết bị lọc bụi Cyclone→ Quạt hút → Bể nước hấp thụ → Ống thoát khí thải (đường kính D500, chiều cao 13,75m bằng vật liệu tôn thép dày 2mm). Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25.000 m^3/giờ.

c. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

* Biện pháp ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

- Biện pháp ứng phó:

Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, dừng hoạt động khi cần thiết và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố đã được khắc phục.

2.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi có công suất 25.000 m^3/giờ. Công trình đã được Sở TNMT tỉnh Bắc Giang xác nhận hoàn thành các công trình BVMT tại giấy xác nhận số 2154/GXN-TNMT ngày 19/12/2014. Hệ thống xử lý khí thải của cơ sở đã đi vào hoạt động ổn định từ năm 2014, qua các đợt quan trắc định kỳ cho thấy các thông số sau HTXL khí thải của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT. Do đó, Công ty không đề xuất vận hành thử nghiệm đối với 2 công trình này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực sản xuất của cơ sở.

3.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại khu vực xưởng sản xuất. Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): X = 2347546; Y =

407663.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

a. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	*Khu vực thông thường*

b. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	1,4m/s^2 (103dB)	1,4m/s^2 (103dB)	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo bộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

4. Nội dung đề nghị cấp phép về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

4.1.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Găng tay, giẻ lau, chất hấp thụ, vật liệu lọc nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	85	18 02 01
2	Hộp mực in hỏng	Rắn	20	08 02 04
3	Dầu thải	Lỏng	50	17 02 03
4	Bao bì thải cứng bằng kim loại	Rắn	120	18 01 02
5	Bao bì thải cứng bằng nhựa	Rắn	15	18 01 03
6	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	10	16 01 06
7	Cặn bùn bể nước hấp thụ	Lỏng	45	19 10 02
Tổng			**345 kg/năm**	

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Tro	Tấn/năm	21
2	Bao dứa	Tấn/năm	1,5
3	Bao bì nilon	Tấn/năm	1,2
4	Palet cũ hỏng	Tấn/năm	2,5
Tổng		**Tấn/năm**	**26,2**

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế khoảng 50 kg/ngày.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

* Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít để chứa chất thải nguy hại dạng rắn và 02 thùng phuy có nắp đậy dung tích 100 lít để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại dạng lỏng, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại.

* Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

+ Diện tích kho chứa: 12 m^2.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: có biển cảnh báo CTNH, nền bê tông, có mái che, thiết kế hệ thống thông gió, bố trí cát chống tràn đổ hóa chất.

+ Chức năng: Lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất

+ Diện tích kho chứa: 30 m^2

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kho chứa nằm trong nhà xưởng có nền đổ bê tông, tường quây tấm Panel, có cửa khoá kín.

+ Chức năng: Lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạtư

* Thiết bị lưu chứa: Bố trí 2 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 50 lít đặt tại khu vực nhà ăn; 10 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 12 lít để chứa chất thải sinh hoạt đặt tại vị trí nhà xưởng, nhà văn phòng và 02 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100l đặt tại khu vực kho chứa CTSH.

* Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: 15 m^2.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặt trát vữa xi măng, cao 4,8m, mái lợp tôn.

+ Chức năng: Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Cơ sở không thực hiện xử lý chất thải nguy hại tại chỗ.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với nước thải

Số liệu được tổng hợp theo báo cáo kết quả quan trắc, phân tích đánh giá hiện trạng môi trường tại công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang. Công ty đi vào hoạt động ổn định và tiến hành lấy mẫu quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Quang Châu.

Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sau xử lý tại nhà máy

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả							QCVN 40:2011/BTNMT
			Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Quý I / 2023	Quý II /2023	Quý III/2023	Cột B
1	pH	-	6,63	6,60	6,80	7,00	7,30	8,50	8,50	5,5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	550	410	420	350	340	190	190	-
3	BOD_5	mg/L	36	32	32	39	29	30	30	50
4	TSS	mg/L	70	28	32	36	38	<15	<15	100
5	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	2,2	2,9	7,0	9,9	9,5	8,0	8,0	10
6	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	2,04	1,86	0,35	0,26	0,23	0,28	0,28	-
7	Sunfua (S^{2-})	mg/L	0,20	0,17	0,32	0,26	KPH	KPH	KPH	0,5

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả							QCVN 40:2011/BTNMT
			Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Quý I / 2023	Quý II /2023	Quý III/2023	Cột B
8	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	0,95	0,79	0,72	1,28	0,19	KPH	KPH	-
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	1,01	0,97	1,13	0,89	0,76	0,16	0,16	-
10	Dầu mỡ Động thực vật	mg/L	0,4	0,7	2,5	2,4	2,3	1,2	1,2	-
11	Coliform	MPN/100mL	4.300	4.600	4.600	4.300	4.600	83	83	5.000

(Nguồn: Báo cáo quan trắc định kì của cơ sở)

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B - Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Số liệu được tổng hợp theo báo cáo kết quả quan trắc, phân tích đánh giá hiện trạng môi trường tại công ty đối với hệ thống xử lý khí thải của nhà máy.

Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với khí thải tại nhà máy

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả						QCVN 19:2009/BTNMT
			Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Quý I/2023	Quý II/2023	Cột B
1	Lưu Lượng	m^3/h	2.797	4.623	3.028	2.904	3.068	2.780	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	92	95	97	92	85	31	200
3	Nhiệt độ	^0C	77,0	79,0	77,0	68,0	70,0	84,0	-
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	659,3	420,3	611,0	604,6	631,6	400,5	1.000
5	SO_2	mg/Nm^3	44,9	12,2	74,2	34,7	36,7	20,7	500
6	Hàm ẩm	%	3,4	3,5	<3	<3	<3	3,3	-
7	NO_x (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	49,9	30,1	56,4	48,5	50,1	30,5	850
8	Tiếng ồn(***)	dBA	KTH	71,3	68,6	61,3	63,4	70,5	-
9	H_2S	mg/Nm^3	KTH	0,82	<0,45	<0,45	<0,45	0,55	6

(Nguồn: Báo cáo quan trắc định kì của cơ sở)

Ghi chú:

QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc định kỳ môi trường khí thải của cơ sở cho thấy hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi tương đối tốt do các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tại giấy xác nhận số 2154/GXN-TNMT ngày 19/12/2014 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp. Theo đó, các công trình đã được xác nhận hoàn thành và hiện đang vận hành ổn định bao gồm:

+ 01 kho chứa chất thải sinh hoạt với diện tích 15 m^2;

+ 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 30 m^2;

+ 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 12 m^2;

+ 01 Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực lò hơi.

Ngoài các công trình trên, hiện tại, chủ cơ sở đã đầu tư 1 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày.

Chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý chất thải như sau:

Bảng 6. 1: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

TT	Hạng mục công trình	Thời gian lấy mẫu	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Lần 1: Ngày 29/01/2024 Lần 2: Ngày 30/01/2024 Lần 3: Ngày 31/01/2024	Công suất 10 m^3/ngày

**** Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình:***

Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải và khí thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6. 2: Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể gom	pH, BOD_5 (20^0C), COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (Tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Sunfua (S^{2-}), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 01 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Ngày 29/01/2024	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 03 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 29/01/2024 Lần 2: Ngày 30/01/2024 Lần 3: Ngày 31/01/2024	

**** Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch:***

Chủ cơ sở sẽ phối hợp cùng với Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC để thực hiện quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của cơ sở.

Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu Vimcerts 279 tại Quyết định số 385/QĐ-BTNMT ngày 04/03/2021.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

** Quan trắc nước thải:*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được xử lý thông qua 1 hệ thống xử lý nước thải của Công ty đảm bảo đạt cột B (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) sau đó đấu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu. Do đó, theo khoản 1, Điều 111, Luật Bản vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ.

** Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:*

Lưu lượng phát sinh khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 25.000 m^3/h.

Đối chiếu theo điều 97 Nghị định số 08:2022/BTNMT và mục số 8 phụ lục XXIX của Nghị định số 08:2022/BTNMT, cơ sở có lưu lượng phát thải 25.000m^3/h không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Không có.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất, cơ sở không có đoàn thanh tra kiểm tra nào nen không có kết quả buổi làm việc.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Đối với nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải có công suất 10 m^3/ngày đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.

- Đối với khí thải: Khí thải được xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Đối với tiếng ồn và độ rung: Trong quá trình sản xuất, chủ cơ sở cam kết sẽ áp dụng các biện pháp đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về tiếng ồn và độ rung. Cụ thể: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Ghi chú: Trường hợp các quy chuẩn được thay thế thì Chủ cơ sở phải áp dụng các quy chuẩn hiện hành tại thời điểm giám sát môi trường.

2. Chúng tôi cam kết nghiêm túc thực hiện các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ đúng theo các quy định của KCN Quang Châu; thường xuyên phối hợp với KCN Quang Châu, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện đúng, đủ các biện pháp bảo vệ môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của cơ sở đã cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Kịp thời khắc phục những tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến môi trường và

cộng đồng xung quanh nếu có sự cố xảy ra.

3. Chúng tôi cam kết thực hiện thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát theo quy định.

4. Chúng tôi đảm bảo về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam./.

Công ty TNHH New Hope Hà Nội
Chi nhánh Bắc Giang
Đ/c: Lô P (P3) KCN Quang Châu,
Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Số: 020121/New Hope □ GUQ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập □ Tự do □ Hạnh Phúc
----------o0o---------

Hà Nội, Ngày 02 tháng 01 năm 2021

GIẤY UỶ QUYỀN

Người uỷ quyền	:	**Ông Li Xue Jiu**
Chức vụ	:	Tổng Giám đốc
Đơn vị	:	Công ty TNHH New Hope Hà Nội — chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ	:	Lô P (P3) KCN Quang Châu, H. Việt Yên, T.Bắc Giang
Người được uỷ quyền	:	**Ông Hu Song Sheng**
Chức vụ	:	Phó tổng giám đốc
Đơn vị	:	Công ty TNHH New Hope Hà Nội — chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ	:	Lô P (P3) KCN Quang Châu, H. Việt Yên, T.Bắc Giang

Nội dung uỷ quyền: Giải quyết công việc khi Tổng Giám đốc đi vắng.

1. Chỉ đạo điều hành giải quyết toàn bộ công việc của Công ty.
2. Thay mặt Tổng Giám đốc ký kết các hợp đồng mua bán, ký kết các chứng từ thanh toán với các ngân hàng và các văn bản giấy tờ khác có liên quan đến việc làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị phục vụ sản xuất tại các cửa khẩu của Việt Nam.
3. Ký kết các văn bản, các quy định lưu hành tại Công ty và cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thay mặt Tổng Giám đốc làm việc trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác có đủ thẩm quyền làm việc với các cơ quan chức năng của nhà nước để giải quyết công việc của Công ty.
4. Khi Tổng Giám đốc đi công tác về **Ông Hu Song Sheng** phải báo cáo lại tình hình hoạt động của Công ty cho Tổng Giám đốc biết.

Thời gian uỷ quyền: Từ ngày 02 tháng 01 năm 2021

Người được uỷ quyền	Người uỷ quyền
HU SONG SHENG	LI XUE JIU

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 0101044677-002

Đăng ký lần đầu, ngày 26 tháng 06 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 06 tháng 05 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: NEW HOPE HA NOI COMPANY LIMITED - BAC GIANG BRANCH

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô P (P3), khu công nghiệp Quang Châu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0204.3818428* Fax: *0204.3818428*

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: LI XUEJIU Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/08/1968* Dân tộc: Quốc tịch: *Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *E94339036*

Ngày cấp: *17/03/2017* Nơi cấp: *Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam*

Địa chỉ thường trú: *Số 1101 D2 DaZheng Yuan, đường Yan Yang Chu Dadao, thành phố BaZhong, tỉnh Sichuan, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Lô B6, Khu công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NEW HOPE HÀ NỘI

Mã số doanh nghiệp: 0101044677

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9805607025

Chứng nhận lần đầu: Ngày 26 tháng 6 năm 2012
Chứng nhận thay đổi lần thứ tư: Ngày 10 tháng 12 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 20212000142 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 26/6/2012, chứng nhận thay đổi lần ba ngày 26/6/2014;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) của Công ty TNHH New hope Hà Nội nộp ngày 08/12/2021,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN

Điều 1: Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mã số: 0101044677 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 06/6/2008, cấp thay đổi lần 10 ngày 05/02/2021.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư

Họ và tên: LI XUEJIU — Chức danh: Tổng giám đốc
Giới tính: Nam — Ngày sinh: 16/08/1968
Quốc tịch: Trung Quốc — Hộ chiếu: E94339036
Ngày cấp: 17/3/2017; Cơ quan cấp: Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1101 D2 DaZheng Yuan, đường Yan Yang Chu Dadao, thành phố BaZhong, tỉnh Sichuan, Trung Quốc.

3. Thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0101044677- 002 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 26/6/2012, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 06/5/2021.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký đổi Giấy CNĐKĐT và điều chỉnh thông tin người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản" kèm theo Giấy CNĐT số 20212000142 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 26/6/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 26/6/2014.

1. Tên Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHO CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN.

2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô P(P3), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 35.071m^2.

4. Mục tiêu của dự án đầu tư: Sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thuỷ sản.

5. Quy mô của dự án đầu tư:

- Quy mô sản xuất năm ổn định: 240.000 tấn/năm.
- Thị trường tiêu thụ trong nước, xuất khẩu.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 169.000.000.000 VNĐ (một trăm sáu mươi chín tỷ đồng Việt Nam) tương đương 8.000.000 USD (tám triệu đô la Mỹ).

6.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư của dự án:

Vốn góp chủ sở hữu: 169.000.000.000 VNĐ (một trăm sáu mươi chín tỷ đồng Việt Nam) tương đương 8.000.000 USD (tám triệu Đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư của dự án.

6.2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư dự án: đã thực hiện.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 31/12/2056.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đã đi vào hoạt động

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu.

Điều 4. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án

1. Tuân thủ thực hiện các quy định và biện pháp liên quan đến xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và môi sinh, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ luật Việt Nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài;

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án;

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy CNĐT số 20212000142 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 26/6/2012, chứng nhận thay đổi lần ba ngày 26/6/2014.

Điều 6. Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Đào Xuân Cường

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH NEWHOPE Hà Nội chi nhánh Bắc Giang

Giấy chứng nhận đầu tư số 20212000142 do ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 26/6/2012. Đăng ký thay đổi lần 02 ngày 22/01/2013.

Địa chỉ thường trú: Lô P (P3), Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

BQ 814365

UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2154 /GXN-TNMT	*Bắc Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2014*

GIẤY XÁC NHẬN

Việc đã thực hiện công trình, biện pháp: xử lý khí thải, thu gom nước mưa chảy tràn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phục vụ giai đoạn vận hành dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản"

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 130/2012/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về Quy định một số trình tự, thủ tục về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản" và báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại thực hiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang,

XÁC NHẬN:

Điều 1. Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang đã thực hiện công trình, biện pháp: xử lý khí thải, thu gom nước mưa chảy tràn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phục vụ giai đoạn vận hành dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản", cụ thể như sau:

1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn:

Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn tách biệt với hệ thống thu gom nước thải, được bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng. Dọc hệ thống thu gom bố trí các hố

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản"

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
ĐẾN Số:
Ngày: 15/01/16
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11/TTr-TNMT ngày 08/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản" (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Công ty TNHH Newhope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí cơ sở: Lô P(P3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Quy mô, công suất: Sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản với công suất hiện tại là 72.000 tấn/năm, công suất thiết kế là 240.000 tấn/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án;

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường;

2.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành;

2.4. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở xử lý chất thải không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành, gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường thì chủ cơ sở phải tạm ngừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục và bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản" tại lô P(P3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên của Công ty TNHH Newhope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang.

Trong quá trình thực hiện nếu nội dung hoạt động của cơ sở, nội dung của đề án có thay đổi, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; tổ chức, cá nhân có liên quan và Công ty TNHH Newhope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + PVPNN, TH, TN, TKCT;
  + Lưu: VT, MT Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

BẢN SAO

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 01 tháng 02 năm 2013.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 03.2013/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH NewHope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản tại lô P3, KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích đất xây dựng là 35.000 m^2. Theo đề nghị của Công ty TNHH NewHope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang tại Đơn xin cấp Giấy phép xây dựng ngày 05/01/2013.

- Tổng số công trình được cấp phép: 09 công trình theo thiết kế cơ sở do Công ty cổ phần tư vấn và cung ứng dịch vụ xây dựng EPC lập tháng 12 năm 2012, đã được Ban Quản lý các KCN tham gia ý kiến tại văn bản số 41/KCN-QHMT, ngày 29 tháng 01 năm 2013.

2.1 Công trình số 1: Nhà sản xuất chính (vị trí số 01 trên tổng mặt bằng).

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01÷KT-14; KT-17÷KT-18; KC-01÷KC-16; KC-01÷KC-02 (Phần Si lô và tháp nhà máy).

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 13.430,00 m^2.

. Tổng diện tích sàn: 14.458,00 m^2.

. Chiều cao công trình: 35,30 m.

. Số tầng: 01tầng, riêng tháp nhà máy 04 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,50 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.

. Định vị công trình:

+ Trục 14 song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 15,00 m.

+ Trục A song song và cách đoạn 3-4 của tường rào là 12,00 m.

2.2 Công trình số 2: Văn phòng (vị trí số 02 trên tổng mặt bằng).

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01÷KT-06; KC-01÷KC-14; Đ-01÷Đ-02; N-01÷N-07; INT-01÷INT-02.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 473,00 m^2.

. Tổng diện tích sàn: 968,00 m^2.

. Chiều cao công trình: 9,85 m.

. Số tầng: 02 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,65 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.

. Định vị công trình:

+ Trục 10 song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 29,30 m.

+ Trục A song song và cách đoạn 3-4 của tường rào là 23,80 m.

2.3 Công trình số 3: Nhà ăn (vị trí số 03 trên tổng mặt bằng).

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01÷KT-05; KC-01÷KC-06; Đ-01; N-01÷N-06;

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 264,00 m^2.

. Tổng diện tích sàn: 223,00 m^2.

. Chiều cao công trình: 5,40 m.

. Số tầng: 01tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,20 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.

. Định vị công trình:

+ Trục 1 song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 71,00 m.

+ Trục D song song và cách đoạn 1-2 của tường rào là 8,80 m.

2.4 Công trình số 4: Nhà bảo vệ (vị trí số 06 trên tổng mặt bằng).

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01; KC-01÷KC-02; Đ-01.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 59,00 m^2.

. Tổng diện tích sàn: 59,00 m^2.

. Chiều cao công trình: 5,24 m.

. Số tầng: 01tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,68 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.

. Định vị công trình:

+ Trục C song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 1,50 m.

+ Trục 1 song song và cách đoạn 1-2 của tường rào là 5,80 m.

2.5 Công trình số 5: Kho than-Lò hơi (vị trí số 08, 09 trên tổng mặt bằng).

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01÷KT-04; KC-01÷KC-03; Đ-01.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 223,00 m^2.

. Tổng diện tích sàn: 223,00 m^2.

. Chiều cao công trình: 6,55 m.

. Số tầng: 01tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,35 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.

. Định vị công trình:

+ Trục 1 song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 123,00 m.

+ Trục A song song và cách đoạn 3-4 của tường rào là 131,70 m.

2.6 Công trình số 6: Bể nước ngầm (vị trí số 10 trên tổng mặt bằng).

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KC-01.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 73,30 m^2.
. Tổng diện tích sàn: 73,30 m^2.
. Chiều cao công trình: 0,30 m.
. Số tầng: 01tầng.
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt mặt đất tự nhiên tương đương với cốt + 4,20 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.
. Định vị công trình:
+ Trục 1 song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 144,20 m.
+ Trục A song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 106,00 m.
2.7 Công trình số 7: Nhà vệ sinh (vị trí số 11 trên tổng mặt bằng).
+ Theo thiết kế có ký hiệu: DV-01; KC-01÷KC-02; Đ-01.
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: 73,50 m^2.
. Tổng diện tích sàn: 73,50 m^2.
. Chiều cao công trình: 5,10 m.
. Số tầng: 01tầng.
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,50 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.
. Định vị công trình:
+ Trục 1 song song và cách đoạn 3-4 của tường rào là 106,00 m.
+ Trục A song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 131,60 m.
2.8 Công trình số 8: Tháp nước (vị trí số 12 trên tổng mặt bằng).
+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01; KC-01.
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: 9,60 m^2.
. Chiều cao công trình: 21,00 m.
. Số tầng: 01tầng.
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,20 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.
. Định vị công trình:
+ Trục 1 song song và cách đoạn 3-4 của tường rào là 106,00 m.
+ Trục A song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 131,60 m.
2.9 Công trình số 9: Nhà xe 01 (vị trí số 04 trên tổng mặt bằng).
+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT-01; KC-01÷KC-02; Đ-01.
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: 180,00 m^2.
. Tổng diện tích sàn: 180,00 m^2.
. Chiều cao công trình: 4,30 m.
. Số tầng: 01tầng.
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 4,50 m trong bản đồ quy hoạch KCN Quang Châu.
. Định vị công trình:
+ Trục 4 song song và cách đoạn 3-2 của tường rào là 95,20 m.
+ Trục B song song và cách đoạn 1-2 của tường rào là 8,82 m.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 46/HĐ-QC/2012 ngày 22/10/2012 và biên bản bàn giao đất ngày 30/11/2012 giữa Công ty cổ phần KCN Sài Gòn-Bắc Giang với Công ty TNHH NewHope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang.

5. Hiệu Lực khởi công: Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH NewHope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang;
- Công ty cổ phần KCN Sài Gòn-Bắc Giang;
- Lưu: VT, QHMT.

Bản điện tử:
- LĐ Ban;
- LĐ phòng QHMT;
- "Một cửa".

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Phạm Huy Đắp

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
21-03-2013
SỐ CHỨNG THỰC 551 QUYỂN SỐ 07 SCT/BS

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Dương Tố Uyên

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

BẢN SAO

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐIỂM ĐẤU NỐI

关于连接点的意向书

- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 46/HĐ – QC/2012ngày 22/10/2012giữa Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Bắc Giang và Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang.

根据北江-西贡工业区股份公司和河内新希望有限公司-北江分公司於2012/10/22 日签订的 46/ HĐ – QC/2012 号租地合约。

Hôm nay, ngày 15 tháng 8.năm 2013, tại Văn Phòng Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang.

今日，2013 年8 月 15 日，在北江-西贡工业区股份公司：

Chúng tôi gồm có: 我们包括：

1. Đại diện: Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn- Bắc Giang.
   代表 ：北江-西贡工业区股份公司
   Ông (Bà): Mai Tuấn Dung Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
   先生/女士： 职务 ：
   Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....
   先生/女士： 职务 ：
2. Đại diện: Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang
   代表 ：河内新希望有限公司-北江分公司
   Ông ：Lưu Thành Qúy Chức vụ: P.Tổng Giám đốc
   先生 ：刘成贵 职务 ：副总经理

Hai bên thống nhất với nội dung như sau:

双方同意以下之内容：

1. Điểm đấu cổng của Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang như sau:
   河内新希望有限公司-北江分公司的门口连接点如下：
   + Số lượng: 01 cổng; rộng: 12m。
   数量：01 个；宽度：12 米。

2. Điểm đấu nối cấp, thoát nước của Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang như như sau:
   河内新希望有限公司-北江分公司的供排水连接点如下：
   - Điểm đấu nước sạch 自来水连接点：
     + Số lượng: 01 điểm
     数量 ：01 点
   - Điểm đấu thoát nước thải công nghiệp 工业排水的连接点：
     + Số lượng: 01 điểm
     数量 ：01 点

+ Vị trí: Được đấu vào hố ga số G48 của hệ thống thoát nước thải KCN Quang Châu (Có sơ đồ kèm theo).
位置：與光州工业区排水系统的 G48 人孔连接（附有图纸）。

- Điểm đấu thoát nước mưa 排雨水的连接点：
  + Số lượng: 02 điểm.
  数量 ： 02
  + Vị trí: Được đấu vào hố ga số HTP7 và HTP10của hệ thống thoát nước mưa KCN Quang Châu （ Có sơ đồ kèm theo）.
  位置：與光州工业区排雨水系统的 HTP7 及 HTP10 人孔连接（附有图纸）。

3. Cống thoát nước của nhà máy trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp phải có hố ga sát hàng rào và nằm trong đất của Công ty. Kích thước từ đáy cống tới đáy hố ga ≥300 mm và có lưới chắn rác. Khi tiến hành đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp, Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang phải thông báo kế hoạch thực hiện cho Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang bằng văn bản để giám sát và kiểm tra đấu nối.
   工厂的排水沟排到工业区的排水系统之前必须拥有靠围墙并位于公司土地的人孔。从水第底板到人孔底板的尺寸≥300 mm 并拥有垃圾網。推行與工业区排水的系统连接时，河内新希望有限公司-北江分公司必须以书面形式通知北江-西贡工业区股份公司其实施计划以便于基督及检查工作。
4. Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang như phải đấu nối các hệ thống hạ tầng theo đúng biên bản thỏa thuận. Nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh các điểm đấu nối thoát nước, cấp điện của Nhà máy trong quá trình vận hành sản xuất thì phía Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang phải thông báo Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang và phải Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang chấp thuận bằng văn bản.
   河内新希望有限公司-北江分公司必须按照本意向书推行连接各基础设施系统。若工厂在生产过程中有变更或增加供排水、电力的连接点，河内新希望有限公司-北江分公司必须通知北江-四宫工业区股份公司并须获北江-西贡工业区股份公司的书面批准。
5. Các điểm đấu nối hạ tầng, đấu nối cổng, cấp, thoát nước, cấp điện của Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang vào hệ thống đường nội bộ, cấp thoát nước, cấp điện chung của Khu công nghiệp có sự thay đổi, phát sinh thì chi phí đó phía Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang phải chịu hoàn toàn.
   在河内新希望有限公司-北江分公司的基础设施、门口、供排水、供电与工业区的内部道路、供排水、供电等系统的连接点若有变更， 增加其全部费用应由河内新希望有限公司-北江分公司自负。
6. Tại vị trí xin phép mở cổng của Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang nếu trùng vào vị trí thoát nước mưa, thoát nước thải chung của Khu công nghiệp, Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang sẽ có trách nhiệm thi công, gia có hố ga, tấm đan chịu lực có cao độ bằng với mặt cổng, để đảm bảo giao thông, mỹ quan và quản lý hạ tầng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN BẮC GIANG

在河内新希望有限公司-北江分公司的门口申请位置，若位于工业区的排雨水及排污水的位置，河内新希望有限公司-北江分公司施工、加固人孔及盖板使高度与门面一样，保证交通方便， 美观及基础设施管理。

7. Trong quá trình xây dựng nhà máy, Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang sẽ tuân thủ mọi qui định về các thủ tục xâydựng nhà máy trong Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
工厂建筑过程中，河内新希望有限公司-北江分公司将遵守北江省，越安悬，光州工业区有關工厂建设手续的规定。
8. Biên bản này làm cơ sở để lập hồ sơ thiết kế cơ sở (các bản vẽ kết nối hạ tầng Khu công nghiệp), trình lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở tại Ban quản lý các Khu công nghiệp Bắc Giang.
本意向书作为制定基础设计图的依据（工业区基础设施连接的图案），递交北江工业区管委会以便申请关于基础设计的意见及审批。
9. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên.
双方承诺遵守以上各条款。
10. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.
本意向书一式四份， 双方各持拥有同样法律价值的两份。

Đại diện Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang 北江-西贡工业区股份公司	Đại diện Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang 河内新希望有限公司-北江分公司
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Mai Tuấn Dũng	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Liu Cheng Gui

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC 389 QUYỂN SỐ 1 SCT/BS
Ngày 21 tháng 11 năm 2017

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ QUANG CHÂU
Vũ Hữu Thịnh

BẢNG GIÁ TRỊ C CỦA CÁC THÔNG SỐ Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP (QCVN 40:2011/BTNMT)

(Phụ lục II)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:03/2015/HDXLNT-QC

Bắc Giang, ngày 25 tháng 04 năm 2015

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. CĂN CỨ:

+ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của nước CHXHCN Việt Nam;

+ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam;

+ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về thoát nước và xử lý nước thải;

+ Thông tư 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên & Môi trường về việc ban hành Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường - QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp;

+ Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 46/HĐ-QC/2012 ngày 22/10/2012 giữa Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang và Công ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang;

+ Hợp Đồng Cung Cấp và Sử Dụng Nước Sạch số 03/HDNS-QC/2013 giữa Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang và Công Ty TNHH New Hope Hà Nội – Chi nhánh Bắc Giang;

+ Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

+ Chức năng và nhu cầu của các bên.

II. CÁC CHỦ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

1. BÊN TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN- BẮC GIANG (Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện	: **Ông Mai Tuấn Dũng** – *Chức vụ*: **Tổng Giám Đốc**
Trụ sở	: KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
Điện thoại	: (84.240) 3868888 *Fax*: (84.240) 3868449
Số tài khoản	: 10201 0000 292443 (VND) – 10202 0000 032884 (USD) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VIETINBANK), chi nhánh Bắc Ninh.

4.2 **Chất lượng nước thải do Bên A xử lý**

Bên A thực hiện xử lý nước thải của bên B đảm bảo đạt tiêu chuẩn cột A, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (*QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp)* trước khi xả thải theo quy định (Phụ lục II).

Điều 5: Giá dịch vụ xử lý nước thải

5.1 **Đơn giá xử lý nước thải**

Đơn giá xử lý nước thải (chưa bao gồm VAT): 9.000 đồng/01m^3 *(Chín nghìn đồng trên một mét khối).*

5.2 **Điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải**

Đơn giá trên là đơn giá tạm thu và sẽ được điều chỉnh khi có ý kiến thỏa thuận của cơ quan chức năng.

5.3 **Chi phí xử lý nước thải hàng tháng**

Chi phí xử lý nước thải mỗi tháng mà Bên B phải trả cho Bên A theo Hợp Đồng được tính như sau:

Chi phí xử lý nước thải mỗi tháng *(chưa bao gồm thuế VAT)* = Khối lượng nước thải x Đơn giá xử lý nước thải x Hệ số K

5.4 **Hệ số K**

Hệ số K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm (COD) và xác định theo khoản 8.2, điều 8 của Hợp đồng.

Điều 6. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Hàng tháng Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B số tiền phải thanh toán và Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A số tiền đó đầy đủ và đúng hạn.

6.1 **Phương thức thanh toán**

Bằng tiền mặt hoặc Chuyển khoản vào tài khoản của Bên A số 10201 0000 292443 (VND) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VIETINBANK), Chi nhánh Bắc Ninh.

6.2 **Thời hạn thanh toán**

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

6.3 **Đồng tiền thanh toán**

Bằng Việt Nam đồng.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên B

- Đề nghị cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật khi Bên B cố ý vi phạm hợp đồng.

8.2 Nghĩa vụ

- Hàng tháng Bên A sẽ thuê đơn vị đến lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải bao gồm chỉ tiêu COD để làm căn cứ tính hệ số K (hệ số mức độ ô nhiễm) cho tháng đó và thông báo đúng kết quả phân tích COD cho Bên B. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian lấy mẫu. Trường hợp Bên B có nhiều điểm xả thì Bên A có quyền lấy mẫu tại bất kỳ điểm nào, kết quả phân tích chất lượng nước thải sẽ căn cứ vào điểm lấy mẫu này.
- Phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại Khu công nghiệp Quang Châu, tỉnh Bắc Giang đã được các cơ quan cấp phép đạt yêu cầu hoạt động, xử lý nước thải.
- Giải quyết những vướng mắc, khiếu nại của Bên B liên quan đến hệ thống xử lý nước thải chung của KCN.
- Thường xuyên kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải của Bên B để ngăn chặn các hành vi vi phạm trong quá trình sử dụng dịch vụ.
- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành hệ thống xử lý nước thải
- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường
- Đảm bảo duy trì ổn định dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

Điều 9. Xử lý vi phạm

9.1 Xử lý vi phạm đối với Bên B

a. Trong trường hợp Bên B vi phạm một hoặc đồng thời các trường hợp dưới đây:

- Bên B tự ý tháo bỏ hoặc căn chỉnh đồng hồ (đối với trường hợp sử dụng đồng hồ đo lượng nước thải) và đồng hồ nước sạch (đối với trường hợp lượng nước thải tính bằng 80% lượng nước sạch đầu vào)
- Bên B xả nước thải vượt mức tiêu chuẩn cho phép thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp; xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa mà không được sự chấp thuận của bên A và Bên A đã thông báo và đề nghị Bên B khắc phục nhưng Bên B không khắc phục trong thời gian quy định.
- Tự ý sử dụng các nguồn nước ngầm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Để các chất thải rắn trộn lẫn vào nước thải dẫn đến nghẽn hệ thống xử lý.
- Tự ý đưa nước thải ra bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí do Bên A tiếp nhận theo thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.
- Các vi phạm khác gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước thải

  Bên A sẽ tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục kịp thời. Nếu quá 03 ngày làm việc mà Bên B không khắc phục, Bên A được quyền ngừng dịch vụ thoát nước và tạm ngừng cung cấp nước sạch bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước cho Bên B; đồng thời, Bên B phải bồi thường cho Bên A nếu gây thiệt hại cho Bên A,

Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B vẫn phải trả đủ cho Bên A các khoản chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại KCN.

11.3 Thanh lý Hợp đồng

Khi chấm dứt hợp đồng, bên A sẽ thông báo cho bên B đến làm việc để thực hiện thanh lý hợp đồng. Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo, nếu bên B không đến làm việc, bên A sẽ đơn phương thanh lý hợp đồng, không chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải và đóng điểm xả thải của bên B.

Điều 12. Điều khoản thi hành

12.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp Đồng, các văn bản, quy định của pháp luật hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường của khu công nghiệp nói chung và KCN Quang Châu nói riêng.

12.2 Khi có sự thay đổi các nội dung trong Hợp đồng, hai bên cùng thông báo bằng văn bản để bàn bạc thống nhất để soạn thảo Phụ lục Hợp đồng hoặc lập Biên bản thanh lý Hợp đồng, lập Hợp đồng mới. Phụ lục Hợp đồng là phần không tách rời với Hợp đồng.

12.3 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng, hòa giải. Nếu không thể giải quyết được, hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và các bên phải thi hành.

12.4 Tất cả các trường hợp khác không được quy định trong hợp đồng này sẽ được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp lý liên quan đến Khu công nghiệp nói chung và KCN Quang Châu nói riêng.

12.5 Hợp đồng được làm thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN A	BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN SÀI GÒN - BẮC GIANG	CÔNG TY TNHH NEW HOPE HÀ NỘI CN BẮC GIANG
	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Lin Ke Da

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN BẮC GIANG

CÔNG TY TNHH NEW HOPE HÀ NỘI CHI NHÁNH BẮC GIANG

SAO CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2289 Quyển số ...
Ngày 27 tháng 12 năm ...

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ QUANG CHÂU
Vũ Hữu Thịnh

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福
-------o0o--------

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

废弃物收集，运输和废料购买合同

Số hợp đồng 合约编号: 20230113 .....HĐXL

Ngày ký hợp đồng 签约日期: 20/04/2022

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;

  根据越南社会主义共和国第 13 届 2015/11/24 通过之 91/2015/QH13 民事法;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 01/01/2022;

  根据越南社会主义共和国第 14 届 2022/01/01 通过之 72/2020/QH14 号环保法;

- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên Môi trường về quản lý chất thải nguy hại ký ngày 10 tháng 01 năm 2022.
  根据签署于 2022 年 01 月 10 日资源环境法编号 02/2022/TT-BTNMT 的管理危害废弃物的通知.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số: 249/GPMT-BTNMT của Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành do Tổng cục Môi trường cấp ngày 10/10/2022
- 根据由环境总局签发日期 249/GPMT-BTNMT 顺城环保股份公司之有害废弃物管理行业许可证编号 10/10/2022
- Căn cứ và khả năng và nhu cầu của hai bên.

根据双方的能力与需求。.

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2023, tại Văn phòng Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành chúng tôi gồm:

今天 **2023** 年 **04** 月 **20** 日于顺城环保股份公司办公室，当事人:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NEW HOPE HÀ NỘI – CHI NHÁNH BẮC GIANG
甲方代表：新希望河内有限责任公司-北江分公司
- Ông/甲方代表: **HU SONG SHENG** Chức vụ/職務: P. Tổng Giám đốc/副总监
- Mã số thuế/税號: 0101044677-002
- Địa chỉ: Lô P(P3), KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
地址:北江省，越安县，光州社，光州工业区，批 P(P3)
- Điện thoại /電話: 0204.3818.428 Fax/傳真: 0204.3818.428

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
乙方代表：顺城环保股份公司
- Người Đại diện /代表人: Ông **ĐOÀN VĂN HỮU**
- Chức vụ 职务: Phó tổng Giám đốc 副总经理
- Mã số thuế 税号: 2300426314
- Địa chỉ 地址 : Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh,Việt Nam.

越南，北宁省，顺城县，家东乡，玉坎村。

- Điện thoại : 电话：02223774998 Fax/传真:

- Tài khoản/帐户: 0351000699616

Tại ngân hàng/开户行： Vietcombank – Chi nhánh Bắc Ninh

Hai bên cùng nhau thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

雙方同意簽訂合同以下的內容：

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau

第一條：甲方雇乙方辦以下的工作：

Thu gom,vận chuyển chất thải nguy hại từ kho chứa chất thải nguy hại của bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại của bên B, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam.

根據越南環保法的規定，從甲方倉庫或指定地點，收拾危害廢物與生活垃圾，運輸到乙方處理與儲存的地點。

Điều 2 : Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển.

第二條：交接廢棄物的時間與地點，運輸工具。

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại các vị trí chứa chất thải của Bên A
   廢棄物交接地點：在甲方存放廢物的各個位置。
   Địa chỉ 地址：Lô P(P3), KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang/ 北江省，越安县，光州社，光州工业区，批 P(P3)
2. Thời gian giao nhận: Sau khi Bên A thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày.
   交接時間：自甲方通知後兩天之內
3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển phế thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.
   運輸工具：乙方負責提供運輸的工具，根據越南現行的法律規定，提供合格的、符合衛生規定的專用工具來運輸廢棄物。乙方用專用車收集、運輸廢物時必須按照甲方的規定。
4. Địa điểm lưu trữ và xử lý chất thải : Tại nhà máy xử lý chất thải của Bên B là Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành – Địa chỉ: Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
   危害废物储存与处理地点:乙方危害废物处理工厂顺城环境股份公司,地点:北宁市顺城县家东乡玉坎村。

Điều 3: Hình thức thanh toán

+ Thời gian thu gom chất thải: Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho bên A 02 lần/năm. Khối lượng thu gom 1 năm không vượt quá 1.000kg. Trường hợp vượt quá 1.000kg/2 lần thu gom, Bên B sẽ tính phí cho Bên A là 10.000đ/kg vượt quá.
收集危害废弃物时间： 乙方进行 1 年 2 次收集危害废弃物给甲方。一年收集数量不超过 1000Kg. 如果收集数量超过 1000Kg, 乙方会按照 10.000VND/kg 来计算超越数量。

+ Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng và 10 % thuế

VAT tổng là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng chẵn) ngay sau khi hợp đồng này được ký kết. Bên B đảm bảo cung cấp đầy đủ các hóa đơn, chứng từ có liên quan cho Bên A sau mỗi lần vận chuyển và xử lý.

付款方式：甲方在合同签署之后马上进行付款给乙方 100%合同价值和 10%的增值税，总金额是 11.000.000VND。每次运输处理之后乙方确保提供足够发票，相关资料给甲方。

<u>Điều 4:</u> Trách nhiệm của mỗi bên.

第四條：雙方的責任

➢ ***Trách nhiệm của bên A/ 甲方的責任***

Đảm bảo thành phần chất thải nguy hại đúng như đã thông báo cho Bên B. Cần phân loại chất thải theo phương pháp xử lý. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phuơng án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

保證工業廢棄物、危害廢棄物的成份符合提供給乙方的通知單，且須根據處理方式來分類。若對於廢棄物的成份有變化要通知乙方，讓乙方及時找到解決方法與及時調整價格。

Chất thải nguy hại phải được kiểm soát từ nguồn thải theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên và Môi trường quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

生活垃圾與危害廢棄物排放源控制需要依照環境與資源部的編號為 02/2022/TT-BTNMT 的通告，關於環境與危害廢棄物管理的法律規定為依據。

Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những chất thải không bàn giao cho bên B xử lý.

甲方對於一切未移交給乙方的廢棄物負完全責任

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo điều khoản 3 trong hợp đồng.

按照合同的第三條給乙方結算。

➢ **Trách nhiệm của Bên B/ *乙方的責任***

-Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, văn kiện của chính phủ chứng minh đạt tiêu chuẩn về vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

乙方必須提供政府核准清運危險廢棄物運輸車輛的車號及合格證書

Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo các quy định của Việt Nam về Bảo vệ môi trường hiện hành, và bên B chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.

保證運輸，儲存與處理廢棄物按照越南環保法的規定，乙方负责解决问题。

Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương pháp xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

乙方可以按照環保的規定，研究使用其他處理或回收廢棄物的方法。

Thông tin đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

通知甲方處理過程中發生的問題。

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo điều khoản 3 trong hợp đồng.

按照合同的第三條給乙方結算。

<u>Điều 5:</u> Điều khoản chung.

第五條：雙方的條款

Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, Nếu có vấn đề gì phải quyết định các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo lợi ích của hai bên.

雙方主動通知實現合同的進度，若有問題需要檢討，需及時通知，主動討論，商量與解決問題以保證雙方的利益。

Hợp đồng này được lập, điều chỉnh, thực hiện và giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Các tranh chấp hoặc mâu thuẫn nảy sinh hay liên quan đến Hợp Đồng này phải được thương lượng giải quyết trên tinh thần hữu nghị. Trong trường hợp thương lượng giải quyết không thành thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) – Số,9 Đào Duy Anh, Hà Nội theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này.

本合同之訂立、規範、履行及解決依越南法律辦理。发生跟本合同有关的所有争执或矛盾要基於友谊关系協商解決。如不可协商解決者，糾分案將提送在河内市 Đào Duy Anh 街 9 号越南国际仲裁中心依該中心之仲裁诉讼规则解決。

<u>Điều 6</u>: Hiệu lực hợp đồng.

第六條：合同效力

Hợp đồng kinh tế này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 04 năm 2023 đến hết ngày 19 tháng 04 năm 2024

本合同從 2023 年 04 月 20 日起效到 2024 年 04 月 19 日。

Hợp đồng được lập thành 04 bản song ngữ bằng Tiếng Trung và Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản. Nếu các bên xảy ra tranh chấp về giải thích nội dung giữa bản tiếng Trung và tiếng Việt thì lấy bản tiếng Việt làm chuẩn.

本合同以中-越双语言制成一式 04 份，具同样法律效力,双方各持 02 份。合同自本合同首页所列之双方签署日期起生效。若各方对中-越两种语言文本内容解释发生争议时，以越文文本为准。

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方代表	ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方代表
CÔNG TY TNHH NEWHOPE HANOI -CHI NHÁNH BẮC GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC HU SONG SHENG	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
越南社會主義共和國
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
獨立-自由-幸福
---------***---------

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01
合同附錄 01

Căn cứ hợp đồng số: 20230115 /HĐXL ngày 20 tháng 04 năm 2023
根據合同編號：*2023 年 04 月 20 日*
Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên. 根據雙方的要求和能力。
Ngày 20 tháng 04 năm 2023。 2023 年 04 月 20 日
Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo danh mục và đơn giá xử lý như bảng sau. 雙方共同簽署一份附錄合同，廢棄物清單與單價如下：

1. **Danh mục chất thải và đơn giá xử lý/ (chưa bao gồm thuế VAT)**
   废弃物名单和处理单价（不包含增值税）

TT	Loại chất thải 废弃物种类	Đơn vị 单位		Đơn giá 单价 (VND)	Ghi chú 备注
1	Bóng đèn huỳnh quang thải 荧光灯管	Kg 公斤	16 01 06	Đơn giá trọn gói 10.000.000/ 1 năm (vận chuyển 2 lần) 承包单价壹千一百万一年（运输两次）	
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm TPNH 沾有有害成分的抹布，布手套	Kg 公斤	18 02 01		
3	Mực in thải 废弃油墨	Kg 公斤	08 02 01		
4	Hộp mực in thải 废弃油墨盒	Kg 公斤	08 02 04		
5	Dầu thải 废油	Kg 公斤	17 02 04		
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH 沾有害成分的金属硬盒	Kg 公斤	18 01 02		
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH 沾有害成分的塑胶硬盒	Kg 公斤	18 01 03		

- Ghi chú 备注:

- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển và công nhân bốc xếp.
-乙方负责提供运输的工具和装卸工人.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Trung và tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản

本附錄合同自簽署日期起生效，製成四份包括中文與越南文有同樣的法律效力。雙方各留兩份。

ĐẠI DIỆN BÊN A **甲方代表**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **乙方代表**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC HU SONG SHENG	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐOÀN VĂN HỮU

CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**	Mẫu số PC01 Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014
Số: 96 /TDPCCC		

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 68 ngày 19/6/2014 của Công ty TNHH Newhope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang.

Người đại diện là ông Lin Ke Da Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN

Công trình: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản

Địa điểm xây dựng: *Lô P3, KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*

Chủ đầu tư: *Công ty TNHH Newhope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang.*

Đơn vị lập dự án/thiết kế: *Công ty TNHH một thành viên PCCC và an ninh điện tử Hà Bắc.*

Đã được thẩm duyệt bổ sung về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động: Số lượng, chủng loại, vị trí lắp đặt của trung tâm, đầu báo cháy, nút ấn, chuông, đèn báo cháy.

theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

Chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cho cơ quan Cảnh sát PCCC đến kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa hệ thống vào hoạt động.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2014

TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Thượng tá Giáp Văn Thông

Nơi nhận:
- *Công ty TNHH Newhope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang.*
- *Lưu PCCC.*

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Thuyết minh thiết kế kỹ thuật		
02	Mặt bằng báo cháy nhà xưởng số 1; 2	PCCC: 07,08	
03	Mặt bằng báo cháy nhà văn phòng	PCCC: 09,10	
04	Mặt bằng báo cháy nhà ăn ca	PCCC: 11	

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福
-------o0o--------

HỢP ĐỒNG THU GOM
VẬN CHUYỂN,XỬ LÝ CHẤT THẢI
废弃物收集，运输合同

Số hợp đồng 合约编号: 20230116

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;

  根据越南社会主义共和国第 13 届 2015/11/24 通过之 91/2015/QH13 民事法;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 01/01/2022;

  根据越南社会主义共和国第 14 届 2022/01/01 通过之 72/2020/QH14 号环保法;

- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên Môi trường về quản lý chất thải nguy hại ký ngày 10 tháng 01 năm 2022.

  根据签署于 2022 年 01 月 10 日资源环境法编号 02/2022/TT-BTNMT 的管理危害废弃物的通知.

- Căn cứ Giấy phép môi trường số: 249/GPMT-BTNMT của Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành do Tổng cục Môi trường cấp ngày 10/10/2022
- 根据由环境总局签发日期 249/GPMT-BTNMT 顺城环保股份公司之有害废弃物管理行业许可证编号 10/10/2022
- Căn cứ và khả năng và nhu cầu của hai bên.

根据双方的能力与需求。.

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2023, tại Văn phòng Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành chúng tôi gồm:

今天 ***2023*** **年** ***04*** **月** ***20*** **日于**公司办公室，**当事人:**

BÊN A: CÔNG TY TNHH NEW HOPE HÀ NỘI – CHI NHÁNH BẮC GIANG
甲方代表：新希望河内有限责任公司-北江分公司
- Ông/甲方代表: **HU SONG SHENG**
- Chức vụ/職務: P. Tổng Giám đốc/副总监
- Mã số thuế/税號: 0101044677-002
- Địa chỉ: Lô P(P3), KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
地址:北江省，越安县，光州社，光州工业区，批 P(P3)
- Điện thoại /電話: 0204.3818.428 Fax/傳真: 0204.3818.428

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
乙方代表：顺城环保股份公司
- Người Đại diện /代表人: Ông **ĐOÀN VĂN HỮU**
- Chức vụ 职务: Phó tổng Giám đốc 副总经理
- Mã số thuế 税号: 2300426314

- Địa chỉ 地址 : Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh,Việt Nam. 越南，北宁省，顺城县，家东乡，玉坎村。

- Điện thoại : 电话: 02223774998 Fax/传真:

- Tài khoản/帐户: 0351000699616

Tại ngân hàng/开户行: Vietcombank – Chi nhánh Bắc Ninh

Hai bên cùng nhau thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:
雙方同意簽訂合同以下的內容:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau
第一條: 甲方雇乙方辦以下的工作:

Thu gom,vận chuyển chất thải sinh hoạt từ kho chứa chất thải sinh hoạt của bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt của bên B, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam.
根據越南環保法的規定，從甲方倉庫或指定地點，收拾生活垃圾，運輸到乙方處理與儲存的地點。

Điều 2 : Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển.
第二條：交接廢棄物的時間與地點，運輸工具。

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại các vị trí chứa chất thải của Bên A
   廢棄物交接地點：在甲方存放廢物的各個位置。
   Địa chỉ: Lô P(P3), KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
   地址:北江省，越安县，光州社，光州工业区，批 **P(P3)**
2. Thời gian giao nhận: Sau khi Bên A thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày.
   交接時間：自甲方通知後兩天之內
3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển phế thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ theo quy định của Bên A.
   運輸工具：乙方負責提供運輸的工具，根據越南現行的法律規定，提供合格的、符合衛生規定的專用工具來運輸廢棄物。乙方用專用車收集、運輸廢物時必須按照甲方的規定。
4. Địa điểm lưu trữ và xử lý chất thải sinh hoạt: Tại nhà máy xử lý chất thải của Bên B là Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành – Địa chỉ: Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
   生活垃圾儲存与处理地点:乙方生活垃圾处理工厂顺城环境股份公司,地点:北宁市顺城县家东乡玉坎村。

Điều 3: Hình thức thanh toán
第三條：結算方式:

3.1. Về chất thải xử lý **关于废弃物处理:**

Đơn giá: Đơn giá các hạng mục xử lý như trong phụ lục 01.
單價：按照附錄一的處理項目的單價

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản/ tiền mặt. Sau mỗi lần vận chuyển bên A sẽ lập biên bản giao nhận và bảng kê chi tiết hàng hóa (có sự xác nhận của hai bên), làm cơ sở thanh toán cho

bên B.
結算方式：匯款/现金。
交接廢棄物之後，甲方制明細表與交接記錄（通過雙方的確認），當做付款給乙方的基礎。
Vào ngày 05 hàng quý Bên B gửi hoá đơn và bảng kê có dấu đỏ (tương ứng nội dung trên hóa đơn) cho Bên A . Toàn bộ số tiền thanh toán cho bên B được bên A chuyển trả đầy đủ vào tài khoản của bên B bằng chuyển khoản trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hóa đơn và chứng từ hợp lệ
每月 05 日乙方会提供發票和盖章的结算清单（对应此份发票内容）給甲方。甲方收到乙方合法的憑據與發票後在 07 天內付款給乙方。

<u>Điều 4:</u> Trách nhiệm của mỗi bên.
第四條：雙方的責任

➢ ***Trách nhiệm của bên A/ 甲方的責任***

Đảm bảo thành phần chất thải sinh hoạt đúng như đã thông báo cho Bên B. Cần phân loại chất thải theo phương pháp xử lý. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phuơng án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
保證生活垃圾的成份符合提供給乙方的通知單，且須根據處理方式來分類。若對於廢棄物的成份有變化要通知乙方，讓乙方及時找到解決方法與及時調整價格。
Chất thải sinh hoạt phải được kiểm soát từ nguồn thải theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên và Môi trường quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.
生活垃圾排放源控制需要依照環境與資源部的編號為 02/2022/TT-BTNMT 的通告，關於環境與危害廢棄物管理的法律規定為依據。
Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những chất thải không bàn giao cho bên B xử lý.
甲方對於一切未移交給乙方的廢棄物負完全責任
Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo điều khoản 3 trong hợp đồng.
按照合同的第三條給乙方結算。

➢ **Trách nhiệm của Bên B/ *乙方的責任***

-Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, văn kiện của chính phủ chứng minh đạt tiêu chuẩn về vận chuyển và xử lý chất thải .
乙方必須提供政府核准清運廢棄物運輸車輛的車號及合格證書
Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo các quy định của Việt Nam về Bảo vệ môi trường hiện hành, và bên B chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.
保證運輸，儲存與處理廢棄物按照越南環保法的規定，乙方负责解决问題。
Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương pháp xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.
乙方可以按照環保的規定，研究使用其他處理或回收廢棄物的方法。
Thông tin đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
通知甲方處理過程中發生的問題。

<u>Điều 5:</u> Điều khoản chung.

第五條：雙方的條款

Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, Nếu có vấn đề gì phải quyết định các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo lợi ích của hai bên.

雙方主動通知實現合同的進度，若有問題需要檢討，需及時通知，主動討論，商量與解決問題以保證雙方的利益。

Hợp đồng này được lập, điều chỉnh, thực hiện và giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Các tranh chấp hoặc mâu thuẫn nảy sinh hay liên quan đến Hợp Đồng này phải được thương lượng giải quyết trên tinh thần hữu nghị. Trong trường hợp thương lượng giải quyết không thành thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) – Số,9 Đào Duy Anh, Hà Nội theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này.

本合同之訂立、規範、履行及解決依越南法律辦理。发生跟本合同有关的所有争执或矛盾要基於友谊关系協商解決。如不可协商解決者，糾分案將提送在河内市 Đào Duy Anh 街 9 号越南国际仲裁中心依該中心之仲裁诉讼规则解決。

<u>Điều 6</u>: Hiệu lực hợp đồng.

第六條：合同效力

Hợp đồng kinh tế này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 04 năm 2023 cho đến khi có thông báo chấm dứt Hợp đồng.

本经济合同从签署日期于 2023 年 04 月 20 日有效到通知停止合同为止。

Hợp đồng được lập thành được lập thành 04 bản bằng Tiếng Trung và Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có hiệu lực chính thức kể từ ngày ký kết nêu ra ở phần đầu Hợp đồng.

本合同以中-越两种语言制成一式 04 份，具有同样的法律价值，双方各执 02 份，合同自本合同首页所列之双方签署日期起生效。

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
甲方代表	乙方代表
CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
HU SONG SHENG	ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
越南社會主義共和國
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
獨立-自由-幸福
--------***--------

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01
合同附錄 01

Căn cứ hợp đồng số:.....20230116...../HĐXL ngày 20 tháng 04 năm 2023
根據合同編號：*2023 年 04 月 20 日*
Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.
根據雙方的要求和能力。

Ngày 20 tháng 04 năm 2023
2023 年 04 月 20 日

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo danh mục và đơn giá xử lý như bảng sau.
雙方共同簽署一份附錄合同，廢棄物清單與單價如下：

1. **Danh mục chất thải và đơn giá xử lý/ (chưa bao gồm thuế VAT) 废弃物名单和处理单价（不包含增值税）**

TT	Loại chất thải 废弃物种类	Đơn vị 单位	Đơn giá 单价 (VND)	Ghi chú 备注
1	Rác sinh hoạt/生活垃圾	Kg	1.500	

- Ghi chú 备注:
- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển và công nhân bốc xếp.
-乙方负责提供运输的工具和装卸工人.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Trung và tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản

本附錄合同自簽署日期起生效，製成四份包括中文與越南文有同樣的法律效力。雙方各留兩份。

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方代表	ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方代表
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC HU SONG SHENG	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐOÀN VĂN HỮU

thay đổi gạch block lối vào bằng bê tông
vỉa hè thay bằng trồng cỏ, thêm nhà vệ sinh

TỌA ĐỘ LÔ ĐẤT P(P3)
+ ĐIỂM 1 : X = 459909.3188 , Y = 2347544.3196
+ ĐIỂM 2 : X = 459956.8379 , Y = 2347641.7928
+ ĐIỂM 3 : X = 460156.8372 , Y = 2347544.2913
+ ĐIỂM 4 : X = 460068.3564 , Y = 2347362.7957
+ ĐIỂM 1 : X = 459909.3188 , Y = 2347544.3196

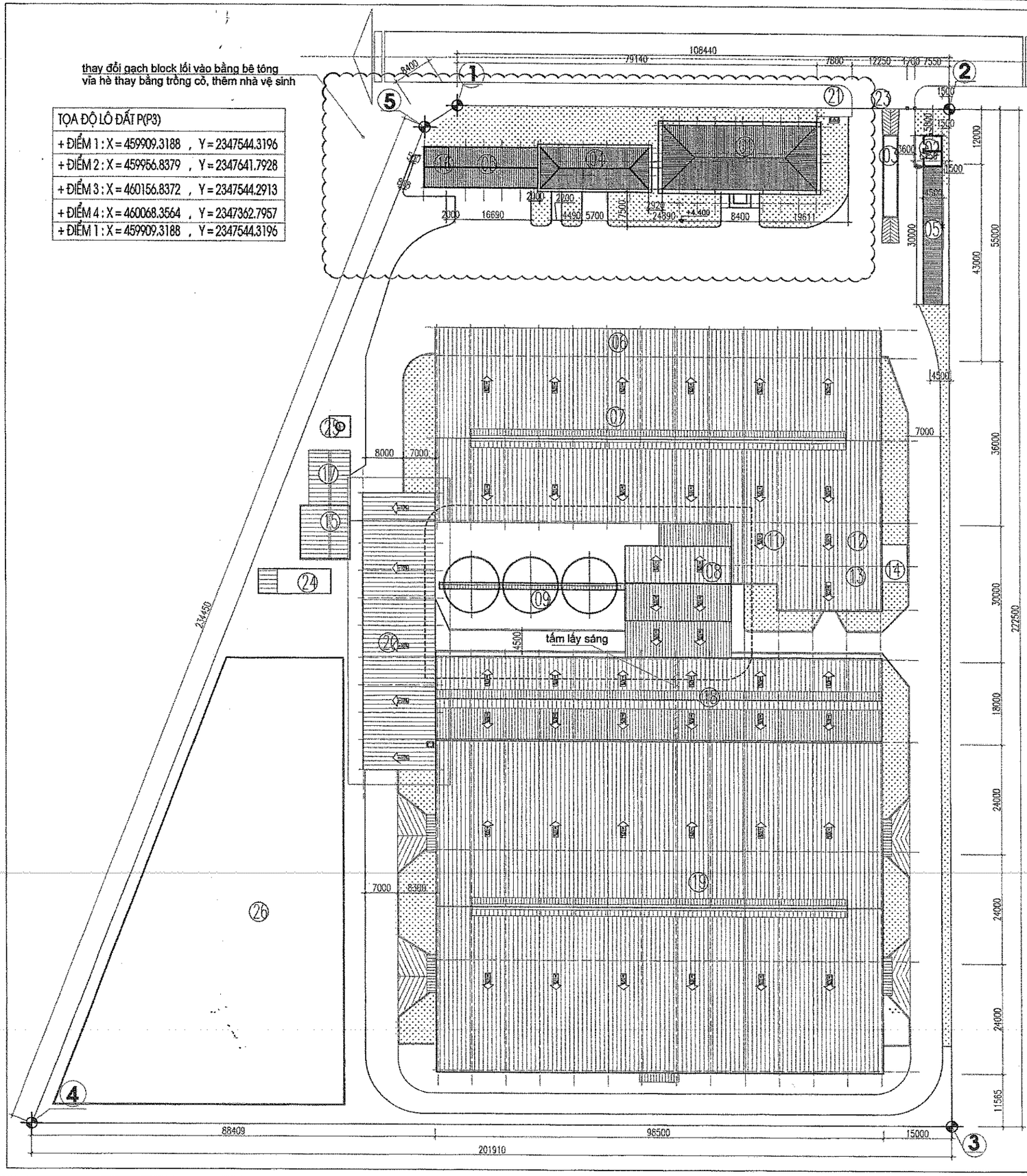

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GHI CHÚ:
- COST SAN NỀN NỘI BỘ NHÀ MÁY HIỆN TẠI CAO BẰNG COST ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP (CÓ ĐÁNH HƯỚNG DỐC THOÁT NƯỚC)
- COST ĐƯỜNG NỘI BỘ CAO HƠN COST ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP BỘ LÀ 400 MM (ĐÁNH HƯỚNG DỐC THOÁT NƯỚC)
- COST CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG LÀ COST TƯƠNG ĐỐI ,CAO HƠN COST ĐƯỜNG NỘI BỘ LÀ 300 MM
- COST CÔNG TRÌNH NHÀ VĂN PHÒNG LÀ COST TƯƠNG ĐỐI ,CAO HƠN COST VỈA HÈ NỘI BỘ 450,CAO HƠN COST ĐƯỜNG NỘI BỘ LÀ 450 MM
- COST CÔNG TRÌNH NHÀ ĂN PHÒNG LÀ COST TƯƠNG ĐỐI ,CAO HƠN COST VỈA HÈ NỘI BỘ 300,CAO HƠN ĐƯỜNG NỘI BỘ LÀ 500 MM
- COST CÔNG TRÌNH KHÁC TƯƠNG ĐỐI,XEM BẢN VẼ CHI TIẾT TỪNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG XÂY NHÀ XƯỞNG LÀ TƯỜNG 220 MM
VỊ TRÍ TƯỜNG XÂY CÁCH CỘT THÉP LÀ 50 MM
TẤT CẢ CÁC MÀU SẮC CỦA TÔN ĐỀU LÀ MÀU TÔN:407

No	Mark	Revision Note	Date

PHÁT HÀNH		ISSUED FOR
Tham Khảo	☐	References
Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☒	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU
HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám Đốc - Deputed Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision constitants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: (ĐỘI) TÒA NHÀ CIT TẦNG 01 - P.108
KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI
TEL: 04-22251117 - FAX: 04-22253708 - WEBSITE: WWW.XAYNHACUNGBAN.VN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Tổng Giám Đốc - Manager

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI
CHO GIA SÚC,GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU
HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC : DESCRIPTION

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ : DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỈ LỆ : SCALE		SỐ BV : DRAWING No	
NGÀY THÁNG : DATE	11/2013	KT	SBV TT-01

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC. COPYRIGHT RESERVED

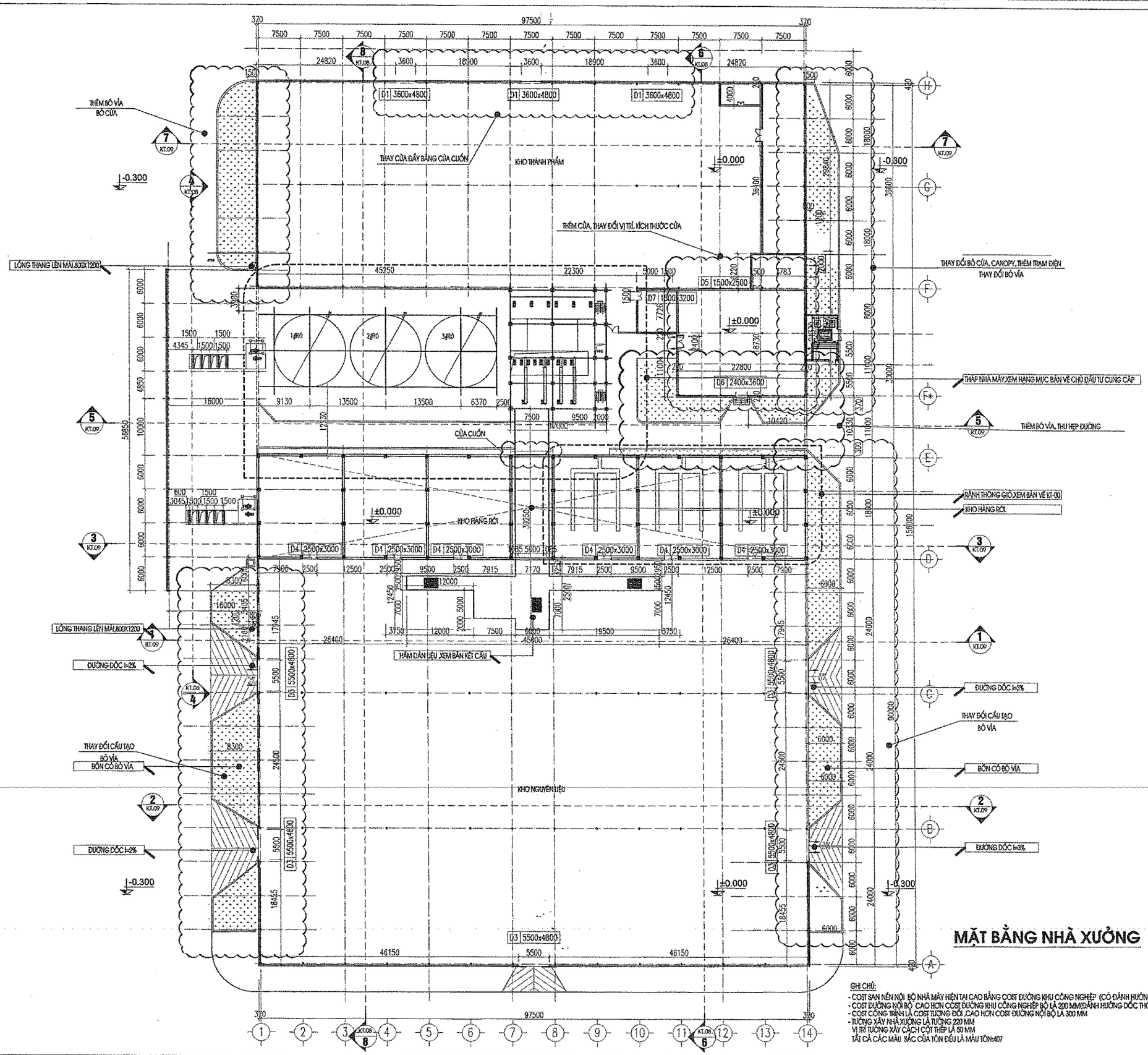

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG

GHI CHÚ:
- COST SAN NỀN NỘI BỘ NHÀ MÁY HIỆN TẠI CAO BẰNG COST ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP (CÓ ĐÁNH HƯỚNG DỐC THOÁT NƯỚC)
- COST ĐƯỜNG NỘI BỘ CAO HƠN COST ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP BỘ LÀ 200 MM(ĐÁNH HƯỚNG DỐC THOÁT NƯỚC)
- COST CÔNG TRÌNH LÀ COST TƯƠNG ĐỐI ,CAO HƠN COST ĐƯỜNG NỘI BỘ LÀ 300 MM
- TƯỜNG XÂY NHÀ XƯỞNG LÀ TƯỜNG 220 MM
VỊ TRÍ TƯỜNG XÂY CÁCH CỘT THÉP LÀ 50 MM
TẤT CẢ CÁC MÀU SẮC CỦA TÔN ĐỀU LÀ MÀU TÔN:407

No.	Mark	Revision Note	Date

PHÁT HÀNH		ISSUED FOR
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	■	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám đốc - Deputied Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision consultants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: (HCDC): TÒA NHÀ CT2 TẦNG 01- P.108 KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI
TEL: 04-22253117 - FAX: 04-22253998 - WEBSITE: WWW.XANHVACONGGIAN.VN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHO GIA SÚC,GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC : DESCRIPTION

NHÀ XƯỞNG CHÍNH

TÊN BẢN VẼ : DRAWING TITLE

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG

TỈ LỆ : SCALE		SỐ BV : DRAWING No	
NGÀY THÁNG : DATE	11/2013		SBV KT-03

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC. COPYRIGHT RESERVED

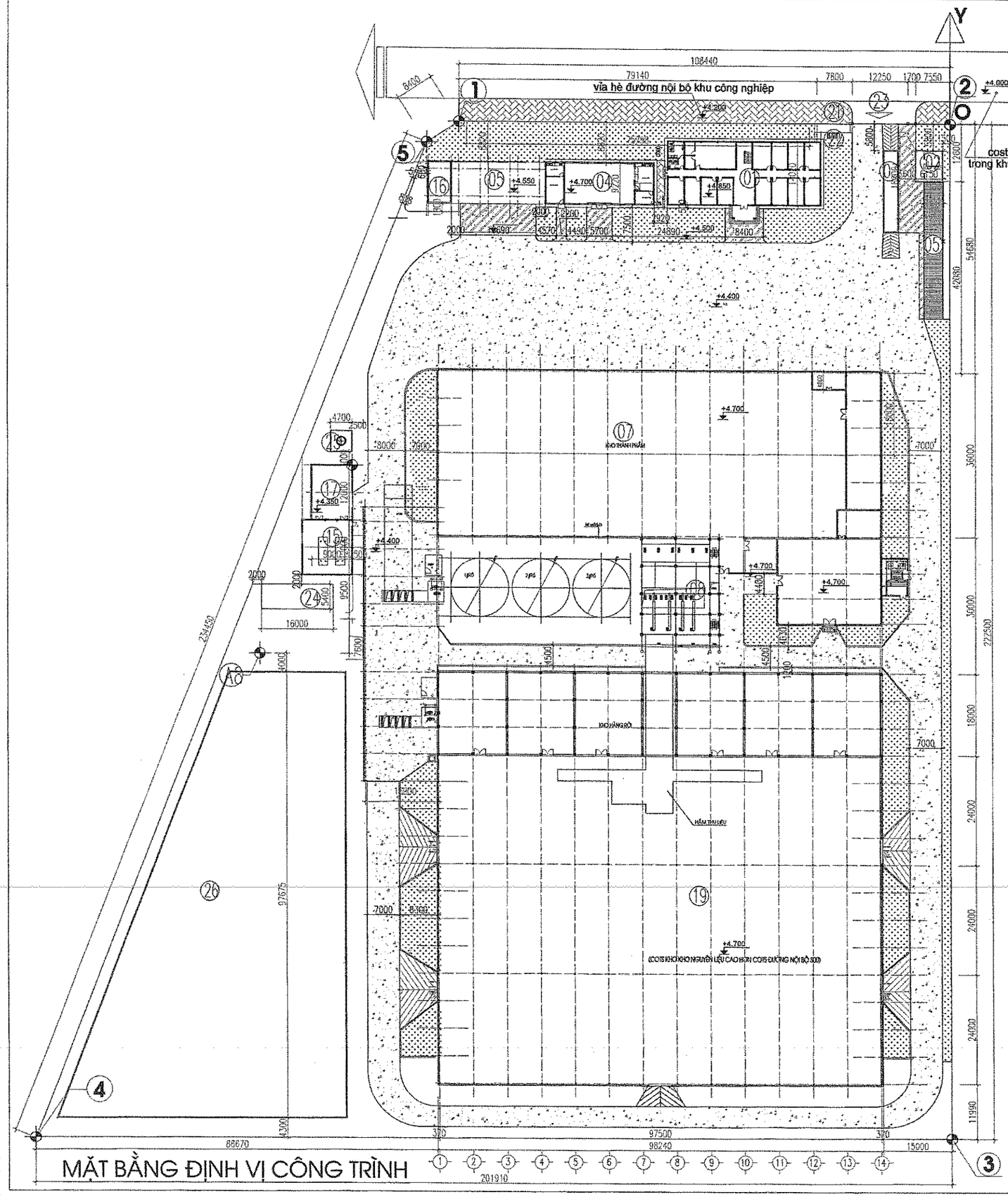

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

GHI CHÚ:

ĐƯỜNG BÊ TÔNG CỐT THÉP

ĐƯỜNG BÊ TÔNG KHÔNG THÉP

HƯỚNG DỐC CỦA ĐƯỜNG 0.7%

+0.35 COS ĐƯỜNG THIẾT KẾ

THUYẾT MINH:

- COS HIỆN TRẠNG SAN NỀN CỦA NHÀ MÁY CAO HƠN COS ĐƯỜNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP +0.20M

MẶT BẰNG GIAO THÔNG NỘI BỘ

No.	Mark	Revision Note	Date

PHÁT HÀNH	ISSUED FOR	
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☒	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám Đốc - Deputied Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision consultants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

EPC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG

ĐỊA CHỈ (ADD): NHÀ CT2 TẦNG 01-P.103 KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

TEL: 04.22253117 - FAX: 04.22253118 - WEBSITE: WWW.XAYMACUNGUNG.VN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CJSC CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Tổng Giám đốc - General Director

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHO GIA SÚC, GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC: DESCRIPTION

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG

TỈ LỆ: SCALE		SỐ BV: DRAWING No	
NGÀY THÁNG: DATE	11/2013	GT	SBV GT-01

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC. COPYRIGHT RESERVED

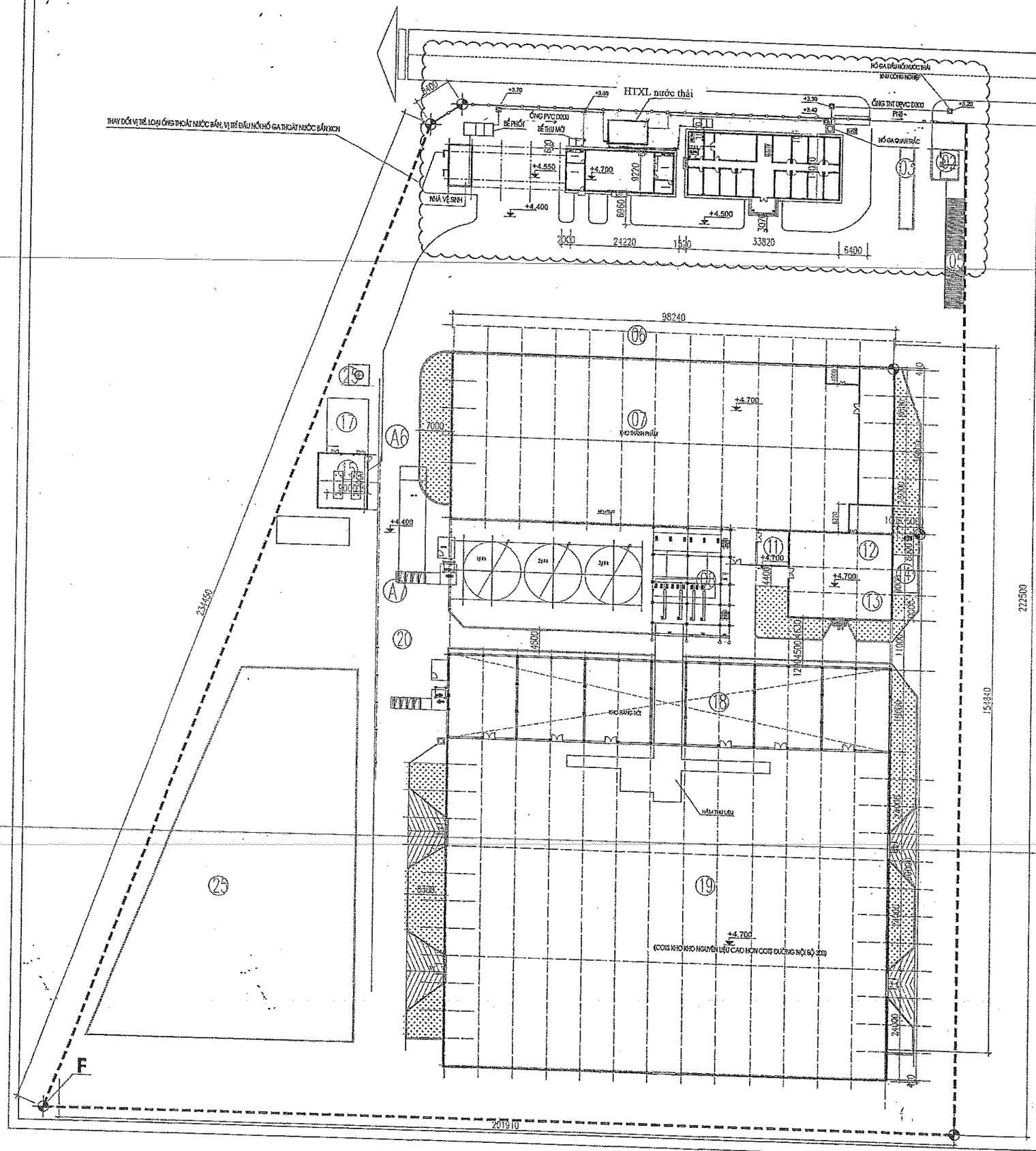

KÍ HIỆU :

CỐNG TNT D300 : CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI D300

HỐ GA ĐẤU NỐI CỐNG

CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

HƯỚNG THOÁT NƯỚC THẢI CÓ ĐỘ DỐC 2%

GHI CHÚ :

- COST MẶT GA = COST ĐƯỜNG
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CÁCH CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA 100 MM

G19 0.40 — CAO ĐỘ MẶT HỐ GA HOÀN THIỆN
-0.10 — CAO ĐỘ MÉP TRÊN CỐNG
KI HIỆU HỐ GA

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

No.	Mark/Revision Note	Date

PHÁT HÀNH		ISSUED FOR
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☒	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám Đốc - Deputied Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision consultants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

EPC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG

ĐỊA CHỈ: (ADD): TÒA NHÀ, C12 TẦNG 01- P.103 KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

TEL: 04.22253117 - FAX: 04.22253995 - WEBSITE: WWW.DONHACUNGCBANVN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CJSC CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHO GIA SÚC, GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC : DESCRIPTION

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ : DRAWING TITLE

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

TỈ LỆ : SCALE		SỐ BV : DRAWING No	
NGÀY THÁNG : DATE	11/2013	N	SBV N-10

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC. COPYRIGHT RESERVED

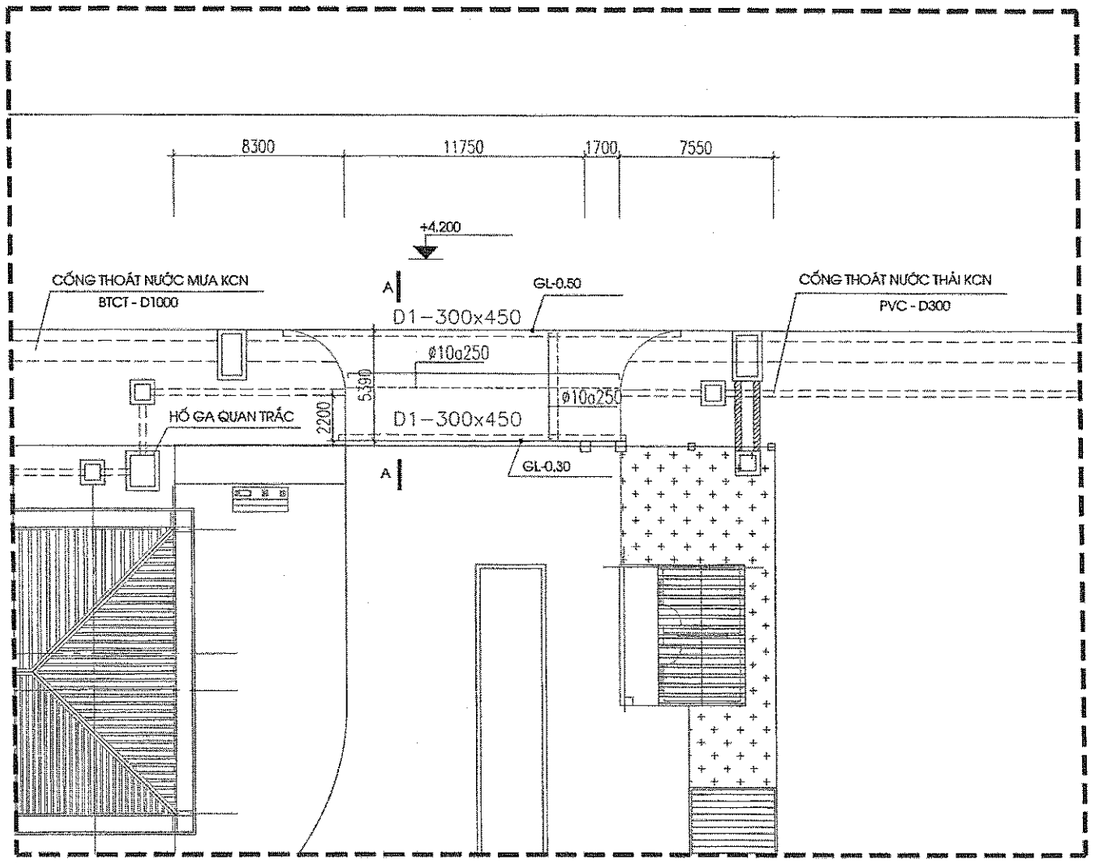

MẶT BẰNG CỐNG

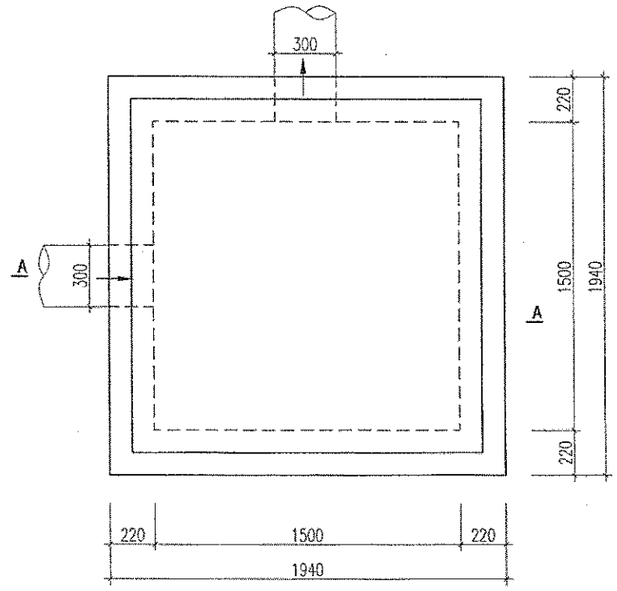

CHI TIẾT HỐ GA QUAN TRẮC

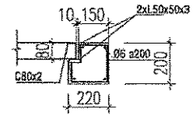

CHI TIẾT 1

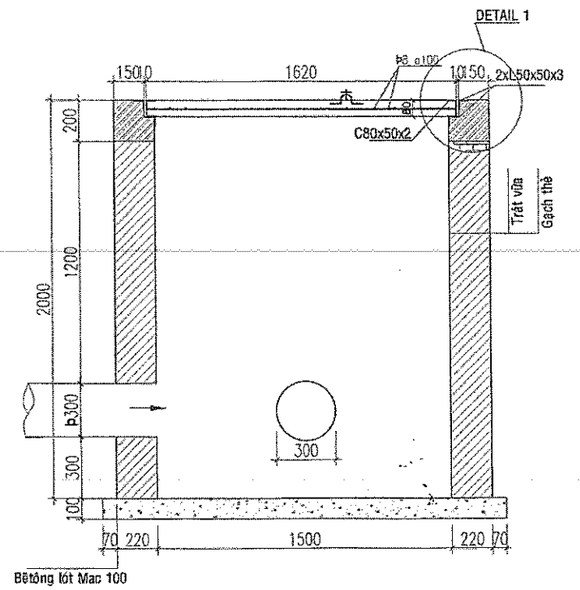

MẶT CẮT A-A

No.	Mark	Revision Note	Date

	PHÁT HÀNH		ISSUED FOR
	Tham Khảo	☐	Reference
	Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
	Trình Duyệt	☐	Your Approval
	Thi Công	☐	Construction
	Hiệu Chỉnh	☐	Revised
	Hoàn Công	■	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU
HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám Đốc - Deputed Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision consultants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

EPC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ (ADD): TÒA NHÀ CT2 TẦNG 01-P.106
KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI
TEL: 04-22253117 - FAX: 04-22253093 - WEBSITE: WWW.XAYNHAUCUNGBAN.VN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CJSC CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Tổng Giám Đốc - General Director

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHO GIA SÚC,GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU
HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC : DESCRIPTION

THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ : DRAWING TITLE

CHI TẾT ĐẤU NỐI

TỈ LỆ : SCALE		SỐ BV : DRAWING No	
NGÀY THÁNG : DATE	11/2013	N	SBV N-02

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC
COPYRIGHT RESERVED

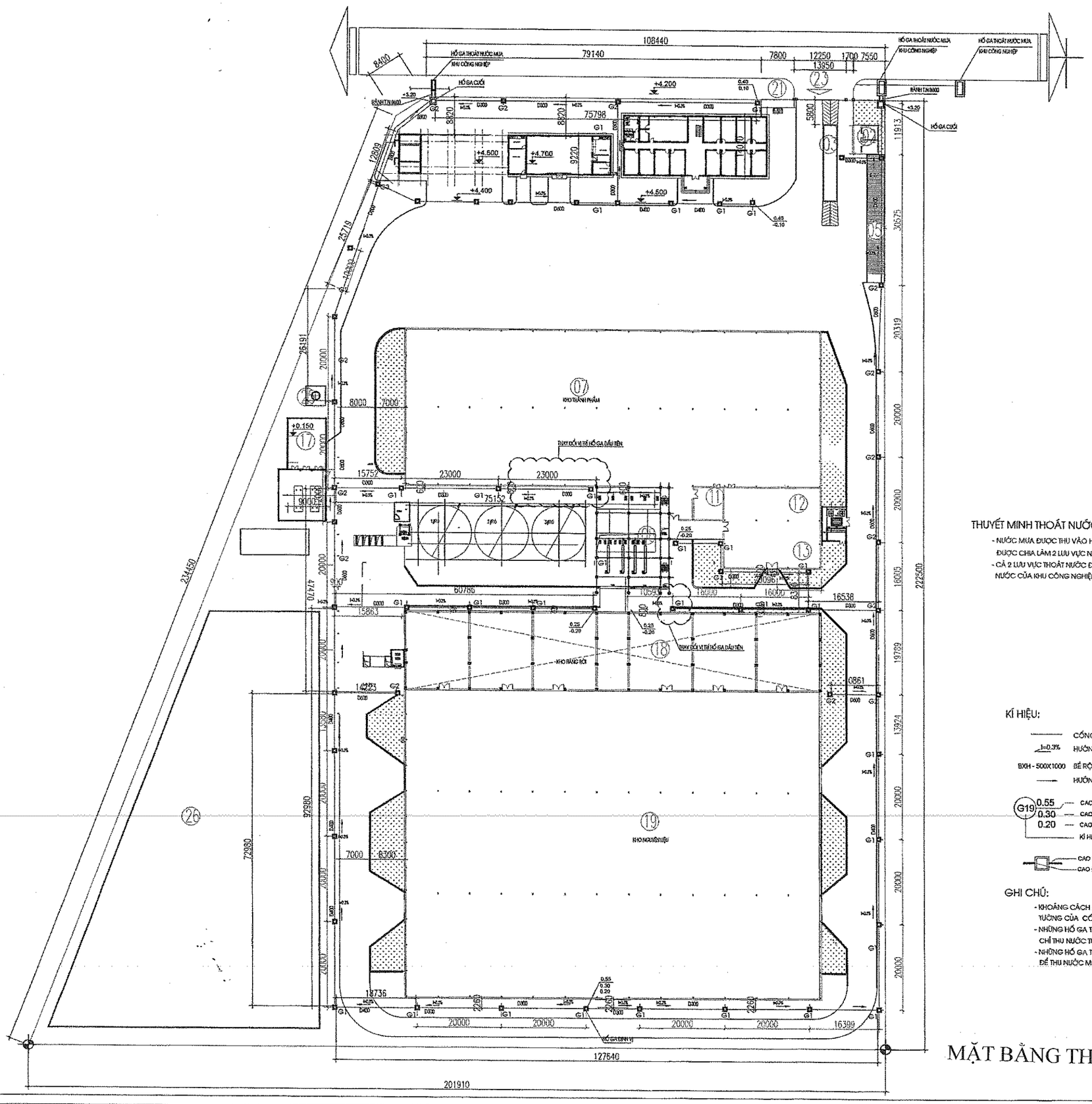

THUYẾT MINH THOÁT NƯỚC MƯA :

- NƯỚC MƯA ĐƯỢC THU VÀO HỆ THỐNG RÃNH, CỐNG XUNG QUANH NHÀ XƯỞNG ĐƯỢC CHIA LÀM 2 LƯU VỰC NHƯ HÌNH VẼ.
- CẢ 2 LƯU VỰC THOÁT NƯỚC ĐƯỢC THU VỀ HỐ GA CUỐI (ĐẤU NỐI VỚI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

KÍ HIỆU:

- CỐNG THOÁT NƯỚC BTCT-L2,5M/CỐNG-CẤP LOẠI C
- I=0.3% — HƯỚNG VÀ ĐỘ DỐC THOÁT NƯỚC ĐÁY CỐNG, RÃNH
- BXH - 500X1000 — BỀ RỘNG VÀ CHIỀU SÂU CỦA RÃNH THOÁT NƯỚC
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC ĐƯỢC ĐÁNH DỐC 0.3%
- G19 — KÍ HIỆU HỐ GA
- 0.55 — CAO ĐỘ MẶT HỐ GA HOÀN THIỆN
- 0.30 — CAO ĐỘ MÉP TRÊN CỐNG BÊN PHÍA CAO
- 0.20 — CAO ĐỘ MÉP TRÊN CỐNG BÊN PHÍA THẤP
- CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG, RÃNH BÊN PHÍA CAO HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG, RÃNH BÊN PHÍA THẤP HƯỚNG NƯỚC CHẢY

GHI CHÚ:

- KHOẢNG CÁCH ĐƯỢC TÍNH TỪ MÉP TƯỜNG CÔNG TRÌNH ĐẾN MÉP TƯỜNG CỦA CỐNG THOÁT NƯỚC
- NHỮNG HỐ GA THU NƯỚC NẰM TRÊN ĐƯỜNG SẼ ĐƯỢC ĐẬY KÍN CHỈ THU NƯỚC TỪ ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA MÁI XUỐNG
- NHỮNG HỐ GA THU NƯỚC NẰM SÁT MÉP ĐƯỜNG SẼ ĐƯỢC DÙNG ĐỂ THU NƯỚC MƯA TRÊN ĐƯỜNG

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

No.	Mark	Revision Note	Date

PHÁT HÀNH		ISSUED FOR
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☒	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám Đốc - Deputed Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision consultants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ (ADD): TÒA NHÀ CT2 TẦNG C1- P. 108 KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI
TEL: 04-22253117 - FAX: 04-22253969 - WEBSITE: WWW.XXYNHACUNGRANH.VN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Tổng Giám Đốc - General Director

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHO GIA SỨC, GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC: DESCRIPTION

THOÁT NƯỚC MẶT

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE

MB THOÁT NƯỚC MƯA

TỈ LỆ: SCALE		SỐ BV: DRAWING No	
NGÀY THÁNG: DATE	11/2013		SBV N-03

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC. COPYRIGHT RESERVED

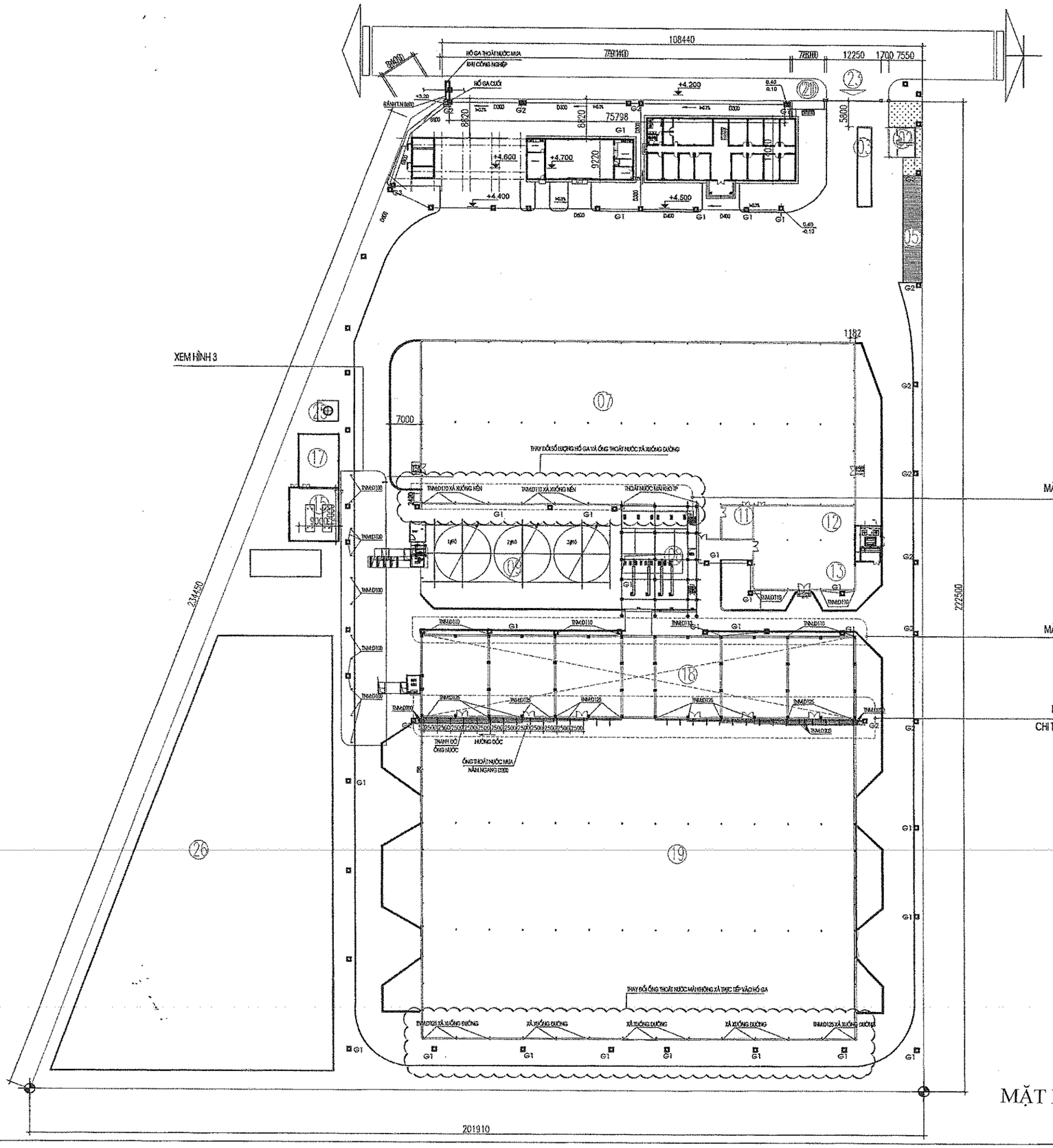

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

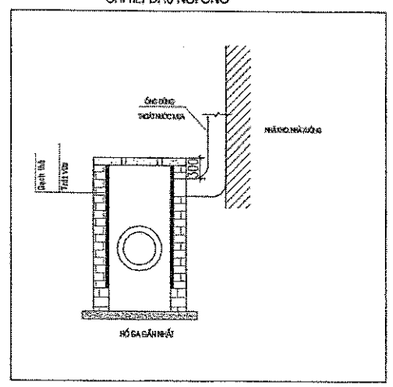

No.	Mark	Revision Note	Date

PHÁT HÀNH		ISSUED FOR
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	☐	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☒	As-Built

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU
HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

Phó Tổng Giám Đốc - Deputed Director

LIU CHENG GUI

Giám sát - Supervision consultants

LI BIN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ (ADD): TÒA NHÀ C12 TẦNG D1-P.105
KHU ĐÔ THỊ VĂN KHÊ - QUẬN HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI
TEL: 04-22253117 - FAX: 04-22253998 - WEBSITE: WWW.XAYDUNGCUNGCANDV.VN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

MR. NGUYỄN HỮU TÌNH

Thi công - Construction

MR. NGUYỄN VĂN THIỀU

Dự Án - Project

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHO GIA SÚC,GIA CẦM, VẬT NUÔI THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ P(P3) - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG CHÂU
HUYỆN VIỆT YÊN - TỈNH BẮC GIANG

HẠNG MỤC : DESCRIPTION

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ : DRAWING TITLE

MB BỐ TRÍ ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỈ LỆ : SCALE		SỐ BV : DRAWING No	
NGÀY THÁNG : DATE	11/2013	N	SBV N-08

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Written Permission is required from EPC. COPYRIGHT RESERVED

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

Công suất 10 m^3/ngày.đêm

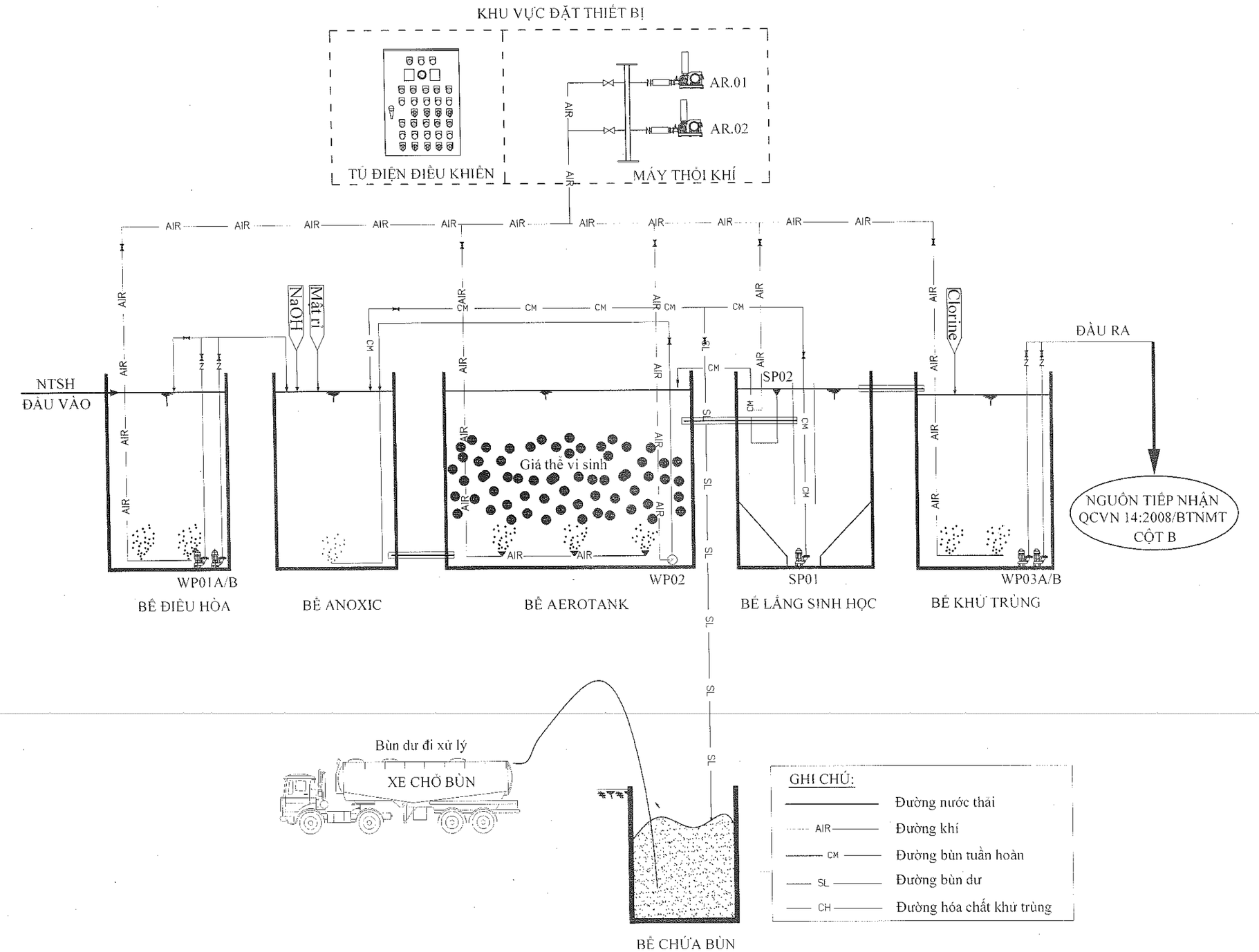

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ SỞ HỮU (Owner) TNHH NEWHOPE HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (Deputy managing director)

HU SONG SHENG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (Issued for)

HIỆU CHỈNH (Revision)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC (General director)

LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by)

KS. ĐỖ THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT: 10M³/NGÀY ĐÊM.

HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HTXL NƯỚC THẢI SINH HOẠT

HOÀN THÀNH (Completion) –

KÝ HIỆU (Drawing No.) DCCN

TỶ LỆ (Scale) A1 A3

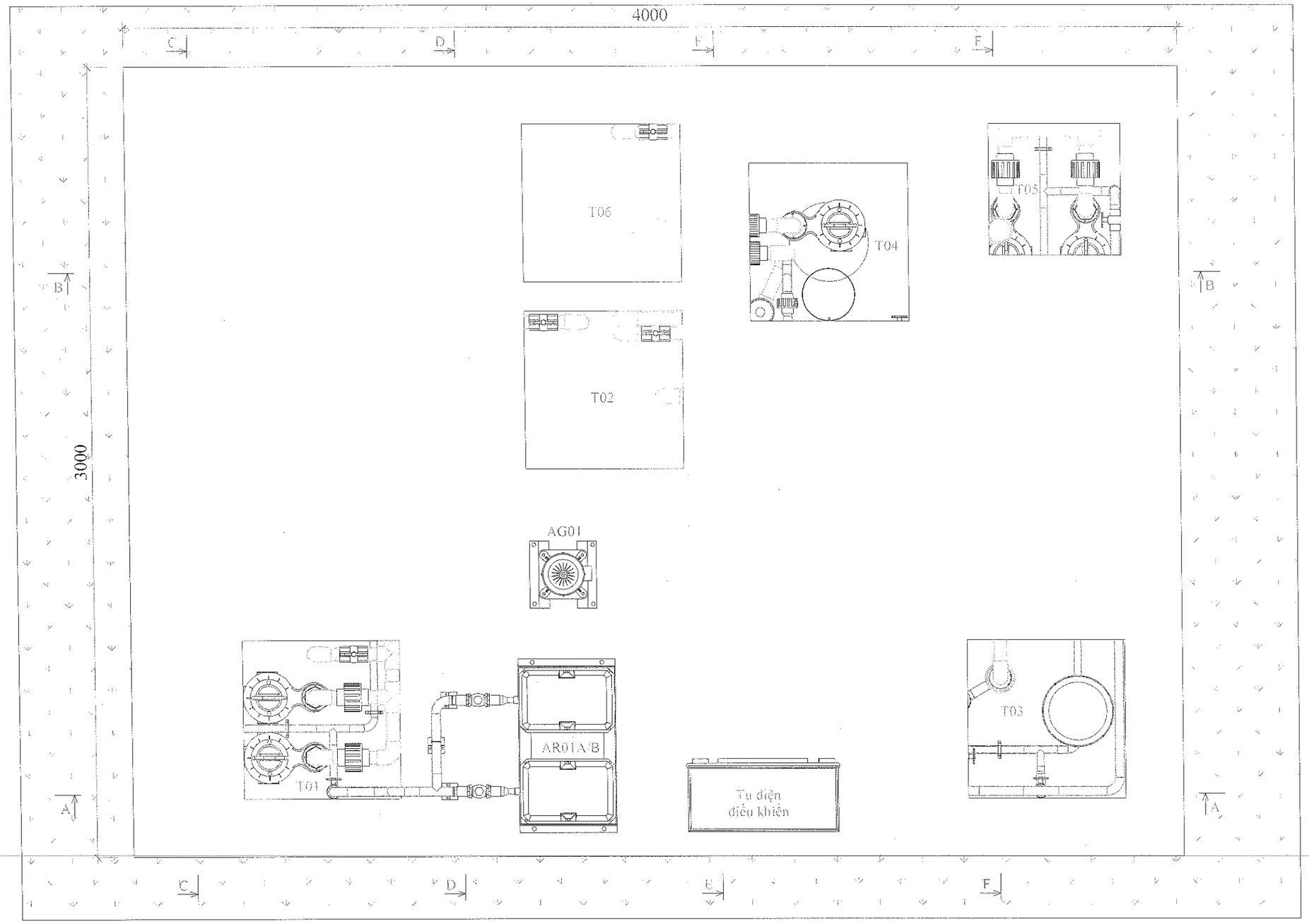

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ TRÊN MẶT BỂ

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01	BỂ ĐIỀU HÒA	T04	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ANOXIC	T05	BỂ KHỬ TRÙNG
T03	BỂ AEROTANK	T06	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI CHI NHÁNH BẮC GIANG Địa chỉ: Lô I1(B5), KCN Quang Châu, X. Quang Châu, H. Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN Địa chỉ: 45, Lê Hồng Phong 2, Xương Giang, Bắc Giang SĐT: 0398.071.909 E-mail: congnghekimlien@gmail.com	TÊN DỰ ÁN	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
PT GIÁM ĐỐC	HU SONG SHENG	GIÁM ĐỐC	LÊ ĐỨC PHI	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ TRÊN MẶT BỂ	KIỂM DUYỆT: ĐỖ THỊ HẢI LINH THIẾT KẾ: LÊ THỊ HUYỀN TỶ LỆ: 1:15 KÝ HIỆU: CN - 01

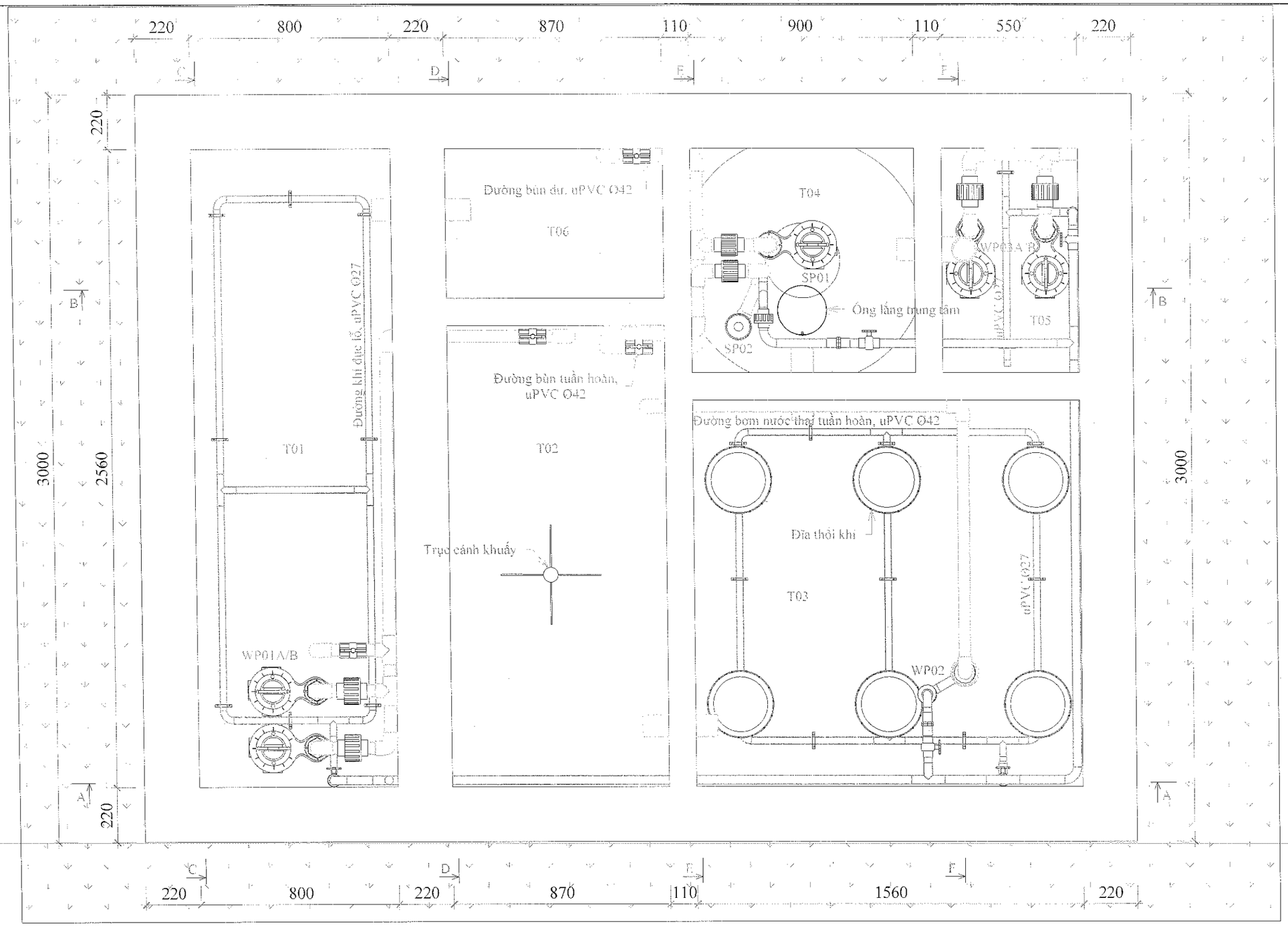

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ DƯỚI ĐÁY BỂ

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01	BỂ ĐIỀU HÒA	T04	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ANOXIC	T05	BỂ KHỬ TRÙNG
T03	BỂ AEROTANK	T06	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH NOVEHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG Địa chỉ: Lô P(P2), KCN Quang Châu, X. Quang Châu, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN Địa chỉ: 45, Lê Hồng Phong 2, Xương Giang 2, Bắc Giang SĐT: 0888.071.999 Email: congnghekimlien@gmail.com	TÊN DỰ ÁN	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
PT GIÁM ĐỐC	HU SONG SHENG	GIÁM ĐỐC	LÊ ĐỨC PHÚ	TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ DƯỚI ĐÁY BỂ	KIỂM DUYỆT: ĐỖ THỊ HẢI LINH THIẾT KẾ: LÊ THỊ HUYỀN TỶ LỆ: 1:15 KÝ HIỆU: CN - 02

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	P (KW)	U (V)
WP01A/B	BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ	0.25	220
WP02	BƠM BỂ AEROTANK	-	-
WP03A/B	BƠM BỂ KHỬ TRÙNG	0.25	220
SP01	BƠM BÙN BỂ LẮNG	0.25	220
SP02	HÚT BÙN NỔI BỀ MẶT	-	-
AR01/02	MÁY THỔI KHÍ	0.202	220

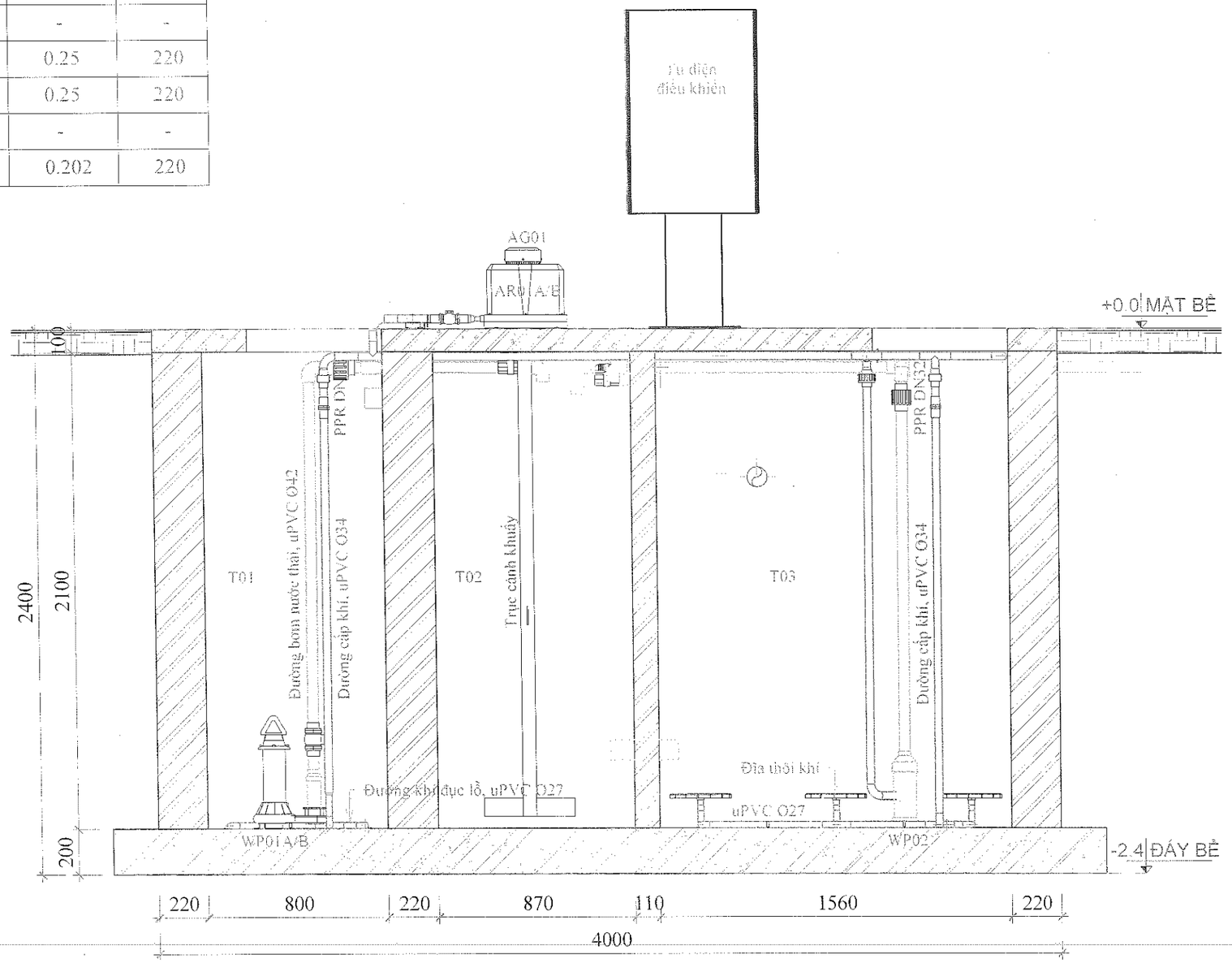

MẶT CẮT A-A

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01	BỂ ĐIỀU HÒA	T04	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ANOXIC	T05	BỂ KHỬ TRÙNG
T03	BỂ AEROTANK	T06	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG Địa chỉ: Lô B.P38, KCN Quang Châu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN Địa chỉ: 45, Lê Hồng Phong 2, Xương Giang, Bắc Giang SĐT: 0888.071.999 Email: congnghekimlien@gmail.com	TÊN DỰ ÁN	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
				TÊN BẢN VẼ	MẶT CẮT A-A
				KIỂM DUYỆT	ĐỖ THỊ HẢI LINH
				THIẾT KẾ	LÊ THỊ HUYỀN
				TỶ LỆ	1/20
				KÝ HIỆU	CN - 03
PT GIÁM ĐỐC	HU SONG SHENG	GIÁM ĐỐC	LÊ ĐỨC PHI		

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	P (KW)	U (V)
WP01A/B	BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ	0.25	220
WP02	BƠM BỂ AEROTANK	-	-
WP03A/B	BƠM BỂ KHỬ TRÙNG	0.25	220
SP01	BƠM BÙN BỂ LẮNG	0.25	220
SP02	HÚT BÙN NỔI BỀ MẶT	-	-
AR01/02	MÁY THỔI KHÍ	0.202	220

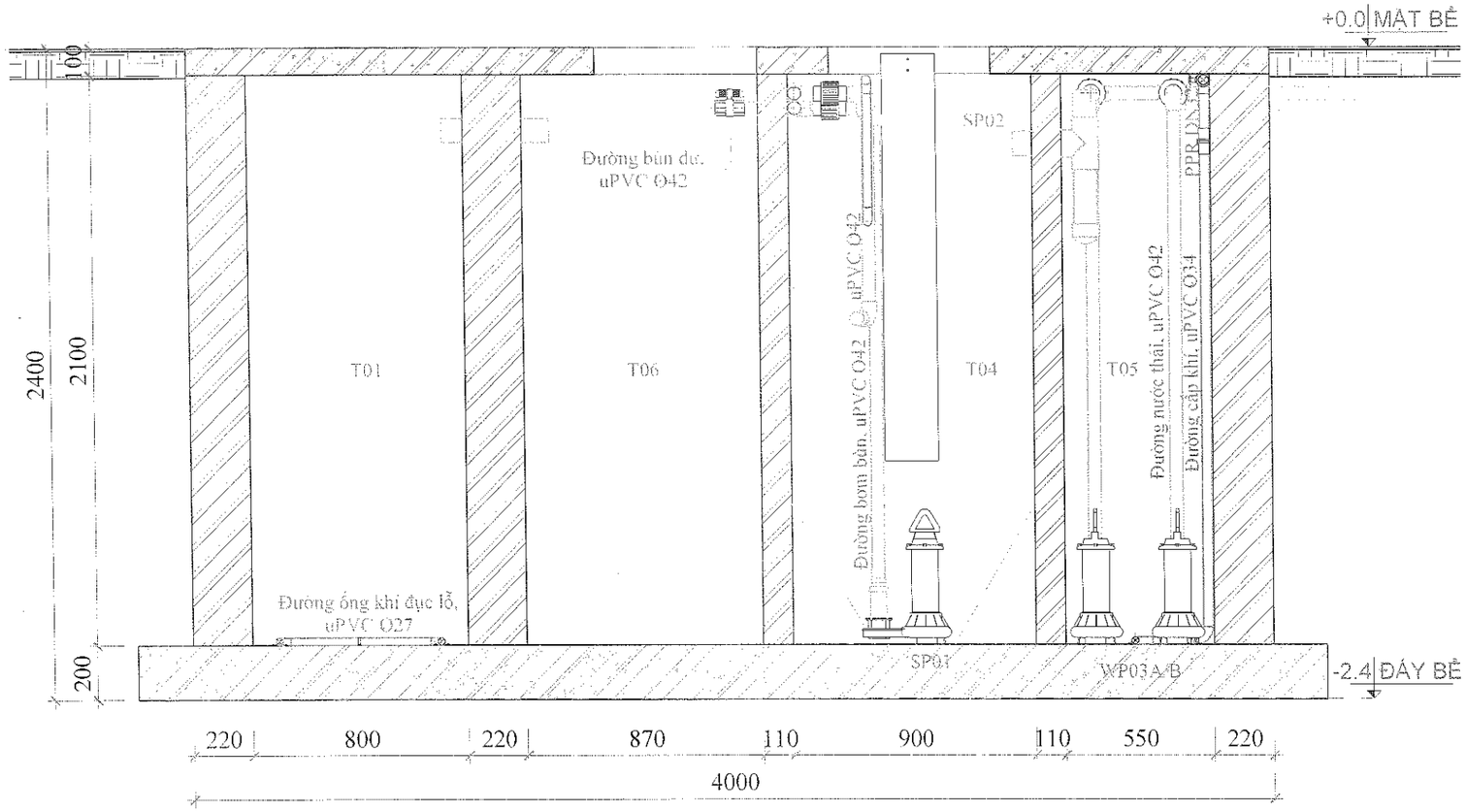

MẶT CẮT B-B

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01	BỂ ĐIỀU HÒA	T04	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ANOXIC	T05	BỂ KHỬ TRÙNG
T03	BỂ AEROTANK	T06	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG Địa chỉ: Lô P(F3) KCN Quang Châu, X. Quang Châu, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN Địa chỉ: 45, Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, Bắc Giang SĐT: 0888 071 999 Email: congnghekimlien@gmail.com	TÊN DỰ ÁN	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
PT GIÁM ĐỐC	HU SONG SHENG	GIÁM ĐỐC	LÊ ĐỨC PHI	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT B-B	KIỂM DUYỆT: ĐỖ THỊ HẢI LINH
					THIẾT KẾ: LÊ THỊ HUYỀN
					TỶ LỆ: 1/20
					KÝ HIỆU: CN - 04

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	P (KW)	U (V)
WP01A/B	BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ	0.25	220
WP02	BƠM BỂ AEROTANK	-	-
WP03A/B	BƠM BỂ KHỬ TRÙNG	0.25	220
SP01	BƠM BÙN BỂ LẮNG	0.25	220
SP02	HÚT BÙN NỔI BỀ MẶT	-	-
AR01/02	MÁY THỔI KHÍ	0.202	220

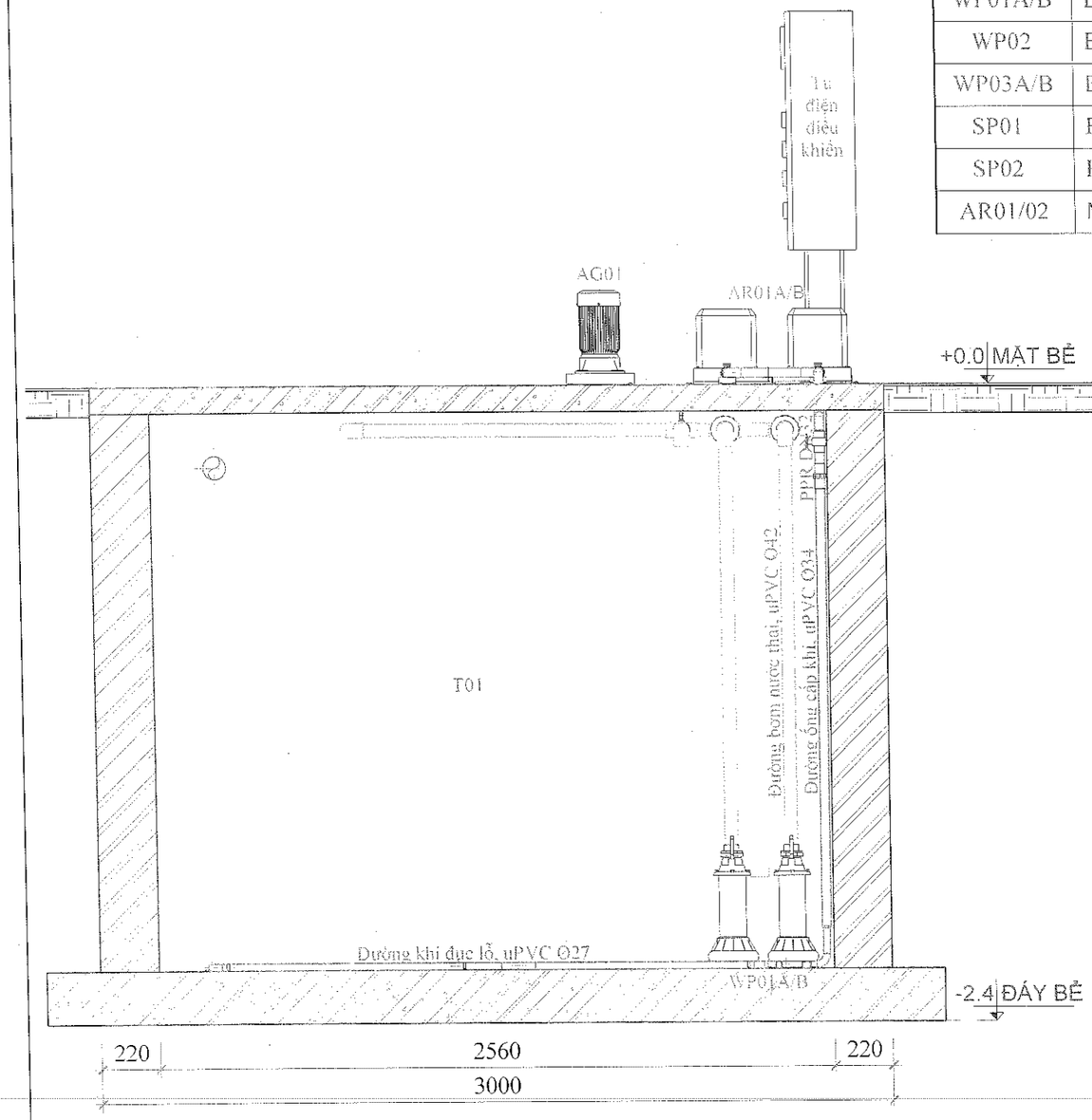

MẶT CẮT C-C

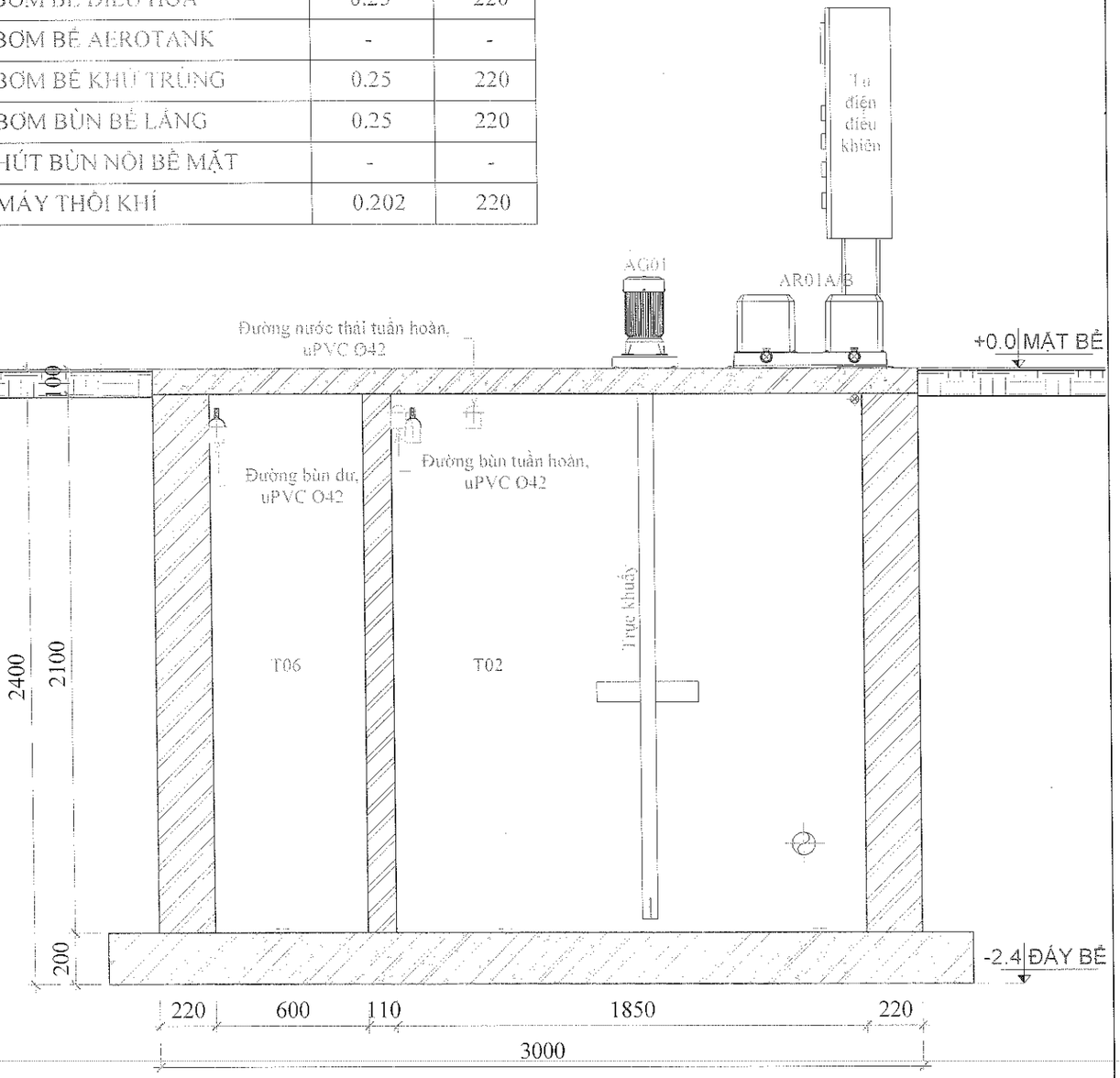

MẶT CẮT D-D

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01	BỂ ĐIỀU HÒA	T04	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ANOXIC	T05	BỂ KHỬ TRÙNG
T03	BỂ AEROTANK	T06	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH NEW HOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG Địa chỉ: Lô P(P3), KCN Quang Châu, X. Quang Châu, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN Địa chỉ: 45, Lê Hồng Phong 2, Xương Giang, Bắc Giang SĐT: 0888.071.999 Email: congnghekimlien@gmail.com
PT GIÁM ĐỐC	HE SONG SHENG	GIÁM ĐỐC	LÊ ĐỨC PHI

TÊN DỰ ÁN	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
TÊN BẢN VẼ	MẶT CẮT C-C, MẶT CẮT D-D	KIỂM DUYỆT	ĐỖ THỊ HẢI LINH
		THIẾT KẾ	LÊ THỊ HUYỀN
		TỶ LỆ	1:20
		KÝ HIỆU	CN - 05

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	P (KW)	U (V)
WP01A/B	BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ	0.25	220
WP02	BƠM BỂ AEROTANK	-	-
WP03A/B	BƠM BỂ KHỬ TRÙNG	0.25	220
SP01	BƠM BÙN BỂ LẮNG	0.25	220
SP02	HÚT BÙN NỔI BỀ MẶT	-	-
AR01/02	MÁY THỔI KHÍ	0.202	220

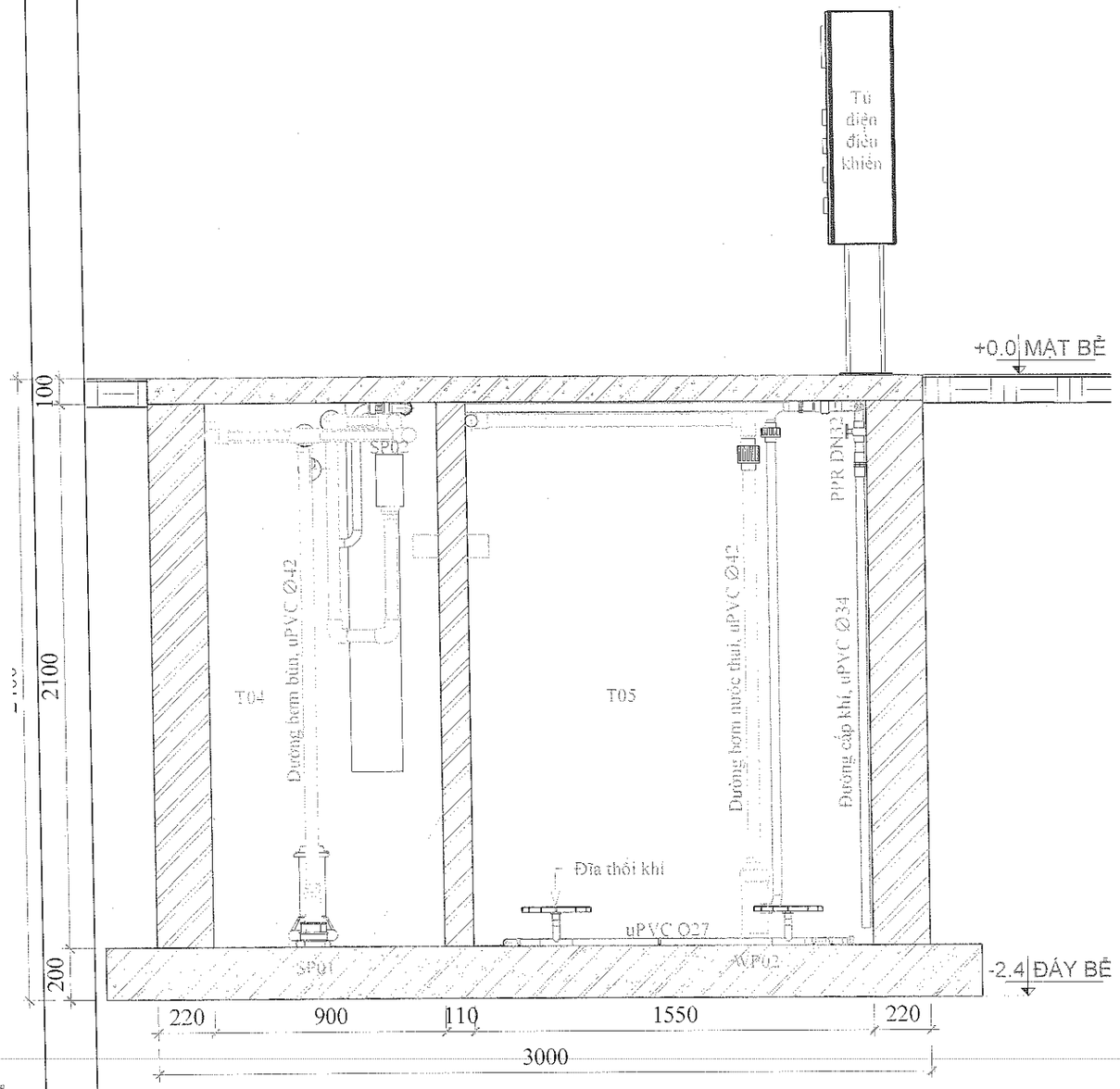

MẶT CẮT E-E

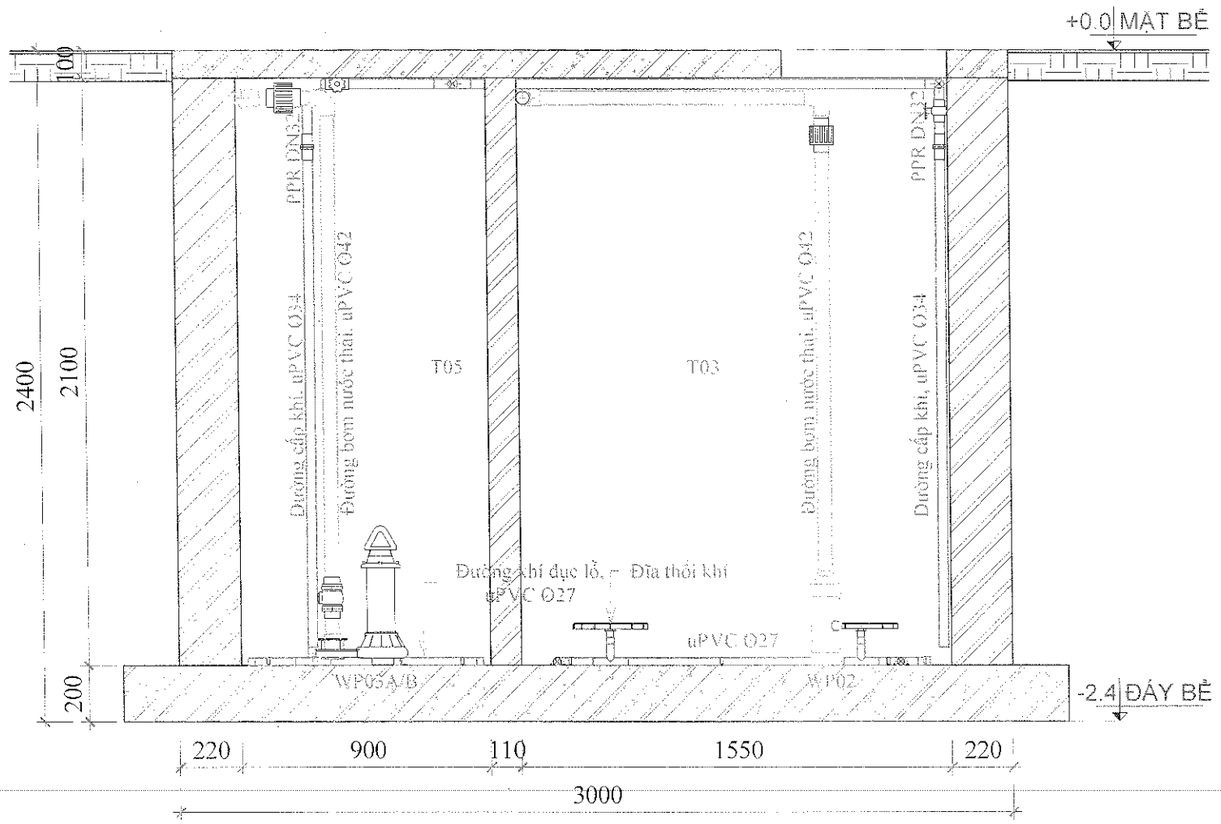

MẶT CẮT F-F

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01	BỂ ĐIỀU HÒA	T04	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ANOXIC	T05	BỂ KHỬ TRÙNG
T03	BỂ AEROTANK	T06	BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG

Địa chỉ: Lô P1B1, KCN Quang Châu, X. Quang Châu, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

PT GIÁM ĐỐC: HU SONG SHENG

ĐƠN VỊ TVTK

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN

Địa chỉ: 45, Tề Hồng Phong 2, Xương Giang, Bắc Giang
SĐT: 0888.071.999
Email: congnghekimlien@gmail.com

GIÁM ĐỐC: LÊ ĐỨC PHI

TÊN DỰ ÁN: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT E-E, MẶT CẮT F-F

KIỂM DUYỆT	ĐỖ THỊ HẢI LINH
THIẾT KẾ	LÊ THỊ HUYỀN
TỶ LỆ	1/20
KÝ HIỆU	CN - 06

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

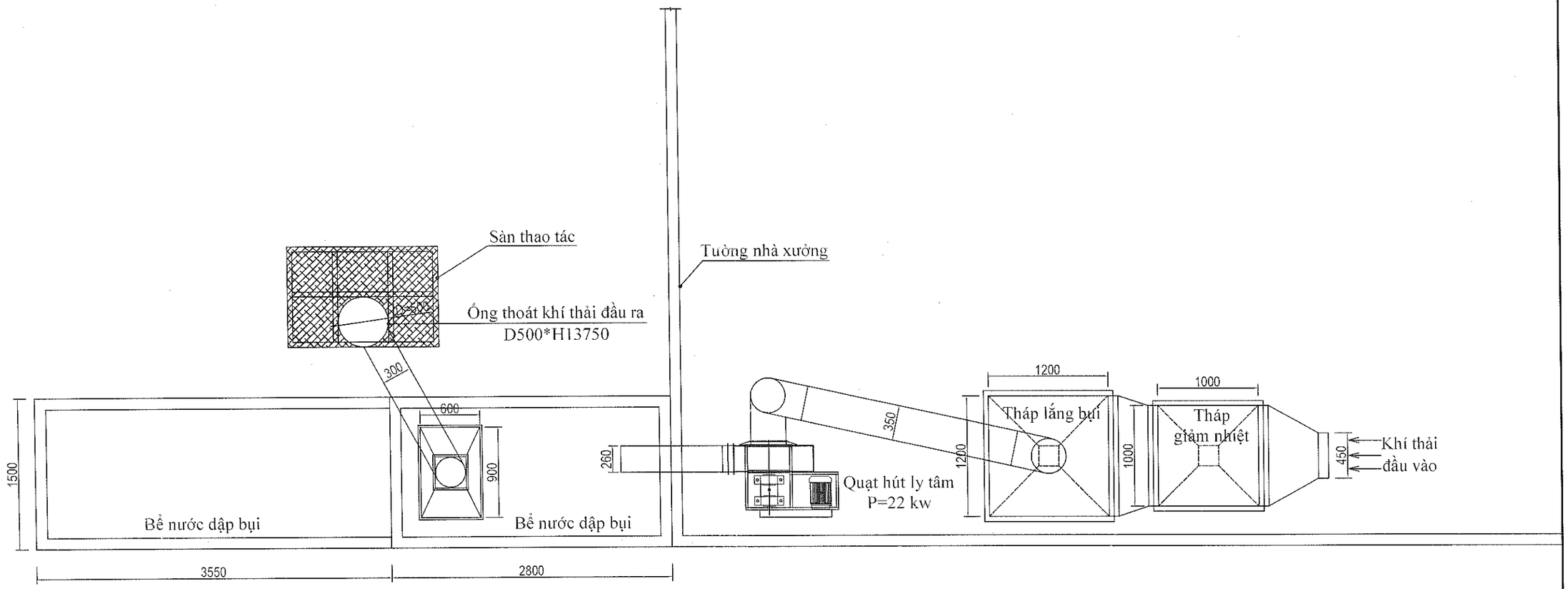

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH NEW HOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG ĐCTC: Lô P-P3, KCN Quang Châu, Xã Quang Châu, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐƠN VỊ TVTK CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN ĐC: Số 45, Lê Hồng Phong 2, Xương Giang, Bắc Giang SĐT: 0888.071.999 Email: congnghekimlien@gmail.com		TÊN DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
GIÁM ĐỐC		GIÁM ĐỐC	LÊ ĐỨC PHI	TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	KIỂM DUYỆT: ĐỖ THỊ HẢI LINH THIẾT KẾ: LÊ THỊ HUYỀN TỶ LỆ: 1:40 KÝ HIỆU: A-01

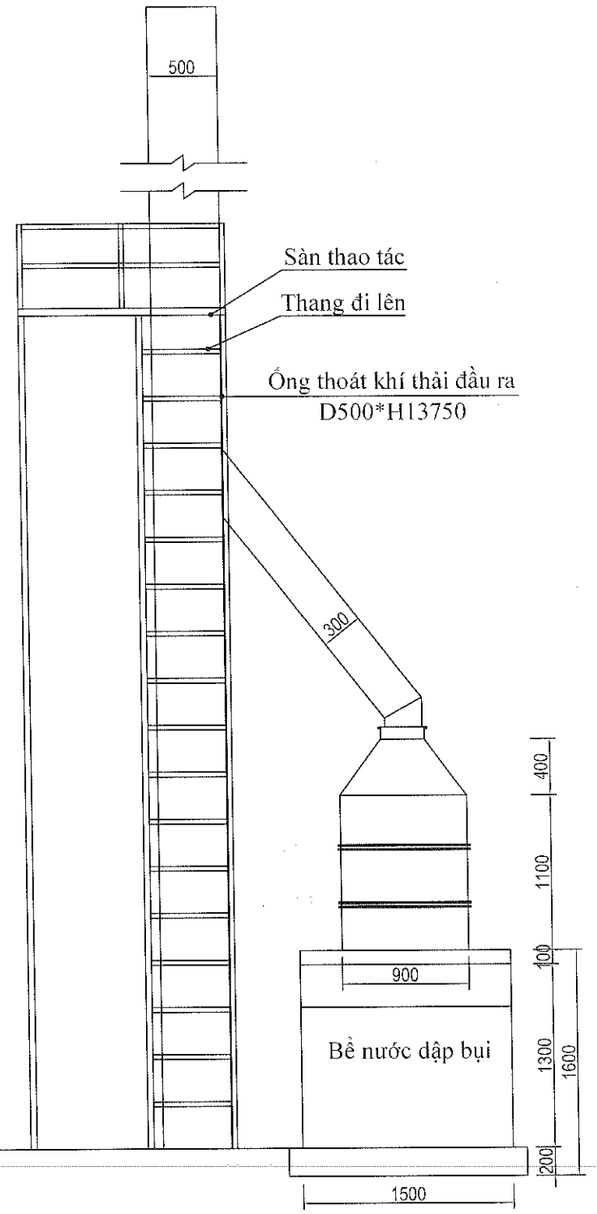

MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

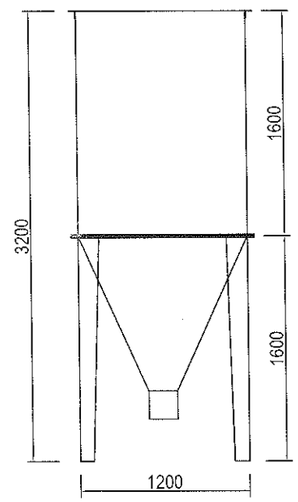

CHI TIẾT THÁP LẮNG BỤI

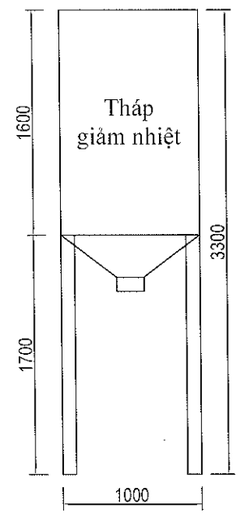

CHI TIẾT THÁP GIẢM NHIỆT

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG ĐCTC: Lô F(03), KCN Quang Châu, TT Nếnh, Quang Châu, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN ĐC: Số 45, Lê Hồng Phong 2, Xương Giang, Bắc Giang SĐT: 0888.07.1.999 Email: congnghekimlien@gmail.com	TÊN DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC: LÊ ĐỨC PHI	TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI, CHI TIẾT THÁP LẮNG BỤI, GIẢM NHIỆT	KIỂM DUYỆT: ĐỖ THỊ HẢI LINH THIẾT KẾ: LÊ THỊ HUYỀN TỶ LỆ: 1:40 KÝ HIỆU: A-03

MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

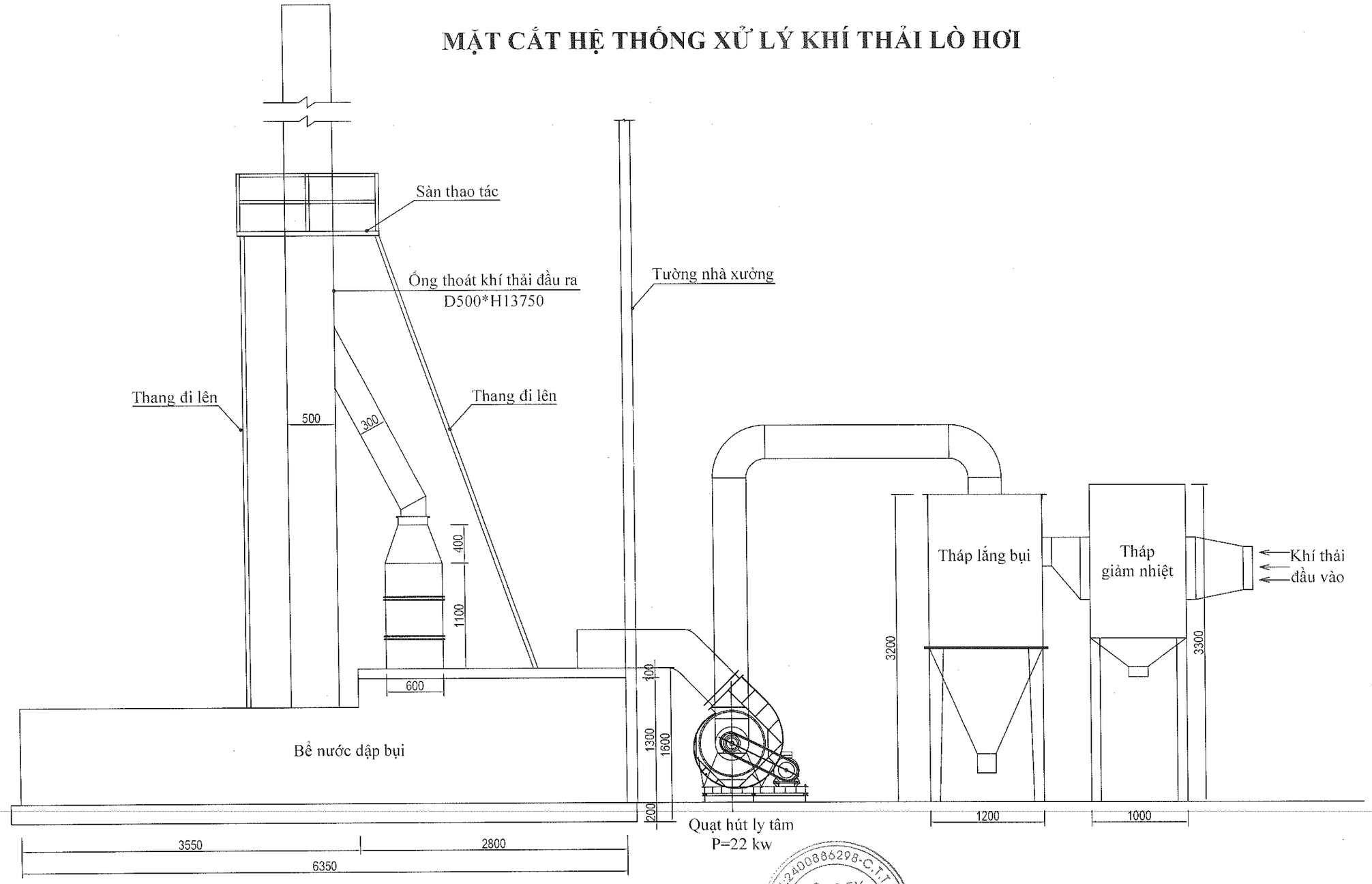

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH NEWHOPE HÀ NỘI - CHI NHÁNH BẮC GIANG ĐCTC: Lô P (P1), KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, H. Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	ĐƠN VỊ TVTK CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN ĐC: Số 45, Lê Hồng Phong 2, Vương Giang, Bắc Giang SĐT: 0888.67.1.999 Email: congnghekimlien@gmail.com	TÊN DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC: LÊ ĐỨC PHI	TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI	KIỂM DUYỆT: ĐỖ THỊ HẢI LINH THIẾT KẾ: LÊ THỊ HUYỀN TỶ LỆ: 1:40 KÝ HIỆU: A-02